

# VĂN HÓA

## P HẬT G I Á O

**Niềm vui  
phụng sự**

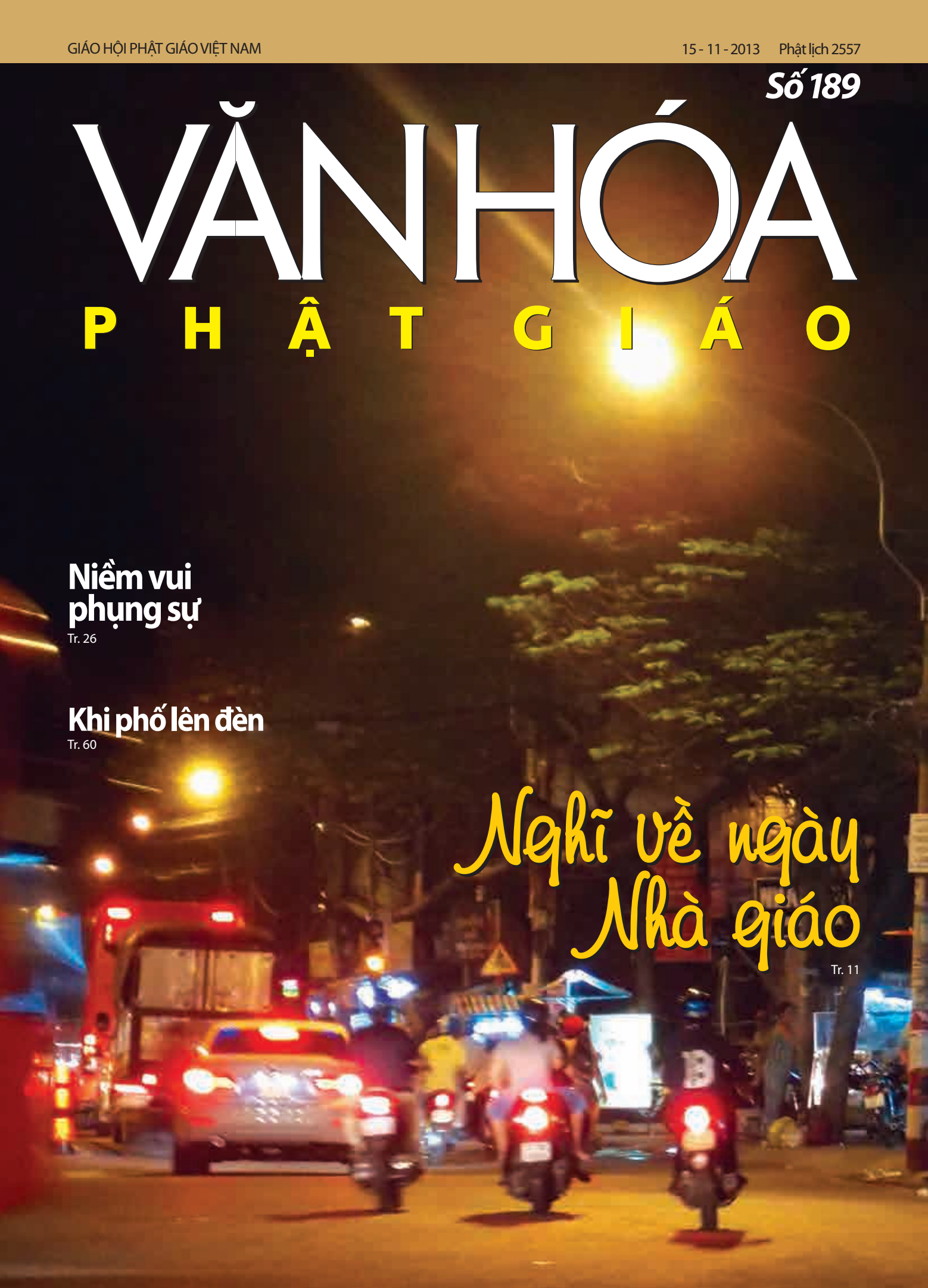
Tr. 26

**Khi phố lên đèn**

Tr. 60

*Nghĩ về ngày  
Nhà giáo*

Tr. 11



# TỎA SÁNG NGHỊ LỰC VIỆT

Với thông điệp:

**Sống trung thực - Sống trách nhiệm - Sống nghị lực**

**TÔN VINH NHỮNG "NICK VUJICIC" VIỆT NAM**

**TÔN HOA SEN ĐỒNG TỔ CHỨC CUỘC THI VIẾT:**

**"*Giương nghị lực phi thường*"**

Bài viết gửi về email:

\* [nghilucphithuong2013@gmail.com](mailto:nghilucphithuong2013@gmail.com)

\* [nghilucphithuong@thanhniem.com.vn](mailto:nghilucphithuong@thanhniem.com.vn)

Vui lòng truy cập **[www.toasangnghilucviet.vn](http://www.toasangnghilucviet.vn)**

Facebook Fanpage

facebook

<https://www.facebook.com/toasangnghilucviet>

Đơn vị tổ chức



THANHNIEM

HOA SEN GROUP



**TÔN HOA SEN** - Mái ấm gia đình Việt

[www.hoasengroup.vn](http://www.hoasengroup.vn)





# Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
kiêm Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU  
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Trình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-8) 3 8484 335  
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo  
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-8) 35265 569  
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn  
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa  
Số tài khoản: 1487000000B  
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

|                                                                                                               |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sương mai                                                                                                     | 3  |
| Lớp học đi về đâu (Cao Huy Hóa)                                                                               | 4  |
| Người thầy nổi nhịp cầu văn hóa Việt-Nhật (Nguyễn Trọng Nghĩa)                                                | 8  |
| Nghĩ về ngày Nhà giáo (Phạm Chánh Cần)                                                                        | 11 |
| Sử liệu về Thiền sư Như Sơn (Thích Đồng Dưỡng)                                                                | 14 |
| Ý vị Thiền trong thơ Đào Tấn (Nguyễn Đình Thu)                                                                | 18 |
| Ác ma không thấy đường đi lối về (Liên Hương)                                                                 | 22 |
| Niềm vui phụng sự (Nguyễn Thế Đăng)                                                                           | 26 |
| Đỉnh Núi và Mặt Đất (Thị Giới)                                                                                | 28 |
| Phật giáo nhân gian trong quá trình phát huy văn hóa dân tộc (Thích Giác Toàn)                                | 31 |
| Một lần nữa, Huế lại "thoát bão"! (Nguyễn Khắc Phê)                                                           | 34 |
| Nói sao cho vừa lòng (Vĩnh Hạnh Thái Chí Bình)                                                                | 36 |
| Tài và tật (Lê Hải Đăng)                                                                                      | 38 |
| Chuyện đám tang (Hoàng Tá Thích)                                                                              | 40 |
| Huế và một tình yêu (Nguyễn Văn Toàn)                                                                         | 42 |
| Thầy cô tôi ngày ấy (Phạm Tuấn Vũ)                                                                            | 45 |
| Người thầy nơi đảo xa (Phạm Hùng Cường)                                                                       | 46 |
| Sau cơn giận (Hải Trình)                                                                                      | 48 |
| Giấc khuya từ "cội rễ hỗn nhiên" (Hồ Đăng Thanh Ngọc)                                                         | 50 |
| Thơ (Đặng Trung Thành, Nguyễn Tiêu, Phan Thành Minh, Mạc Tường, Nguyễn Thánh Ngã, Trà Kim Long, Trường Khánh) | 52 |
| Bộ quần áo cũ (Lý Thị Minh Châu)                                                                              | 54 |
| Hai lần siết tay (Vĩnh Hiền)                                                                                  | 57 |
| Đà Lạt, với tôi... (Ngọc Giang)                                                                               | 58 |
| Khi phố lên đèn (Tư Hương)                                                                                    | 60 |
| Lời cảm ơn cuộc sống                                                                                          | 61 |

**Bìa 1: Phố đêm. Ảnh: Ngô Văn Thông**

# Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Văn Hóa Phật Giáo số 189 có mặt vào lúc xã hội ta đang rộn rã chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam. Việc tôn vinh nghề dạy học và người dạy học của người Việt thể hiện truyền thống “Tôn Sư Trọng Đạo” vẫn được dân tộc ta tiếp nối suốt hàng ngàn năm qua, cho thấy tinh thần “Tiên học Lễ, Hậu học Văn” chưa bao giờ phai nhạt trong lòng người dân Việt.

Hòa trong tinh thần chung của việc thể hiện lòng biết ơn đối với các Thầy Cô giáo, VHPG số 189 cũng có những bài viết bày tỏ tình cảm sâu sắc của người học trò đối với những người có công dạy dỗ, giáo dục mình. Vấn đề mà Văn Hóa Phật Giáo nêu ra là ý nghĩa của một ngày lễ phải gắn kết với chủ thể của những người tham gia buổi lễ, nói lên được truyền thống văn hóa hay dấu tích lịch sử của cộng đồng về ngày lễ ấy. Một lần nữa, VHPG đặt câu hỏi về ý nghĩa của ngày 20 tháng Mười Một đối với truyền thống giáo dục Việt Nam hoặc đối với sự hội nhập của người Việt vào cộng đồng nhân loại trong thời đại toàn cầu hóa.

Như đã thưa trong số báo trước, sau khi phát hành số báo này, VHPG cũng sẽ tiến hành việc gửi lịch năm Giáp Ngọ 2014 đến tặng những điểm phát hành, quý vị độc giả dài hạn, các vị cộng tác viên thường xuyên, quý ân nhân và thân hữu của Tạp chí. Hy vọng rằng món quà tặng nhỏ bé của chúng tôi cũng chuyên chở được lòng biết ơn của Tạp chí trước sự ủng hộ của tất cả quý vị.

Từ số báo 186 phát hành ngày 1-10-2013, chúng tôi đã đạt lời mời viết bài cho Văn Hóa Phật Giáo số đặc biệt Xuân Giáp Ngọ 2014 và sau đó cũng đã nhận được một số bài viết cho nội dung này. Trong số báo 187 phát hành ngày 15-10-2013, chúng tôi cũng nêu thêm một nội dung cho số đặc biệt Xuân Giáp Ngọ 2014 là việc đánh dấu VHPG bước vào năm hoạt động thứ mười. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được bài viết liên quan đến những nội dung trên của quý vị để số báo Xuân VHPG thêm phong phú.

Chỉ trong vòng nửa tháng qua, thời tiết có những diễn biến bất ngờ; cơn bão được dự báo mang số 13 không hình thành nhưng ngay sau đó, cơn bão số 14 có tên quốc tế Haiyan đã tàn phá Philippines và uy hiếp các tỉnh ven biển Việt Nam từ Nam Trung Phần ra tới Vịnh Bắc Bộ. Rất may, do tích cực chuẩn bị phòng chống bão và nhờ đường đi của cơn bão có sự chuyển hướng đột ngột, cơn siêu bão này đã không gây nên những cảnh tượng kinh hoàng cho người Việt như nó đã gây ra cho người Philippines. Mong sao mọi người ý thức được hiểm họa thiên nhiên để tránh những hành vi gây hại đối với môi trường sống, nhờ đó giảm bớt những cơn thịnh nộ của thiên nhiên.

Xin kính chúc quý vị thân tâm an lạc.

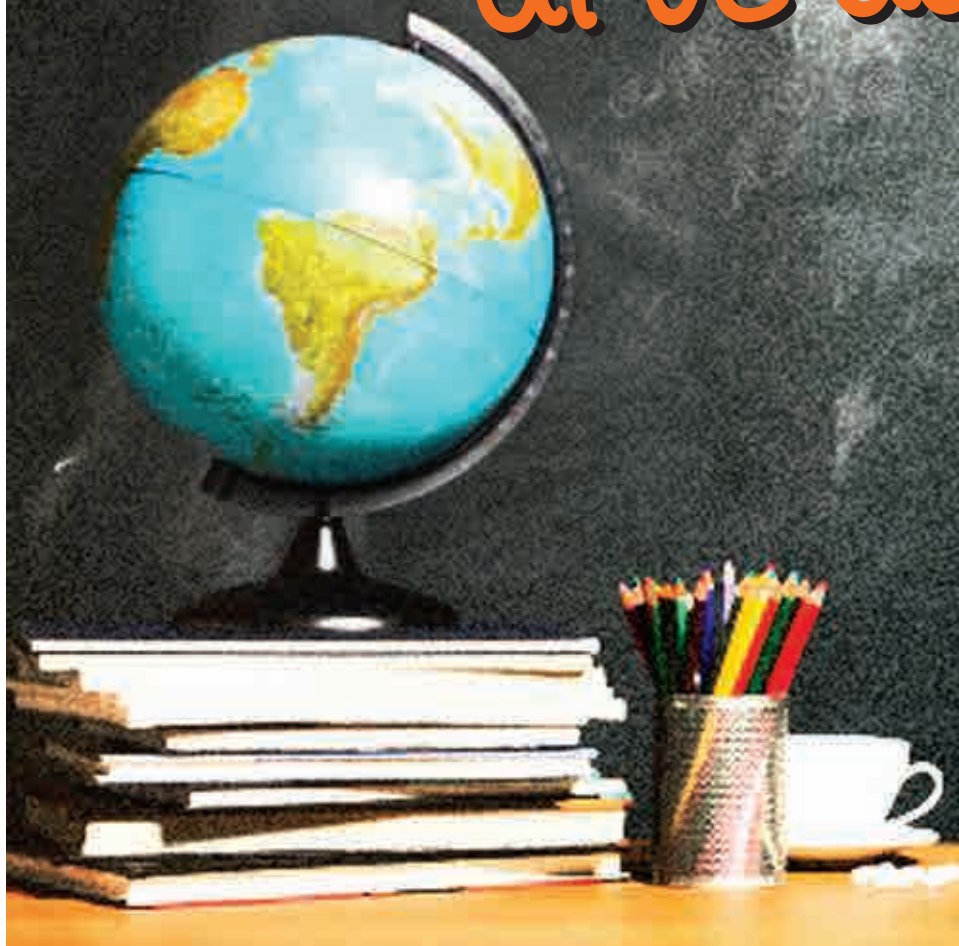
Văn Hóa Phật Giáo



**Có Niết-bàn, có con đường  
đi đến Niết-bàn, có Như Lai  
là người chỉ đường.  
(Kinh *Ganaka Mogallana*,  
107 - Trung Bộ)**

Ảnh: Tú Oanh

# Lớp học đi về đâu?



**K**hi thầy viết bảng, bụi phấn rơi rơi... Phấn trắng và bảng đen đã gắn bó với cuộc đời thầy cô giáo từ lâu. Phấn trắng có làm cho tóc thầy bạc hoặc bạc hơn, không sao, đẹp thôi; tuy nhiên, bụi phấn ít nhiều đã đi vào đường hô hấp, làm tổn hại lá phổi của thầy. May thay, điều đó được cải thiện khá nhiều nhờ phấn trắng loại ít bụi; và bảng đen được thay bằng bảng màu xanh lá cây đậm, rồi sau này là bảng chống lóa.

Đến thời đại tin học, phòng học vì tính không thể dùng phấn trắng được vì bụi làm ô nhiễm người dạy, người học và làm dơ máy vi tính; cho nên đã xuất hiện “đứa em” của phấn trắng, bảng xanh, đó là bút xạ và bảng trắng bằng

mica. Phấn, bảng cùng với bàn ghế là những thứ đáp ứng nhu cầu cơ bản cho trang bị lớp học; ngoài ra, còn có thể thêm, tùy điều kiện và cấp lớp: bản đồ, tủ sách và dụng cụ, quạt máy, đèn, giá mũ nón, áo mưa...

Thế rồi, mấy chục năm gần đây, khoa học kỹ thuật tiến bộ nhanh chóng, nhất là công nghệ thông tin và truyền thông phát triển như vũ bão, rồi internet ở khắp mọi nơi, đã ảnh hưởng sâu rộng đến mọi hoạt động của xã hội. Ngành giáo dục vừa thừa hưởng và áp dụng những công nghệ tiên tiến ấy trong công tác dạy và học, vừa đào tạo con người để sử dụng công nghệ và phát huy năng lực của học sinh trong lãnh vực mới. Vậy thì bộ mặt lớp học có gì thay đổi?



## CAO HUY HÓA

Nói riêng tại nước ta, những vùng sâu, vùng xa, miền núi có lắm khó khăn, nhà trường đảm bảo điều kiện bình thường là đã khó, nói gì đến công nghệ tiên tiến. Nhưng trải rộng trên nhiều miền đất nước, các trường học ở các nơi xa thành phố lớn vẫn có máy vi tính, máy in, mạng, có phòng trang bị tivi, laptop, đèn chiếu, màn hình, dầu chưa được học sinh sử dụng rộng rãi. Chỉ khởi sắc là ở các đô thị lớn, đặc biệt là tại TPHCM và Hà Nội.

Thời gian gần đây, nhằm vào mùa khai giảng năm học mới 2013-2014, rộ lên chuyện trang thiết bị cho các phòng học tại TPHCM mà báo chí phản ánh nhiều. Chuyện không mới là lâu nay, nhiều trường đã trang bị

laptop, đèn chiếu, màn hình, giáo án điện tử để cải tiến phương pháp giảng dạy; có trường lại lo lắng về chuyện kiểm tra thấy cô, đánh giá thi đua bằng cách lắp đặt camera theo dõi hoạt động trong lớp (chuyện này gây ra nhiều dư luận trái chiều, nhưng chắc chắn giáo viên buồn lòng vì bị gò bó và tổn thương lòng tự trọng). Đến lúc nhà trường nhận ra đèn chiếu, màn hình không đạt hiệu quả nghe nhìn, liền trang bị tivi 32 inches, tiến đến màn hình LCD 52 inches kết nối với máy tính bàn hoặc laptop. Học sinh ban đầu hào hứng vì của lạ, sinh động, nhiều ứng dụng, nhưng lớp học thì đông, mọi ánh mắt đổ dồn vào màn hình; dầu sao màn hình nhỏ quá so với bảng, lại thêm có phía học sinh không thấy được, chữ lại nhỏ, thế là hiệu quả trên số đông kém đi. Một công cụ mới được các công ty tiếp thị với trường học: “bảng tương tác có màn hình 78 inches, sử dụng phần mềm thiết kế bài giảng tương tác, phần mềm kiểm tra đánh giá và giáo trình được biên soạn theo sách giáo khoa, tổng trị giá 30 triệu đồng” (theo *Tuổi Trẻ*, 27/9/2013). “Một công ty tại Hà Nội tiếp thị thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM với chương trình tài trợ cho năm trường tiểu học tại TPHCM giải pháp “lớp học tương tác”. Các sản phẩm tài trợ là bảng tương tác, máy chiếu, laptop, thiết bị kiểm tra trắc nghiệm, phần mềm soạn giáo án, hệ thống loa và phụ kiện đi kèm. Tất cả khoảng 60 triệu đồng, mỗi năm công ty sẽ thu phí bản quyền phần mềm sáu triệu/lớp học.

Những phòng học trang bị những thiết bị dạy học hiện đại như trên là hướng phần đầu của nhiều trường ở đô thị. Ngay ở Nha Trang, một trường tiểu học có một “lớp học năm sao” (lớp 7/1 Trường THCS Võ Văn Ký) được trang bị máy lạnh, máy chiếu, laptop, micro không dây, loa, phần mềm giáo án điện tử (*Tuổi Trẻ*, 27/9/2013). Cũng theo tin của *Tuổi Trẻ* ngày 7-10-2013, UBND tỉnh Khánh Hòa đã quyết định trang cấp cho toàn bộ 187 trường tiểu học và tất cả các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở hệ thống các thiết bị hiện đại theo đề án: “Dạy và học ngoại ngữ trong các cấp học của tỉnh Khánh Hòa từ nay đến năm 2020”. Trước đó, UBND TPHCM đã chấp thuận hỗ trợ 50% kinh phí để sắm bộ thiết bị giảng dạy đa chức năng (bảng tương tác) dùng trong các trường mầm non và tiểu học, theo hai đề án: “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp thành phố” và “Phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi” (*Tuổi Trẻ*, 4-10-2013). Quán quân của phòng học hiện đại là phòng học 3D của Trường THPT Lương Thế Vinh, quận 1, TPHCM. Đây là trường đầu tiên trên cả nước ứng dụng giảng phần mềm 3D ở các môn học vật lý, hóa học, địa lý, sinh vật và công nghệ. Học sinh mỗi em đều mang một loại kính đen để xem diễn tiến trên màn hình một cách sinh động và hấp dẫn, giống như ngồi trong rạp xem phim 3D. Chi phí phòng học như thế lên đến 400 triệu đồng. (Theo *Tuổi Trẻ online*, 30/9/2013).

Các trường đang thi đua sắm sửa những phòng học hiện đại với thiết bị hiện đại, và phụ huynh giàu cũng thi đua để con em mình được hưởng những công nghệ hiện đại ấy. Cả hai gặp nhau trong chính sách gọi là xã hội hóa giáo dục, mà cụ thể là phụ huynh đóng góp trên mức bình thường những nhu cầu dạy, học và nhu cầu đa dạng của trường. Những lớp học năm sao, bảng tương tác, phòng học 3D, máy lạnh... đều do phụ huynh học sinh đóng góp. Thế nhưng phụ huynh thì cũng lắm loại phụ huynh: có người đầy đủ vật chất thì đóng góp chục triệu trở lên cũng không sao, có người thì tặc lưỡi, thôi gắng mà đóng, và dĩ nhiên cũng có người toát mồ hôi hột chạy cho ra tiền cho con học với cái hiện đại.

Cái hiện đại, chạy cho ra tiền để mua đã khó, mà cho nó vận hành trơn tru và hiệu quả, lại khó hơn, nhất là cái gì gồm cả phần cứng và phần mềm. Chi phí về phần cứng đã cao và dễ hư hỏng, còn chi phí phần mềm thì phải mua, rồi đòi hỏi người giáo viên sử dụng hiệu quả, thạo máy tính, và biết soạn bài dạy trên phần mềm được trang bị. Nhà trường có thể mua giáo án điện tử, nhưng làm sao đạt hiệu quả cao nếu không phải ai cũng sử dụng thành thạo như nhau? Xin dẫn chứng những bài trên *Tuổi Trẻ* về hiệu quả sử dụng: “Vào lớp, cô giáo loay hoay khởi động máy tính, cắm USB, tải dữ liệu; gặp trục trặc, cô phải gọi điện thoại nhờ người rành công nghệ tới hỗ trợ. Học sinh ngồi chờ, 15 phút sau, bài giảng mới thực sự bắt đầu” (*Tuổi Trẻ* 24/9/2013). Cô S.T., giáo viên một trường tiểu học tại Gò Vấp, cho biết: “Cả năm nay hầu như các màn hình LCD chỉ để ngấm là chính. Hồi mới lắp đặt thì giáo viên cũng nhiệt tình dạy học bằng giáo án điện tử hoặc chiếu hình ảnh tư liệu, về sau thấy mất thời gian và nguồn tư liệu cũng cạn dần”.

Giáo án điện tử chỉ là bộ mặt trên giao diện máy tính và màn hình của công trình soạn bài ở nhà. Thầy nào thì bài đó. Người thầy có thể dạy hay với phấn và bảng, nhưng dạy với giáo án điện tử thì lúng túng. Cho nên ngoài khả năng chuyên môn, thầy còn phải có khả năng thích ứng với công nghệ mới. Hiệu trưởng một trường tiểu học tại quận 3 băn khoăn: “Không phải giáo viên nào cũng rành máy móc và thao tác tốt trên các thiết bị dạy học hiện đại. Khi sử dụng máy móc, giáo viên thường loay hoay với cái máy, vừa mất thời gian vừa thiếu sự gắn gũi, giao lưu với học trò. Như vậy hiệu quả giảng dạy sẽ không đạt được” (*Tuổi Trẻ*, 24/9/2013).

Qua việc trang bị những thứ hiện đại cho các phòng học ở các trường lớn, một số vấn đề lớn cần quan tâm:

- Tất nhiên, lợi ích của các thiết bị này là thấy rõ: bài giảng hấp dẫn, học trò chú ý, người dạy kiểm tra, đánh giá trong một số trường hợp, học sinh được mở rộng kiến thức bằng những tư liệu, biểu đồ, âm thanh, hình ảnh sinh động, mới mẻ... Nhưng muốn dùng các thiết bị này, cần nghiên cứu kỹ, cần tổ chức thực hiện, cần huấn luyện giáo viên cho thành thục, trên cơ sở kiến thức và thực hành máy tính, kể cả kỹ năng làm giáo án

điện tử. Đừng để chỉ ra không biết bao nhiêu tiền mà cuối cùng thiết bị phải trùm mền. Theo thiện ý, chương trình và sách giáo khoa là dành cho các lớp phổ thông, phần trắng bảng đen với phòng học đăng hoàng là đủ để cho thầy cô thao tác; có gì hiện đại thêm vào cũng chỉ là hỗ trợ, và không hẳn khi nào cũng xông vào hỗ trợ. Có gì mình phải vất vả chạy đua với vật chất như thế, trong khi cái chính phải giải quyết là trình độ giáo viên, đời sống giáo viên, và cho giáo viên thoát khỏi những thứ thi đua thành tích vô bổ, những hồ sơ nặng nề, phản tác dụng?

- Phụ huynh tham gia vào việc trang cấp thiết bị lớp học là rất quý, nhưng việc tạo nên lớp học “quý tộc” với những máy lạnh, thiết bị hiện đại dành cho một số học sinh chọn lọc sử dụng, tạo ra ốc đảo phong lưu giữa những phòng học bình thường, liệu có nên không? Bộ, Sở và trường phải cầm chịch bằng quan điểm giáo dục và xã hội đăng hoàng, chứ không phải là lực lượng khác. Lực lượng khác ở đây không chỉ là một số phụ huynh giàu, mà còn là những công ty hăng hái tiếp thị với trường, hứa hẹn bao nhiêu chuyện tốt đẹp, kể cả chiết khấu, quà tặng cho đơn vị mua.

Hiện trạng giáo dục đã phơi bày sự phân hóa ngày càng sâu sắc giữa trường nghèo và trường giàu, giữa lớp nghèo và lớp giàu, giữa vùng nghèo và vùng giàu. Trên bức tranh chung, nếu có một số mảng nhỏ sáng sủa, thì mênh mông những mảng màu xám, đó là những trường không ra trường, lớp không ra lớp. Bộ trưởng Bộ GD và ĐT Phạm Vũ Luận cho biết, trong một buổi tổ chức lấy ý kiến “Báo cáo giám sát về thực hiện chính sách, pháp luật đảm bảo chất lượng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” (*Dân Trí*, 16-7-2013): “Chúng tôi thẩm thía nhiều khi nghe các ý kiến góp ý là chúng ta chưa đủ điều kiện để đảm bảo chất lượng giáo dục. Nói cá biệt thì trong nhiều trường hợp chúng ta chưa đủ điều kiện tối thiểu cho hoạt động của giáo dục chứ chưa phải đảm bảo. Cụ thể, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc vẫn chưa có lớp học, lớp học vẫn là những phòng học tạm tranh tre nứa lá; ngay ở vùng đồng bằng Bắc Bộ như Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định... cũng không thiếu những phòng học xập xệ và có những phòng học kiên cố hiện nay còn nguy hiểm hơn vì không biết sập lúc nào mà chúng tôi đã đi thăm và kiểm tra”.

Thật ra, bức tranh giáo dục đó không chỉ ở nước ta, mà còn phổ biến ở nhiều nước trên thế giới<sup>a</sup>, nhưng đứng về mặt hưởng thụ tiện ích của công nghệ hiện đại thì những học trò nghèo vẫn có được sự quan tâm đặc biệt, từ cấp vĩ mô. Trước hết, xin nói về nước Chile<sup>b</sup>. Từ năm 2006, chính phủ đã khai trương đường truyền mạng giáo dục để giúp cho thầy cô giáo và học sinh chuẩn bị làm bài trắc nghiệm tuyển sinh vào đại học. 1,2 triệu học sinh trung học có thể kết nối đường truyền nhờ điện thoại di động hay máy vi tính để học chương

trình tùy chọn. Chính phủ đã giảm thiểu bất bình đẳng về giáo dục giữa những học sinh sống ở tỉnh, thường xuất thân từ hoàn cảnh kém may mắn, và những học sinh ở tại những thành phố lớn, bằng cách cung cấp cho học sinh những công cụ như nhau và những cơ hội như nhau để vào đại học. Kết quả là đáng phấn khởi: 62% những người sử dụng sống ở tỉnh; và năm 2011, 20% trong số họ đạt những điểm xuất sắc tại kỳ thi trắc nghiệm quốc gia.

Điện thoại di động và máy tính bảng càng ngày càng rẻ, được sử dụng rộng rãi, ngay ở các nước nghèo. Cuối năm 2011, người ta tính sáu tỉ điện thoại di động trên thế giới và 80% những cổng đường truyền mới được thực hiện bởi những nước đang phát triển. Thái Lan hiện công bố tất cả học sinh lớp đầu của bậc tiểu học và bậc trung học đều được trang bị một máy tính bảng, tất cả 1,7 triệu trẻ. Và Ấn Độ đã tung ra sản xuất máy tính bảng giá thành thấp để phục vụ sinh viên.

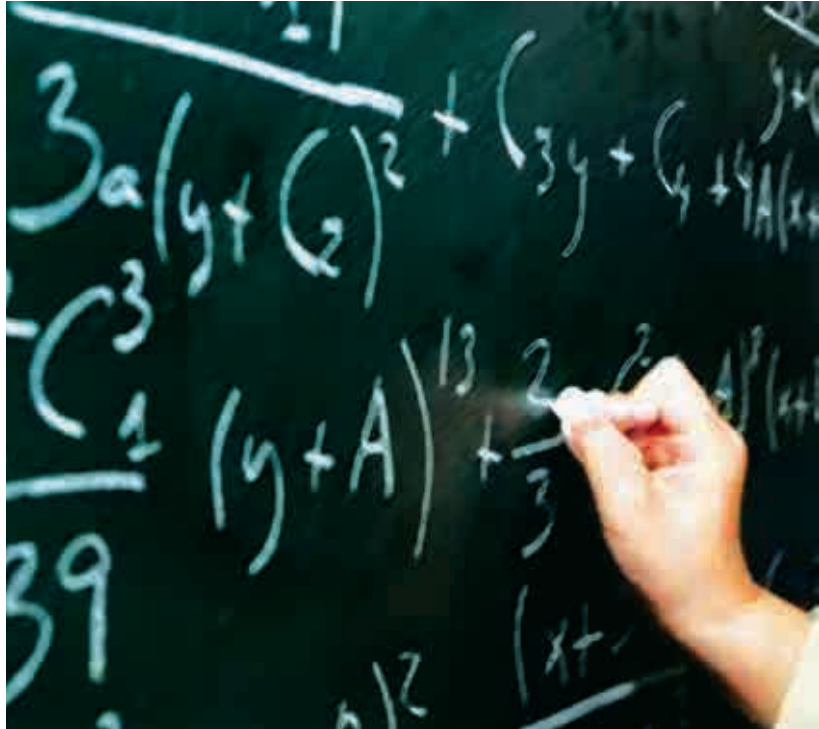
Những kế hoạch tương tự được áp dụng tại Nam Phi, một nước mà 51% hộ gia đình không có một cuốn sách, thì con em họ vẫn được luyện tập trên điện thoại di động để đọc truyện và ngay cả tác phẩm của Shakespeare. Năm 2009, chính quyền đã hợp tác với hãng chế tạo Nokia, và tung ra một áp dụng phần mềm trên điện thoại di động về toán cho những học sinh trung học dưới cái tên dự án MoMaths. Với hơn 10.000 bài tập, chủ yếu dưới dạng câu hỏi-trả lời, học sinh làm bài tập trên điện thoại của chúng và dự thi trên mạng. Năm 2010, học sinh đã cải thiện kết quả đến 14% và cuối năm 2011, chương trình đã được 25.000 người dùng với sự ủng hộ của 500 thầy cô và 172 trường. Kết quả thấy rõ, vì thế dự án đã trải rộng ra ba nước châu Phi khác.

Tại Ấn Độ, trong những vùng nông nghiệp phía Bắc bang Utta Pradesh, 43% trẻ không thường xuyên đến trường, vì chúng thường tham gia công việc đồng áng hay chăn nuôi. Điện thoại di động cho phép chúng học ở bất cứ đâu và khi nào mà chúng mong muốn. Nhóm những nhà thiết kế chương trình lấy cảm hứng từ những trò chơi truyền thống ở thôn quê để lập một chương trình *Chơi mà luyện Tiếng Anh*. "Những trò chơi đó đem lại cho chúng những căn bản của từ vựng, văn phạm và ngữ pháp để trao đổi. Để đi xa hơn, nhất thiết phải có thầy dạy. Nhưng đối với nhà trường có rất ít phương tiện, đó đã là một bước tiến lớn", một nhà thiết kế trong nhóm đã cho biết như thế.

oOo

Những thiết bị hiện đại và các phương tiện nghe nhìn đã làm phong phú lớp học, tạo hiệu ứng đa dạng cho người học, không những thế, còn kéo lớp học ra bên ngoài, đến tận từng học sinh đang làm việc đồng áng nơi quê nhà, hoặc những học sinh không thường xuyên đến trường do hoàn cảnh quá khó khăn.

Cần nhấn mạnh rằng, các phương tiện nói trên phục



vụ cho mọi đối tượng, nhưng lại cần thiết hơn cho các học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, khó theo kịp về chất lượng học tập bằng những học sinh có nền nếp đàng hoàng, có đời sống khá giả. Thực sự, nếu học sinh có đủ trình độ căn bản, thì nếu như không có những bảng tương tác, những giáo án điện tử... mà chỉ có phấn và bảng, thì hiệu quả vẫn tốt như thường, và có thể nhiều khi còn tốt hơn - điều quan trọng nhất vẫn là thầy cô giáo. Dĩ nhiên có những bài học nếu được hỗ trợ của thiết bị hiện đại đưa ra hình ảnh, tư liệu, biểu đồ, video clip, thì học sinh có thể dễ hiểu và thích thú, tuy nhiên những thứ đó phải được sử dụng đúng chỗ và chừng mực.

Trở lại phong trào chạy đua trang thiết bị hiện đại của ban giám hiệu các trường lớn cùng phối hợp với hội phụ huynh học sinh, tôi xin trích đoạn mở đầu của một bài trên báo *Le Monde* ngày 13-11-2012, Allô, là "smart classe"? (a-lô, lớp học thông minh phải không? - tác giả chơi chữ smart, lấy từ smart phone): "Ôn bài, học Tiếng Anh trên điện thoại di động ư? Ngày nay, ở Pháp không ai nghĩ đến việc đó, nhưng ở Chili, đó là hiện thực với 1,2 triệu học sinh trung học". Chili chắc chắn là nghèo hơn Pháp, giáo dục Chili làm sao bì lại Pháp, chính vì thế cho nên chính quyền và các lực lượng xã hội phải nhờ cái hiện đại để giúp cho học trò khó khăn trên diện rộng lớn. Vậy thì, thiết bị hiện đại góp phần cải tiến phương pháp giảng dạy, và cũng tạo thêm cơ hội học tập cho những học sinh kém may mắn. Còn phấn và bảng, không có gì có thể thay thế hai công cụ này, bất cứ ở đâu trên thế giới. ■

#### Chú thích:

a. Những tư liệu về giáo dục nước ngoài được lấy từ bài báo trên tờ *Le Monde*, ngày 13-11-2012, nhan đề: "Allô, là "smart classe"?".

b. Chili, viết theo tiếng Pháp, tiếng Anh gọi là Chile, ta gọi là Chi-lê, đó là một quốc gia ở Nam Mỹ.

# Ngồi thầy

## nổi nhip cầu văn hóa Việt – Nhật

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Tôi sẽ nhớ mãi cái ngày đầu tiên được gặp thầy trong lớp cao học chuyên ngành Việt Nam học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. Hôm ấy là một ngày mùa đông. Cái lạnh đầu mùa luồn vào từng cơn gió khiến ai cũng phải run rẩy, xuýt xoa. Thầy bước vào lớp với bộ quần áo giản dị, bên ngoài khoác chiếc áo dạ đen đã cũ và đội một chiếc mũ rộng vành. Mọi người đứng dậy chào; thầy ra hiệu cho mọi người ngồi xuống và nói: “Chào các em, rét quá, hôm nay Hà Nội rét quá!”. Chúng tôi chưa hết ngạc nhiên về sự giản dị và

dáng người nhỏ nhắn của một vị giáo sư đến từ Nhật Bản thì đã thảng thốt mà ồ lên: “Ồi thầy nói được tiếng Việt!”. Phút ấn tượng ban đầu đó có lẽ tôi sẽ không bao giờ quên được.

### Đôi dòng giới thiệu về sự nghiệp của GS.Sakurai Yumio

Người thầy tôi muốn nói đến là GS.Sakurai Yumio, nhà nghiên cứu hàng đầu về lịch sử Việt Nam và Đông Nam Á, nhà Việt Nam học nổi tiếng ở Nhật Bản và trên thế giới. Thầy bắt đầu bén duyên với nghiên cứu về





Việt Nam từ năm 1965 thông qua những tư liệu bằng tiếng Anh, tiếng Pháp ở Nhật Bản. Đến năm 1985, khi là Tùy viên Văn hóa Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội, thầy mới có cơ hội tiếp xúc với người Việt Nam và kể từ đó bắt đầu chuyên tâm nghiên cứu về Việt Nam. Năm 1987 thầy nhận bằng tiến sĩ Sử học tại Đại học quốc gia (ĐHQG) Tokyo với đề tài *"Tìm hiểu sự thành lập làng xã Việt Nam"*. Năm 1992, thầy tiếp tục bảo vệ luận án tiến sĩ Nông nghiệp đề tài *"Lịch sử khai thác thủy lợi trên đồng bằng sông Hồng"*.

Trong cuộc đời mình, thầy đã dành hầu hết thời gian, trí tuệ và công sức để xây dựng thành công các chương trình, dự án, nghiên cứu về thủy lợi, nông nghiệp, hợp tác xã điển hình ở châu thổ sông Hồng của Việt Nam theo hướng khu vực học. Thầy còn có công lớn trong việc giúp đỡ Chính phủ Việt Nam phát triển kinh tế, giáo dục, giao thông ở các vùng nông thôn và miền núi. Bằng những minh chứng khoa học và tình yêu đất nước Việt Nam, thầy đã thuyết phục được Chính phủ Nhật Bản và nhiều tổ chức phi chính phủ hỗ trợ 100% kinh phí cho các dự án nghiên cứu của Việt Nam; cấp một số học bổng thường niên cho lưu học sinh và nguồn vốn vay ODA cho Chính phủ Việt Nam sau này.

Thầy còn là chuyên gia trong việc xây dựng mối quan hệ hữu nghị gắn bó giữa hai chính phủ Nhật – Việt và giữa các trường đại học ở Việt Nam và Nhật Bản. Thông qua các sự kiện "lễ hội hoa anh đào", "lễ hội Kimono", "lễ hội trà đạo", "lễ hội ẩm thực"... và nhiều chương trình giao lưu nghệ thuật được tổ chức ở Việt Nam hoặc Nhật Bản

mà thầy là một trong những người sáng lập hay tổ chức, thầy đã góp phần củng cố vững chắc hơn mối quan hệ hữu nghị song phương và giúp cho sự hiểu biết về nhau giữa nhân dân hai dân tộc càng sâu sắc. Năm 1999, thầy là người đầu tiên đứng ra thành lập Văn phòng liên lạc của ĐHQG Tokyo và ĐHQG Hà Nội nhằm hỗ trợ các du học sinh Nhật cũng như Việt Nam khi nghiên cứu về hai đất nước. Hoạt động hiệu quả của văn phòng này thể hiện qua sự thành công của chương trình nghiên cứu làng cổ Bách Cốc (xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) một cách toàn diện theo hướng liên ngành của nhiều nhà khoa học Nhật, trong đó thầy là người chủ trì. Chương trình này được các học giả thế giới và Việt Nam đánh giá cao về mức độ điển hình trong việc nghiên cứu khu vực và giá trị thực tiễn khoa học.

Sau mấy chục năm lăn lộn, gắn bó với Việt Nam, đặc biệt là dân chúng ở làng Bách Cốc (Nam Định), thầy đã trở thành một người gần gũi, thân thương đối với nhiều người. Đi đến đâu thầy cũng được người dân gọi với cái tên trìu mến "Ông già Bách Cốc". Với riêng thầy, Việt Nam đã trở thành quê hương thứ hai từ lúc nào không hay. Trong khúc tự truyện cuối cuộc đời, thầy bộc bạch chân thành: *"Kết luận sau 44 năm nghiên cứu của tôi như sau: Tôi kính trọng và yêu quý đất nước Việt Nam sâu sắc. Tôi yêu quý người Việt Nam tất cả"*. Có lẽ vì thế mà di nguyện cuối cùng của thầy sau khi mất là được hòa một phần tro cốt vào dòng sông Hồng đỏ nặng phù sa gắn bó một đời nghiên cứu của thầy và cũng là dòng sông cội nguồn văn hóa của dân tộc Việt.



### **Xin giữ mãi những bài học từ người thầy đáng kính**

Chúng tôi không thể ngờ rằng mình là một trong những lớp học viên Việt Nam cuối cùng được thầy giảng dạy. Dù chỉ được tiếp xúc với thầy trên giảng đường, nhưng từ kiến thức khoa học đến phong cách sống và làm việc của thầy đã thật sự làm chúng tôi thán phục. Bởi thầy đã truyền đến cho chúng tôi một tình yêu quê hương đất nước, một tình yêu khoa học đến nghiêm túc, miệt mài.

Thầy vẫn thường nói với những sinh viên, học viên khu vực học rằng: *"Muốn thực hiện nghiên cứu khu vực học thì trước hết phải yêu quý khu vực đó bằng tất cả trái tim mình, một cách vô điều kiện"*. Có lẽ vì thế mà bài giảng của thầy về đất nước Việt Nam, hay cách điều tra thông tin của thầy tại các làng quê, thật sâu sắc. Một lần, khi giảng về *"Trục trung tâm thành phố Hà Nội"*, với lịch sử hình thành cũng như đặc điểm những con đường cổ, phố cổ nổi tiếng dọc bờ sông Hồng hay là những đổi thay trong đời sống thị dân Hà Nội qua các thời kỳ, thầy đã giảng một cách rất say sưa như đang được nói về chính thủ đô nước mình vậy. Còn trong khi điều tra xã hội học, lúc nào thầy cũng dành một câu hỏi quan trọng cho người được phỏng vấn rằng *"Ông/bà cảm thấy cuộc sống hiện tại thoải mái, hạnh phúc không?"*. Khi nhận được những câu trả lời *"thoải mái, hạnh phúc lắm..."*, thầy bày tỏ niềm vui mừng và cảm phục tinh thần lạc quan trước mọi hoàn cảnh của con người Việt Nam. Và tất nhiên thầy cũng đưa ra lý giải của riêng mình: *"Có lẽ vì những chính sách của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt chính sách về nông nghiệp xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh rất tuyệt vời... việc miễn thuế nông nghiệp và miễn luôn thủy lợi phí cho người nông dân không phải quốc gia nào cũng làm được như Việt Nam đâu..."*. Qua bài giảng đó chúng tôi thầm nghĩ hẳn thầy phải yêu Hà Nội, yêu Việt Nam nhiều lắm.

Cả cuộc đời thầy đã hy sinh cho khoa học, đặc biệt là những nghiên cứu về làng xã, nông nghiệp Việt Nam. Chương trình nghiên cứu làng cổ Bách Cốc kéo dài suốt 20 năm liên tục nên không biết thầy đã sang Việt Nam bao nhiêu lần, đã khảo sát bao nhiêu hộ gia đình, rồi đến người dân cùng những người lãnh đạo địa phương. Mồ hôi thầy có lẽ đã rơi rất nhiều trên con đường gian nan đó. Chúng tôi nghĩ rằng nếu không phải là một nhà khoa học có ý chí, có sự miệt mài và kiên quyết trong công việc thì khó lòng làm được như thế.

Đối với những học viên, thầy luôn nhắc nhở phải làm việc nghiêm túc. Để chuẩn bị chương trình thực địa khu vực học cho chúng tôi tại làng cổ Đường Lâm (Hà Nội), thầy miệt mài hướng dẫn từng nhóm lập phiếu điều tra tỉ mỉ đến mức ngay bản thân chúng tôi là con em nông dân cũng không thể ngờ tới. Thầy cho rằng có tỉ mỉ như thế mới mong tìm ra được *"cái đặc tính"* của khu vực nghiên cứu. Chính tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn mẫn của thầy khiến chúng tôi – những học trò nhỏ của thầy – không dám chểnh mảng và qua loa trong công việc.

Ngay cả những phút nghỉ ngơi, thư giãn hiếm hoi thầy cũng để lại cho chúng tôi một bài học về tình yêu văn hóa Việt. Sau một ngày làm việc tại làng Đường Lâm, đoàn thực địa về lại thành phố Sơn Tây để nghỉ qua đêm. Để bày tỏ tình cảm của mình, chúng tôi xin phép được mời thầy đi hát. Nghe mọi người hát rất nhiều bài tiếng Anh, thầy cầm *"micro"* rồi nói: *"Thầy nói tiếng Việt nhiều chỗ còn chưa rõ nhưng chắc các em hiểu được chứ? Mà chúng ta nên hát những bài hát Việt nhiều hơn..."*, rồi thầy hát tặng chúng tôi ca khúc *"Quê hương"*. Dù đã rất quen thuộc với bài hát này nhưng không thể ngờ rằng nó lại thiết tha và lắng đọng đến thế qua giọng hát ấm áp của thầy. Chúng tôi hiểu đó không chỉ là tình cảm với đất nước, con người Việt Nam mà sâu sắc hơn nữa là sự yêu quý văn hóa Việt, ngôn ngữ Việt. Chẳng thế mà suốt những năm tháng qua để nghiên cứu về Việt Nam thầy đã tự học tiếng Việt không chỉ để giao tiếp và làm việc mà còn để hiểu văn hóa và con người Việt Nam hơn.

Thế là đã hơn một năm - cái ngày người thầy đáng kính của chúng tôi ra đi mãi mãi. Dẫu biết rằng cuộc đời này là vô thường nhưng sao trong lòng vẫn quặn lên nỗi bàng hoàng, xót xa. Hình ảnh thầy trên giảng đường, hay trong chuyến thực địa về một làng quê dường như đã khắc sâu trong tâm trí tôi. Đối với tôi, thầy không chỉ là một học giả tầm cỡ của xứ sở Phù Tang, một giáo sư danh dự của Việt Nam; mà trên hết, thầy là một trong muôn vàn tâm hồn Nhật có tình yêu lớn với Việt Nam, luôn luôn âm ỉ, thấm sâu về một đất nước lắm đau thương nhưng rất đổi anh hùng bằng những việc làm và nghiên cứu khoa học có ý nghĩa, góp phần xây dựng thêm cho nhịp cầu văn hóa Việt - Nhật. Thầy luôn sống mãi! ■

# Nghĩ về ngày Nhà giáo

PHẠM CHÁNH CẦN

Mỗi cộng đồng đều có những ngày lễ, là dịp để mọi thành viên thuộc cộng đồng đó kỷ niệm những sự kiện đáng nhớ về văn hóa hay lịch sử liên quan đến cộng đồng. Như vậy, một ngày lễ của một cộng đồng phải xuất phát từ những hoạt động gắn chặt với cộng đồng ấy, có những mối liên hệ gắn bó về mặt tâm tư và tình cảm của đại đa số thành viên thuộc cộng đồng. Những mối liên hệ ấy mang lại ý nghĩa đích thực cho ngày lễ.

Không kể đến những ngày trọng đại như Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, Lễ Phật đản, Lễ Vu-lan mang tính cách truyền thống văn hóa lâu đời, ngày Quốc khánh 2-9 mang ý nghĩa lịch sử của việc thành lập một nhà nước độc lập sau 83 năm bị xâm lược bởi người Pháp, hầu hết những ngày lễ mà hiện nay người Việt đang tổ chức hàng năm cũng đều có những ý nghĩa gắn bó với đại đa số thành viên của cộng đồng.

**1** Trước hết, hãy điểm qua một số ngày lễ ở chừng mức người Việt đứng ở cương vị thành viên của cộng đồng dân tộc Việt Nam, xét theo thứ tự thời gian trong năm.

a. Ngày 9-1 được gọi là ngày Sinh viên Học sinh Việt Nam. Sinh viên học sinh là một thành phần quan trọng của xã hội. Xét về mặt lịch sử, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, vào ngày 9-1-1950, SVHS Sài Gòn đã tổ chức một cuộc biểu tình lớn trước dinh Thủ hiến Nam Phần lúc bấy giờ để phản đối việc chính quyền đương thời bắt bớ một số học sinh trong phong trào yêu nước. Cuộc biểu tình bị đàn áp nặng nề gây ra cái chết của học sinh Trần Văn Ôn. Đám tang học sinh này đã trở thành cuộc biểu dương lực lượng của đồng bào yêu nước Sài Gòn - Chợ Lớn chống lại chính quyền thực dân Pháp. Đại hội Liên đoàn Thanh niên Việt Nam lần thứ nhất tổ chức vào tháng 2-1950 tại Việt Bắc đã lấy ngày 9-1 làm ngày Truyền thống Học sinh - Sinh viên và ngày này đã trở thành lễ kỷ niệm hàng năm của thanh niên sinh viên và học sinh Việt Nam.

b. Ngày 27-2 được dành để tôn vinh nền y học Việt Nam với tên gọi là ngày Thầy thuốc Việt Nam. Từ xa xưa,

Việt Nam cũng đã có một nền y học với những tên tuổi như Tuệ Tĩnh thiền sư hay Hải Thượng Lãn Ông. Khi Pháp cai trị Việt Nam, họ xây dựng nền Tây y, đào tạo bác sĩ, mở nhà thương và nhà hộ sản; các vị Đông y sĩ bị coi là "lang băm" phải rút về vùng quê. Sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hoạt động y tế công cộng được coi trọng. Ngày 27-2-1955, một Hội nghị Cán bộ Y tế toàn quốc được tổ chức; trong dịp này, Chủ tịch nước Hồ Chí Minh có gửi đến Hội nghị một bức thư kêu gọi cán bộ y tế xây dựng một nền y học Việt Nam, nêu cao tinh thần lương y như từ mẫu và nghiên cứu phối hợp Đông Tây y. Với quan điểm dung hòa ấy, Thư gửi Cán bộ Y tế trong dịp đó được coi là lời hiệu triệu xây dựng một nền y học dân tộc và ngày gửi lá thư đó được nhìn nhận là ngày Thầy thuốc Việt Nam.

c. Ngày 21-6 được ghi nhận là ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam. Báo chí Việt Nam đã có mặt từ thập niên 60 của thế kỷ XIX. Tuy nhiên, lịch sử ghi nhận rằng chỉ sau khi xuất hiện báo *Thanh Niên* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ngày 21-6-1925 thì nền báo chí Việt Nam mới có thêm một dòng báo chí mới, dòng báo chí cách mạng, hướng nhân dân Việt Nam vào công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Do ý nghĩa đó mà kể từ năm 1985, ngày 21-6 được chọn làm ngày Báo chí Việt Nam và đến năm 2000, Hội Nhà báo Việt Nam đã đề nghị đổi tên thành ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam.

d. Ngày 27-7 được công nhận là ngày Thương binh Liệt sĩ. Sau khi nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập vào ngày 2-9-1945, người Pháp đã tìm cách quay trở lại Đông Dương làm nổ ra cuộc chiến tranh chống Pháp. Chiến tranh mang lại thương vong; người Việt lúc ấy thiếu phương tiện, đã chịu nhiều thiệt hại về sinh mạng. Để bù đắp cho sự hy sinh của người lính ra mặt trận, ngay từ đầu năm 1946, nhân dân vùng Thuận Hóa (các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên sau này) đã đi đầu vận động quyền góp nhằm giúp đỡ những người bị thương tật hoặc gia đình các tử sĩ. Hoạt động đó làm dấy lên phong trào giúp đỡ thương binh liệt sĩ và một ban vận động tổ chức ngày Thương binh toàn quốc được thành lập vào đầu năm 1947, dẫn đến nhiều cuộc quyền góp khắp nước để ủng hộ thương binh và gia đình liệt sĩ. Không lâu



sau, ngày Thương binh toàn quốc đã được tổ chức thành công vào ngày 27-7-1947. Trong những năm tiếp theo của cuộc kháng chiến, cứ vào ngày 27-7, hoạt động giúp đỡ thương binh và gia đình liệt sĩ trong một năm lại được tổng kết thông qua những cuộc mít-tinh đón nhận thư chung cho thương binh và gia đình liệt sĩ do Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đến. Vào năm 1955, ngày 27-7 chính thức được công nhận là ngày Thương binh Liệt sĩ.

e. Gần đây nhất, ngày 13-10 đã được xác định là ngày Doanh nhân Việt Nam. Doanh nhân là những nhà kinh doanh tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp thương mại kỹ nghệ dịch vụ nói chung. Từ khi có chính sách đổi mới và đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, hoạt động của doanh nhân được công nhận là có đóng góp thiết thực cho đời sống của xã hội và cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Xét trong lịch sử, ngay từ ngày 13-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã viết thư cho Công thương Cứu quốc đoàn kêu gọi giới công thương cùng góp vốn vào làm những công cuộc ích quốc lợi dân. Lá thư này đã là cơ sở để vào ngày 20-9-2004, Thủ

tướng Chính phủ ký quyết định mang số 990/QĐ-TTg công nhận ngày 13-10 là ngày Doanh nhân Việt Nam.

Qua lại lịch những ngày kỷ niệm vừa trình bày, người ta có thể thấy, dù thế nào thì những ngày đó cũng gắn liền với chủ thể của người tổ chức kỷ niệm ở cương vị là thành viên cộng đồng dân tộc Việt Nam.

**2** Trong xu thế hội nhập của một thế giới đang tiến hành toàn cầu hóa, nước Việt Nam là thành viên của cộng đồng quốc tế và từng con người Việt Nam cũng là thành viên của cộng đồng nhân loại. Khi biết về lịch sử thế giới, người Việt cũng rung động trước những cuộc đấu tranh của phụ nữ đòi bình đẳng giới và của người lao động đòi được đối xử tử tế, cảm phục tinh thần bất khuất và sự hy sinh của những người trong cuộc để dẫn đến những ngày lịch sử Quốc tế Phụ nữ 8-3 và Quốc tế Lao động 1-5 vẫn được cả loài người tổ chức kỷ niệm hàng năm. Việc chia sẻ ý nghĩa của những ngày lễ kỷ niệm ấy còn có tác dụng nhắc nhở người Việt, dù thuộc giai tầng và giới tính nào, cũng cần phải ý thức được tính

cách bình đẳng của con người; vì lẽ không ai lại không có một người thân là phụ nữ hay người lao động. Việc đối xử bình đẳng với phụ nữ và tử tế với người lao động chính là việc đối xử bình đẳng và tử tế với người thân của mình, hơn nữa, đối xử với chính mình. Như vậy, cũng có thể thấy ngày Quốc tế Phụ nữ 8-3 và ngày Quốc tế Lao động 1-5 là những ngày kỷ niệm có những mối liên hệ gắn bó về tâm tư tình cảm của người Việt với tư cách là thành viên của cộng đồng nhân loại. Cũng có thể coi là tương tự như vậy đối với ngày lễ Giáng sinh, hiện nay đã trở thành một lễ hội vui tươi chứ không chỉ mang ý nghĩa thuần túy tôn giáo như xưa, được hầu như cả loài người chào đón vào ngày 25-12 hàng năm.

**3** Có một ngày lễ mà hiện nay người Việt vẫn tổ chức kỷ niệm hàng năm để tôn vinh một hoạt động cao quý, lại không có được những ý nghĩa thiết thực như những ngày lễ trên. Đó là ngày 20-11, được gọi là ngày Nhà giáo Việt Nam. Vấn đề đặt ra, vì sao lại là ngày 20-11?

Việt Nam vốn là một đất nước văn hiến, một dân tộc có một nền văn hóa truyền thống lâu đời và nền văn hóa ấy vẫn được truyền liên tục từ đời này qua đời nọ thông qua hoạt động giáo dục. Lịch sử Việt Nam cũng ghi nhận những người thầy giáo nổi tiếng; chẳng hạn, cách đây cả ngàn năm có Chu Văn An, trong khoảng bảy trăm năm lại đây có Thân Nhân Trung, trong khoảng hai trăm năm lại đây có Võ Trường Toản... và biết bao nhiêu người thầy đáng kính khác không lúc nào thiếu. Trong thời phong kiến, nhà nước Việt Nam cũng đã tổ chức hệ thống dạy học đến cấp tỉnh cấp huyện với những chức quan Đốc học, Giáo thụ trông coi việc giáo dục; dạy cả nho, y, lý, số. Vua Lý Nhân Tông đã thành lập một cơ quan gọi là Quốc Tử Giám tại Thăng Long vào năm 1076, một cơ quan tương đương với trường đại học ngày nay, nhằm đào tạo những người có tài ra làm việc nước. Những triều đại sau đều duy trì hoạt động của Quốc Tử Giám. Như vậy, nền giáo dục Việt Nam cũng là một nền giáo dục có tổ chức từ lâu đời, có những thành tựu đáng kể.

Khi người Pháp vào, họ cũng xây trường từ tiểu học đến đại học và cả những trường chuyên môn, từng bước áp dụng chữ Quốc ngữ thay cho chữ Nho, dẫn đến việc xóa sổ nền giáo dục cũ. Sau khi giành được độc lập, nhà nước Việt Nam xây dựng một nền giáo dục mang tính dân tộc nhưng vẫn kế thừa hệ thống giáo dục của người Pháp trong việc sử dụng chữ Quốc ngữ. Lược qua lịch sử nền giáo dục Việt Nam như vậy để thấy rằng hoạt động giáo dục Việt Nam không thiếu những mốc lịch sử có thể nâng lên thành một ngày lễ để tôn vinh người dạy học, nghề dạy học.

Tim hiểu về ngày 20-11, người ta được biết như sau: Trước đây, vào cuối thập niên 40 của thế kỷ XX có một tổ chức mang tên Fédération Internationale Syndicale des Enseignants (FISE) được thành lập ở Paris đưa ra

một bản Hiến chương các nhà giáo có nội dung chủ yếu là *đấu tranh chống nền giáo dục tư sản phong kiến, xây dựng nền giáo dục bảo vệ những quyền lợi của nghề dạy học và nhà giáo, đề cao trách nhiệm và vị trí của nghề dạy học và nhà giáo*. Vào năm 1957, tổ chức này họp tại Warsaw, Ba Lan, kêu gọi lấy ngày 20-11 làm ngày Nhà giáo, áp dụng từ năm 1958. Bài báo dẫn thông tin trên trang mạng *Education Network* thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo cập nhật ngày 13-11-2005 cho biết, lúc ấy Công đoàn Giáo dục Việt Nam là thành viên của FISE có tham dự cuộc họp của FISE năm 1957 tại Warsaw, đã mang ngày 20-11 về tổ chức lần đầu tiên tại miền Bắc vào năm 1958; rồi sau đó ngày này được tổ chức tại các vùng giải phóng ở miền Nam Việt Nam với mục tiêu *cổ vũ tinh thần đấu tranh của giáo giới trong vùng tạm chiếm, động viên tinh thần giáo viên kháng chiến*. Qua bài báo trên, người ta cũng có thể thấy rằng đề nghị của FISE về ngày 20-11 chỉ được duy nhất Công đoàn Giáo dục Việt Nam áp dụng để rồi lâu dần đã trở thành ngày Nhà giáo Việt Nam, gần đây lại được đưa vào Luật Giáo dục. Tim hiểu về ngày nhà giáo đang được các quốc gia trên thế giới nhìn nhận, người ta sẽ thấy chỉ có Việt Nam kỷ niệm ngày Nhà giáo vào ngày 20-11; ngoài ra, không một quốc gia nào khác, kể cả những thành viên sáng lập của FISE, lấy ngày 20-11 làm ngày Nhà giáo cả. Tim hiểu thêm về FISE, người ta cũng sẽ thấy sau cuộc họp đề nghị lấy ngày 20-11 làm ngày Nhà giáo quốc tế, tổ chức này hầu như biến mất.

Qua các thông tin trên, có thể khẳng định rằng ngày 20-11 hoàn toàn không liên quan gì đến nền giáo dục truyền thống Việt Nam, không phải là một mốc lịch sử đáng nhớ trong hoạt động giáo dục của Việt Nam, và cũng không có tính cách quốc tế như cái tên gọi ban đầu của nó; mà chỉ là một cố gắng nhằm phản ứng lại nền giáo dục đang được áp dụng tại các quốc gia phương Tây vào lúc thế giới còn có cuộc chiến tranh lạnh. Tim hiểu thêm về ngày nhà giáo trên thế giới, người ta cũng biết tổ chức UNESCO thuộc Liên Hiệp Quốc đã chọn ngày 5-10 làm ngày Nhà giáo Thế giới (World Teachers' Day), được trên 100 quốc gia tổ chức kỷ niệm hàng năm.

**4** Việc có một ngày kỷ niệm để tôn vinh nghề dạy học và người dạy học là điều hết sức cần thiết vì không ai không nhận thức được tính cách cao quý của nghề dạy học và những người phục vụ nghề dạy học. Tuy nhiên, một ngày kỷ niệm phải có ý nghĩa, phải xuất phát từ những hoạt động gắn chặt với chủ thể của ngày lễ, có những mối liên hệ gắn bó về mặt tâm tư tình cảm với chủ thể của ngày lễ. Có lẽ đã đến lúc các nhà giáo cần đặt vấn đề vận động chọn một ngày Nhà giáo Việt Nam có ý nghĩa, với tư cách mình là thành viên của cộng đồng dân tộc hay là thành viên của cộng đồng loài người. ■



# Sơ liệu về Thiền sư Như Sơn

THÍCH ĐỒNG DƯƠNG

**T**hiền sư Như Sơn là một vị cao tăng sống trong thời Hậu Lê, khoảng thế kỷ XVIII. Ngài là tác giả của tập *Kế đăng lục*, một tập thiền phả viết về truyền thừa Thiền tông, chú trọng hai tông Lâm Tế và Tào Động. Trong học giới, chưa vị nào để tâm nghiên cứu về vị thiền sư này. Nhận thấy tư liệu hiếm nên chúng tôi tiến hành sưu tầm các

bản sách, văn khắc có liên quan về ngài, công bố ra để hiểu hơn về Thiền sư Như Sơn.

Đầu tiên xin trưng dẫn tấm bia bốn mặt tại chùa Hòe Nhai Hà Nội có tiêu đề *Trùng tu Hòe Nhai phường Hồng Phúc tự bi minh* 重修槐街坊洪福寺碑銘 (bài minh khắc trên bia nói về việc trùng tu chùa Hồng Phúc phường Hòe Nhai) do Hà Tông Mục soạn năm

Chính Hòa 19 (Mậu Dần 1698). Một mặt của bia là bài minh ca tụng công đức, trong đó dòng cuối ghi như sau: “*Sơn Nam Kiến Xương Chân Định Hương Ngải Tường Hữu Kiên tự Như Sơn kính tâ thử hồi*”<sup>1</sup> nghĩa là Tường Hữu Kiên, tự Như Sơn<sup>2</sup>, người Hương Ngải, Chân Định, Kiến Xương, Sơn Nam<sup>3</sup> kính chép hồi này. Đoạn đó cung cấp thể danh cùng quê quán của thiền sư. Bia do sư chép chữ mà loại chữ đó khá sắc sảo, để biết tài thư pháp của người.

Bản in *Pháp giới an lập đồ* do chùa Linh Quang (Bà Đá) thực hiện năm Minh Mệnh 21 (Canh Tý 1840); bản đó dựa vào bản in năm Bảo Thái 5 (Giáp Thìn 1724), đầu sách có bài tựa của Thiền sư Như Sơn và cuối bài tựa có dòng: “*Hòa thượng Tăng thống Chính Giác tự Chân Nguyên phái Trúc Lâm chùa Long Động núi An Tử đã giao phó và khéo giúp đỡ thầy Sa-di chùa Tường Quang ở Đông Sơn tự Như Sơn in lại*”<sup>4</sup>. Bản in được thực hiện do sự dặn dò của Thiền sư Chân Nguyên chùa Long Động<sup>5</sup> và lúc đó Thiền sư Như Sơn mới còn giới phẩm Sa-di đã đứng in *Pháp giới an lập đồ*. Ở bậc giới phẩm Sa-di mà sư đã đủ kiến thức để soạn ra bài tựa khắc đầu tập sách, cho thấy tầm học thức của ông khá cao trong hàng Tăng chúng đương thời. Trong tựa có nói ông ở chùa Tường Quang Đông Sơn mà nay dân gian gọi là chùa Non Đông thuộc thị trấn Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh. Đây là tổ đình của phái Tào Động do Thiền sư Thủy Nguyệt Thông Giác (1636-1704)<sup>6</sup> khai phái và trụ trì. Trước sư đã có ngài Chân Dung Tông Diễn<sup>7</sup> trụ trì mà ngài này kiêm quản Thánh Quang tự<sup>8</sup> cùng Hồng Phúc tự (chùa Hòe Nhại) mà ta sẽ nói đến sự quan hệ của sư cùng các chùa này ở sau.

*Thiền điển thống yếu Kế đăng lục* 禪典統要繼燈錄 (gọi tắt là *Kế đăng lục*) do Thiền sư Như Sơn soạn tại chùa Hồng Phúc và Bài tựa được viết vào tiết đầu đông năm Giáp Dần 1734 triều Lê (năm Long Đức 3, đời Lê Thuần Tông). Đầu quyển nhất có ghi rõ: “*Hồng Phúc tự Sa-môn Như Sơn trước thuật, môn nhân Sa-di Tính Chúc tham duyệt, Sa-di Tính Phái, Tính Hiển tham hiệu*”. Mấy dòng này cho ta biết người soạn cũng như môn nhân của ngài tham gia vào công việc duyệt và hiệu đính sách. Có ba vị đều nằm ở giới phẩm Sa-di mà họ được đào tạo khoa bảng nên có nền tảng kiến thức cao mới tham gia giúp cho thầy mình công việc đọc lại bản thảo và hiệu đính. Trong ba vị, ta biết được hai là Tính Chúc và Tính Hiển. Tính Chúc sau này tham gia nhiều Phật sự quan trọng và là vị trụ trì chùa Hồng Phúc<sup>9</sup>. Khoa cúng cùng văn bia tháp đều cho sư là vị trụ trì thứ 4 sau Thiền sư Từ Sơn Hành Nhất tại chùa Hồng Phúc. Sư Tính Hiển mà bài viết “*Có phải chùa Liên Hoa chính là chùa Liên Phái?*”, chúng tôi đã minh chứng Thiền sư Tính Hiển có hiệu là Liễu Viên trụ trì chùa Liên Hoa đã dặn dò Sa-di-ni Diệu Thuần đứng in *Thiền tông bản hạnh* vào năm Cảnh Hưng thứ 6 (1745)<sup>10</sup>.

Một quả khánh đồng được treo mé phải tiền đường chùa Hòe Nhại, lời văn khánh cho ta biết thông tin khá

hay về Thiền sư Như Sơn. Bài *Hồng Phúc tự bảo khánh văn* do Sa-di tự Liễu Minh soạn vào ngày tốt tháng 7 năm Giáp Dần 1734 niên hiệu Long Đức thứ 3, có cùng niên đại với tập *Kế đăng lục*. Bài tựa sách *Kế đăng lục* viết tháng đầu đông tức tháng 10, tức sau ba tháng. Ở đoạn đầu có nói: “*Kính nghị: Sa-môn Như Sơn chùa Hồng Phúc xét thấy bản tự nằm ở thẳng cảnh chốn kinh kì, thuộc danh lam nước Việt... ủy mệnh cho đệ tử Sa-di tự là Liễu Viên nỗ lực hưng công...*”. Đoạn trích cho thấy, Thiền sư Như Sơn ở chùa Hồng Phúc nhận ra vai trò của ngôi chùa nằm ở vị thế đẹp của chốn kinh kỳ nên mới giao cho đệ tử Sa-di Liễu Viên đứng hưng công đúc khánh đồng. Cứ liệu *Kế đăng lục* có nói đến Tính Hiển tham gia duyệt sách. Bài văn khánh đồng lại để hiệu của ông là Liễu Viên và cùng ở giới phẩm Sa-di. Với giới phẩm đó, Tính Hiển hiệu Liễu Viên đã là một người có quan hệ khá tốt cũng như có tầm tri thức cao. Hai tư liệu xác định Tính Hiển là đệ tử của Như Sơn. Tác giả bài văn khánh là Sa-di tự Liễu Minh mà ta chưa biết pháp danh của ông là gì. Hay chăng ông là Tính Phái, người cùng Tính Hiển hiệu đính sách *Kế đăng lục*. Ta phải đợi phát hiện thêm tư liệu mới dám khẳng định về vị này.

Thiền sư Như Sơn còn được nhắc đến trong bản in *Mục Liên kinh*<sup>11</sup>. Bản kinh được khắc ván tháng 2 năm Vĩnh Hựu 3 (Đinh Tỵ 1737, đời Lê Ý Tông). Trong đó có ghi: “*Tăng thống tự Như Sơn, chùa Vạn Phúc xã Phật Tích, núi Tiên Du phú chúc cho đệ tử Tính Chúc, trụ trì chùa Hồng Phúc, Trung Đô đốc khán*”. Ở đây nói đến quan hệ giữa Như Sơn và Tính Chúc. Lúc đó, Thiền sư Như Sơn đang ở chùa Vạn Phúc xã Phật Tích mà nay dân gian gọi là chùa Phật Tích đã giao cho đệ tử Tính Chúc đứng in bản kinh. Lúc đó, Tính Chúc trụ trì chùa Hồng Phúc, ngôi chùa mà Như Sơn từng hành đạo và soạn *Kế đăng lục*. Cũng như *Kế đăng lục*, bản in *Mục Liên kinh* cho Tính Chúc là đệ tử của Thiền sư Như Sơn. Điểm cần bàn là tại sao Như Sơn không đứng in bản kinh mà phải giao cho Tính Chúc. Hai trường hợp xảy ra: một là Tính Chúc ở kinh đô nên việc khắc ván dễ dàng hơn, nhất là kinh phí thực hiện. Hai là Như Sơn phải lớn tuổi và sức khỏe yếu nên không thể thực hiện ý định đó được. Hai trường hợp có thể xảy ra hoặc đúng cả hai. Thiền sư Phúc Diễn trong tập *Thiền môn tu trì kinh chú luật nghi* cho Như Sơn thuộc đời thứ tư chùa Phật Tích. Sách chép: “*Chuyết Công hòa thượng trụ trì Vạn Phúc tự vì thủy, hạ nhị truyền Minh Lương, hạ tam truyền Minh Huyền, hạ tứ truyền Như Sơn, hạ ngũ truyền Như Hạo...*”<sup>12</sup> nghĩa là Hòa thượng Chuyết Công trụ trì chùa Vạn Phúc làm đời thứ nhất, truyền xuống đời thứ hai Minh Lương, truyền xuống đời thứ ba Minh Huyền, truyền xuống đời thứ tư là Như Sơn, truyền xuống đời thứ năm là Như Hạo. Chép thế thì biết Như Sơn trụ trì chùa Phật Tích và ta biết Phật Tích từng là tổ đình của thiền phái Lâm Tế do Chuyết Công gây dựng. Ta hiện

chưa rõ Như Sơn về Phật Tích khi nào, có thể cuối năm Giáp Dần (1734) chăng?

Trên đây là các tư liệu Hán Nôm có liên quan đến Thiền sư Như Sơn, tác giả sách *Kế đăng lục*. Nếu dừng ở đây thì ta chưa biết năm sinh, năm tịch cùng tông phái do ngài kế thừa. Ta nhận thấy quan hệ giữa Như Sơn và Tính Chúc là quan hệ thầy trò, cùng trụ trì chùa Hồng Phúc, ngôi tổ đình của thiền phái Tào Động. Khảo về Tính Chúc ta có cơ hội phát hiện tư liệu về Như Sơn. Sách *Thiền uyển trưý truyền đăng lục*, quyển hạ chép: “*Pháp phái Tào Động truyền đến nước ta, tổ thứ nhất là Thiền sư Thủy Nguyệt Đạo Nam. Truyền xuống đời thứ hai là Hòa thượng Chân Dung Tông Diễn, được phong tặng Đại thừa Bồ-tát, khai sơn chùa Hồng Phúc, phường Hòe, tỉnh Hà Nội; truyền xuống đời thứ ba là Hòa thượng Tịnh Giác Từ Sơn; truyền xuống đời thứ tư là Hòa thượng Bản Lai Tính Chúc Đạo Chu. Truyền xuống đời thứ năm là Tăng chính Hải Điện Mật Đa thiền sư. Truyền xuống đời thứ 6 là Hòa thượng Đạo Nguyên Khoan Dục, khai sơn chùa Đại Quang, xã Nghi Tuyền, tỉnh Bắc Ninh...*”<sup>13</sup>. Sách do Thiền sư Phúc Điền soạn vào thời Tự Đức nên cũng đáng tin cậy, nhất là đối chiếu văn bia và khoa cúng tại chùa Hòe Nhại. Ở đây cho Thiền sư Tính Chúc có hiệu là Đạo Chu thuộc đời thứ tư dòng Tào Động. Phía trước sư là Hòa thượng Tịnh Giác Từ Sơn tổ đời thứ ba mà không phải là Như Sơn. Như thế có mâu thuẫn với cứ liệu trên không?

Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật giáo sử luận III* đã có lí khi cho rằng Thiền sư Từ Sơn chính là Thiền sư Như Sơn. Ông đưa ra hai lý do chính. Một là tính truyền thừa và quan hệ thầy trò mà ta dẫn ra trên và hai là niên đại trụ trì chùa Hồng Phúc mà tác giả Nguyễn Lang y cứ là năm Giáp Dần, Như Sơn soạn *Kế đăng lục* thì Từ Sơn đi đâu.

Ta thêm vào đây một chứng cứ nữa là quan hệ của Như Sơn với Liễu Viên mà ta chứng minh ông có pháp danh Tính Hiên, vị sư trụ trì chùa Liên Hoa, dặn dò Sa-di-ni Diệu Thuần đứng in *Thiền tông bản hạnh*. Khoa cúng tổ chùa Hồng Phúc chép: “*Tào Động tông tam thập bát thế tổ Từ Sơn thiền sư. Đệ tử dĩ hạ: Tỳ kheo Tế Thế, Hương Lâm, Trí Giác, Liễu Viên...*” nghĩa là: Thiền sư Từ Sơn tổ đời thứ 38 tông Tào Động có đệ tử dưới đây: Tỳ-kheo Tế Thế, Hương Lâm, Trí Giác, Liễu Viên. Các vị này đều được ghi pháp hiệu, khác với đệ tử các vị trong tông phái đều để pháp danh theo kệ phái. Trong số đệ tử của Từ Sơn có Liễu Viên mà ta biết ông này là đệ tử của Như Sơn, từng tham gia hiệu đính sách *Kế đăng lục* và được Như Sơn ủy mệnh hưng công đúc khánh đồng cho chùa Hồng Phúc. Hai sư Tính Chúc, Liễu Viên là đệ tử của Như Sơn. Còn tư liệu ở Hồng Phúc đều cho hai vị là đệ tử của Từ Sơn. Thế thì chắc rằng Từ Sơn chính là Như Sơn.

Đường tỉnh trong khoa cúng và Ngũ gia phân phái cho Từ Sơn họ Tường, quê làng Hương Ngải khá giống với bia *Trùng tu Hòe Nhại phường Hồng Phúc tự bi minh*

cho Như Sơn cũng có quê và họ Tường. Bia ghi rõ sư Như Sơn thế danh Tường Hữu Kiên. Đối chiếu nhiều nguồn tư liệu trên, việc đồng nhất Như Sơn với Từ Sơn là một khẳng định có tính khoa học cao, giúp ta hiểu hơn về con người của vị thiền sư này.

Ta còn tìm được một ngôi tháp đá ở chùa Vạn Đức (Quảng Nghiêm thiền tự) ở thị trấn Phú Thù, huyện Kinh Môn, Hải Dương. Ngôi tháp có biển đề “Viên Minh tháp” được khắc ở tầng thứ 2 và bên mé phải có bài văn khá hay ghi chép hành trạng Thiền sư Từ Sơn Hành Nhất. Bài bia được chúng tôi công bố trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, số 142<sup>14</sup>.

Xin tóm lược vài nét như sau, Sư họ Tường, sinh năm Tân Dậu (1681), quê tại Hương Ngải, huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam hạ. Sư đồng chân vào đạo, đến tuổi nhược quán xuất gia với Thiền sư Chân Dung và kế thừa dòng pháp từ vị này. Năm Giáp Thìn (1724), sư đứng ra xây dựng chùa Quảng Nghiêm rồi giao cho đệ tử trụ trì. Sư tịch giờ Thân ngày 24 tháng 11 năm Đinh Tỵ (1737), thọ 57 tuổi. Tháp lập tại chùa Quảng Nghiêm và Phật Tích<sup>15</sup>.

Chính bia tháp xác định: “*Nhà vua long bút sắc chỉ truyền làm sách Thiền điển kế đăng*” (君王龍筆旨傳為禪典繼燈. Quân vương long bút chỉ truyền vi Thiền điển kế đăng). *Thiền điển kế đăng* là tên khác của *Ngự chế thiền điển thống yếu kế đăng lục* mà ta hay gọi là *Kế đăng lục*. Bài tự dẫn do Như Sơn phụng soạn vào năm Giáp Dần (1734) nhà Lê cho thấy sư được vua Lê giao cho công việc biên soạn tập sách nên tập sách có hai chữ “Ngự chế” rồi đến tên sách là “*Thiền điển thống yếu Kế đăng lục*”.

Qua cứ liệu Hán Nôm trung dẫn, chúng ta từng bước phác họa cuộc đời của Thiền sư Như Sơn. Điểm lồi cuốn ở đây là không chỉ dừng ở hành trạng mà còn đi đến một luận cứ khoa học là việc xác định Như Sơn chính là Từ Sơn Hành Nhất. Đây là luận điểm mà Nguyễn Lang trong *Việt Nam Phật giáo sử luận III* đã đưa ra. Lúc đó, tư liệu chưa được dồi dào nhưng ông tìm ra được hai bằng cứ có giá trị để đi đến việc đồng nhất này. Hiện vẫn chưa xác định tên Như Sơn do ai đặt cho ông, hay đó là một bút hiệu mà ông sinh thời hay dùng<sup>16</sup>. Còn tên Từ Sơn được đặt theo kệ phái Tào Động Đàng Ngoài. ■

#### Chú thích:

1. Thác bản Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu 275/276/289/290. Câu trích trên ở thác bản kí hiệu 290.

2. Thế danh Tường Đình Kiên với pháp danh Như Sơn, tức bốn sư đã dựa vào tên thế tục “Kiên” để liên tưởng đến pháp danh “Sơn”. Đây là một tập tục mà trong chùa các sư thường hay đặt tên pháp cho đệ tử, dựa vào tên thế tục.

3. Địa danh đó được viết dưới đời Hậu Lê. Nay là thôn Hương Ngải thuộc xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

4. Phiên âm: “Yên Tử sơn Long Động tự Trúc Lâm tăng thống Chính Giác hòa thượng tự Chân Nguyên phó chúc thiện hộ niệm Đông Sơn Từ Lương Quang tự Sa-di tăng tự Như Sơn trùng san” (Trùng san Pháp giới an lập đồ tự, 1a).

5. Thiền sư Chân Nguyên (1646-1726): sư họ Nguyễn, tên Nghiêm, tự Đình Lân, quê ở Tiên Liệt, Thanh Hà, Hải Dương. Năm 19 tuổi, xuất gia với Thiền sư Chân Trụ Tuệ Nguyệt, chùa Hoa Yên, được ban pháp danh Tuệ Thông. Khi Chân Trụ tịch, sư cư tang ba năm lo tròn hiếu đạo. Sư phát tâm thụ giới bố-tát với Hòa thượng Minh Lương, chùa Vĩnh Phúc trên núi Phù Lãng và đắc pháp với vị này. Sau sư về trụ trì chùa Long Động, Thiền Dược am.

6. Thiền sư Thủy Nguyệt Thông Giác: thuộc tông Tào Động, họ Đặng, quê ở xã Thanh Triều, huyện Hưng Nhân, phủ Tiên Hưng, đạo Sơn Nam. Năm Giáp Thìn 1664, niên hiệu Cảnh Trị thứ 2, sang núi Phượng Hoàng, Hồ Châu, Trung Quốc học đạo với Thiền sư Tri Giao Nhất Cú. Được 6 năm, sư được thầy truyền y bát và ban pháp danh Thông Giác cùng kệ phái 28 chữ mang về truyền tại nước ta. Sư hành đạo tại chùa Non Đông, Nhấm Dương. Sau sư thác tại động phía sau chùa Nhấm Dương, đồ chúng lập tháp bảy tầng phía trước động và một tháp ở chùa Non Đông.

7. Thiền sư Chân Dung Tông Diễn: thế danh Tường Đình Khoa, quê ở xã Hương Ngải, huyện Chân Định, trấn Sơn Nam Hạ. Sư xuất gia với Thiền sư Thủy Nguyệt Thông Giác và kế thừa dòng pháp từ vị này. Sư trụ trì chùa Đông Sơn, Thánh Quang (Nhấm Dương) và kiêm quản chùa Hồng Phúc. Sư viên tịch năm Kỷ Sửu niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 5 (Kỷ Sửu 1709), đồ chúng lập tháp đá thờ ở hai chùa Non Đông và Thánh Quang.

8. Chùa Thánh Quang ở Nhấm Dương, huyện Kinh Môn, Hải Dương. Chùa được lập khi nào chưa rõ. Đến thời Hậu Lê, chùa là đạo tràng của thiền phái Tào Động. Sư Chân Dung kế nhiệm Thiền sư Thủy Nguyệt trụ trì bốn tự. Các đời sau, tư liệu phiêu tán nên không khảo được gì.

9. Thiền sư Tính Chúc, chúng tôi sẽ sưu tầm tư liệu để viết về ngài kỹ hơn.

10. Đồng Dưỡng, “Có phải chùa Liên Hoa chính là chùa Liên Phái?”, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, số 112, tr.6-9.

11. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC. 632.

12. Thiền môn tu trì kinh chú luật nghi, phần Bản quốc chư tổ kể đăng, tờ 114a.

13. Phúc Điền Hòa thượng, Thiền uyển truyền đăng lục, quyển hạ, tờ 16a.

14. Tham khảo bản dịch cũng như bài nghiên cứu Văn bia tháp Viên Minh trong Văn Hóa Phật Giáo, số 142, tr.18-20

15. Vườn tháp phía sau tòa Tam bảo chùa Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có ngôi tháp đá, biển đề “Viên Minh tháp” khá giống với tháp chùa Vạn Đức huyện Kinh Môn. Trong lòng tháp có tấm bia đá xác định đây là tháp của Thiền sư Hành Nhất được tặng phong Tịnh Giác hòa thượng. Cứ liệu Mục Liên kinh cho Như Sơn ở chùa Phật Tích từng dẫn đồ đệ tử Tính Chúc chùa Hồng Phúc đốc khản việc khắc in kinh. Sự kiện đó xảy ra vào tháng 2 năm Vĩnh Hựu 3 (Đinh Tỵ 1737). Cứ liệu đó cho ta thêm

sự khẳng định Như Sơn chính là Từ Sơn. Vì bia tháp cho Từ Sơn viên tịch vào tháng 11 năm Đinh Tỵ, nên có thể Từ Sơn viên tịch tại chùa Phật Tích, rồi khi hỏa táng được phân làm hai, lập hai ngôi tháp ở chùa Phật Tích và Vạn Đức như văn bia có nói đến.

16. Khoa Cúng tổ chùa Hòe Nhai cho biết đệ tử tục gia của Thiền sư Chân Dung Tông Diễn được đặt với chữ đầu là chữ “Như”. Có thể lúc tại gia, Thiền sư Tông Diễn đặt cho ông pháp danh là Như Sơn, sau xuất gia được dịch danh là Từ Sơn theo đúng chữ trong kệ phái. Ta còn biết, Chân Dung với Như Sơn có quan hệ tông tộc và cùng quê quán mà bia trùng tu chùa Hồng Phúc đã chép ra.



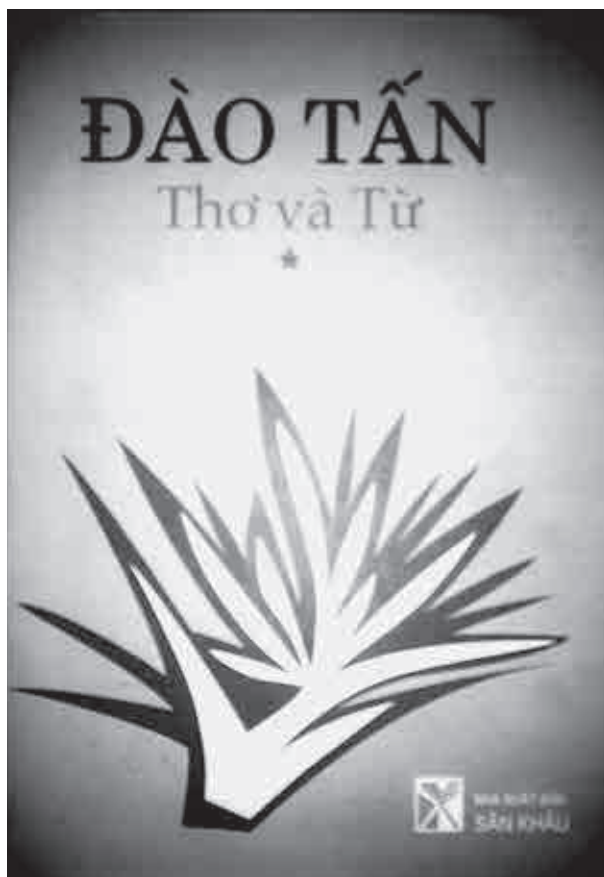
# Ý vị thiền trong thơ Đào Tấn

NGUYỄN ĐÌNH THU

**Đ**ào Tấn (1845-1907), tự Chi Thúc, hiệu Tô Giang và Mộng Mai, biệt hiệu Tiểu Linh Phong Mai Tăng hay Mai Tăng, người làng Vinh Thạnh, tổng Nhơn Ân, phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định (nay là thôn Vinh Thạnh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, Bình Định), là một nhà văn hóa lớn của thế kỷ XIX đã chứng kiến những năm đầu của thế kỷ XX, được tôn vinh là một trong những vị tổ của ngành sân khấu Việt Nam do ông đã sáng tác và hiệu đính gần hai chục vở tuồng, trong đó có những vở đã trở thành kinh điển như *San Hậu* và *Trầm Hương các*. Thế nhưng Đào Tấn còn là một nhà thơ với tập *Mộng Mai ngâm thảo* gồm nhiều bài thơ và từ, tuy bản chính thất lạc nhưng phần lớn đã được sao lục

và trong vài chục năm qua đã được phổ biến rộng rãi. Về mặt quan trường, Đào Tấn đỗ cử nhân năm Tự Đức 20 (1867) và trải qua hơn ba mươi năm phục vụ dưới các triều Tự Đức (1848-1883), Đồng Khánh (1886-1888) và Thành Thái (1889-1907) thời nhà Nguyễn, kinh qua các chức vụ Tham tri, Phủ doãn, Tổng đốc, Thượng thư, Hiệp tá Đại học sĩ, Cơ mật viện Đại thần... nghĩa là đã dự vào hàng nhất phẩm triều đình. Sau khi vua Tự Đức mất, trong tình trạng bất ổn ở kinh thành Huế giữa lúc xảy ra vụ phế lập các vị vua Dục Đức (1883), Hiệp Hòa (1883) và Kiến Phúc (1883-1884), ông lấy cớ thọ tang cha bỏ quan về nhà; và dưới triều Hàm Nghi (1884-1885), có lúc ông đã lánh lên Linh Phong tự (còn gọi là chùa Ông Núi) ở Phù Cát Bình Định để tránh những liên lụy với phong trào Cần Vương.

Bài viết này nhằm trình bày ý vị thiền trong thơ Đào Tấn dựa trên những thi phẩm của ông đã được người sau sao lục.



## 1 Ảnh hưởng Phật giáo đối với Đào Tấn

Theo nhà nghiên cứu Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch trong tập chuyên khảo về Đào Tấn có tựa “*Mai viên cổ sự*” thì thân mẫu của Đào Tấn vốn là một Phật tử thuần thành, thờ Phật tại nhà, vào những năm cuối đời đã phát nguyện ăn chay trường và đã giữ được đến lúc lâm chung. Dẫn “*Tang sự trích biên*” của Đào Tấn kể về việc làm đám tang cho mẹ, Lộc Xuyên nhận định, “*Bà cụ đã biết dặn con cháu đừng khóc lúc bà mất, mà nên niệm Phật để cầu bà được vãng sinh tịnh độ, chứng tỏ bà đã hiểu thiền lý, thì không phải là hạng Phật tử tầm thường.*” [1.126]. Như vậy, mặc dù là một nhà nho, Đào Tấn có thể đã chịu ảnh hưởng Phật giáo từ lúc còn thơ ấu.

Trong “*Linh Phong tự ký*” được soạn vào lúc ông lánh nạn trên chùa Ông Núi, Đào Tấn tự khẳng định, “*Giữa niên hiệu Kiến Phúc - Hàm Nghi, Tấn tôi bỏ quan về nhà ở phía nam Kinh đô, gởi thân nơi của Thiền để tránh loạn, kiểu chàm gậy trúc từng qua lại núi này, chùa này. Người xưa một năm ở núi quá nửa, Tấn tôi lúc bấy giờ cũng tương tự như thế*” [1, 53]. Đoạn này cho thấy trong khoảng thời gian ngắn ngủi ở chùa Ông Núi, con người và tâm hồn Đào công đã hòa nhập vào đời sống tu hành hướng tới sự giác ngộ, tiếp cận được những điều vi diệu trong tư

tưởng và triết lý nhà Phật. Ngay cả giai đoạn sau này, khi đã xuống núi quay trở lại làm làm quan, tâm hồn ông cũng luôn hướng về Linh Phong tự, về đời sống Phật giáo với bao xúc cảm, rung động Thiền; bằng cố là vào năm 1895, ông đã vận động trùng tu chùa Ông Núi khi đang là Thượng thư Bộ Công dưới triều Thành Thái.

Qua những biểu hiện trong thơ của Đào Tấn, có thể gọi ông là một Thiền nhân với một cái tâm dù ở đâu thì khi nào cũng luôn hướng đến cõi Thiền.

## 2 Ý vị Thiền trong thơ Đào Tấn

Trước hết, ta hãy nhìn nhận con người Thiền của Đào Tấn qua đời sống tu hành. Tu hành là phương pháp giúp con người đạt tới chỗ đắc đạo nhằm thoát khỏi tình trạng vô minh, vượt qua bể khổ, luân hồi, nghiệp chướng để được về với cõi Niết-bàn vô sinh, vô diệt. Trong thơ Đào Tấn, đời sống tu hành của tác giả không được hé lộ một cách đầy đủ mà chỉ phảng phất. Ta không bắt gặp trong thơ ông một con người suốt ngày ngồi thiền, tụng kinh niệm Phật. Cũng chẳng bắt gặp một nhà sư giảng đạo cho các đệ tử nghe về thế giới quan, nhân sinh quan Phật giáo qua những bài kệ.

Ở Đào Tấn, ta lại bắt gặp một tu sĩ phóng khoáng, vừa như thực hiện lại vừa như phá bỏ những giới luật nhà Phật. Một mặt, ông khẳng định khả năng học thiền già dặn của mình, cũng ăn chay cho tâm hồn thanh tịnh, mặt khác, lại là một túy nhân với những biểu hiện đời thường vốn có, như trong bài *Tặng Mai tăng* do chính ông viết để tự tặng mình:

*"Nam quốc Mai Tăng lão học thiền  
Đạm tương tổ phi tác xuân diên  
Túy đối lạc hạ liên hoa mao  
Bối hậu quân cơ tiểu dục diên".*

(Sãi Mai nước Nam học thiền già dặn / Dưa suông tương nhạt đặt làm tiệc xuân / Say chuênh choạng làm rơi chiếc mũ cánh sen / Các cô gái nấp sau lưng cười rũ rượi).

Hai câu thơ sau gần như đối lập với hai câu thơ trước khiến người đọc dễ nhầm tưởng đó là bức tranh biếm họa về đời sống tu hành của Mai Tăng. Nhưng không, cần phải hiểu rằng Đào Tấn không tu hành theo lối khổ hạnh, mà tư tưởng của ông ở đây có phong vị *Cư trần lạc đạo* của Trần Nhân Tông, rằng:

*"Cư trần lạc đạo thả tùy duyên  
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên  
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch  
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền".*

Nghĩa là sống ở đời cứ tùy duyên mà vui với đạo, đối thì ăn mà mệt thì ngủ, của báu có sẵn trong nhà việc gì phải tìm ở đâu, khi trước cảnh mà không để tâm thì chẳng cần phải hỏi đến thiền. Chẳng những thế, ở một bài thơ khác, bài *Túy hậu*, chính thiền nhân Đào Tấn cũng đã thừa nhận về sự "phá giới" của mình sau những cơn say:

*"Kim nhật hứng lai câu phá giới  
Hoàng hoa ly lạc túy tây phong".*

(Hôm nay hứng đến phá bỏ hết các giới luật / Hoa cúc bên rào rơi ngả vì say gió tây).

Như vậy, cái "lão học thiền" của Mai Tăng đã thể hiện ngay ở cách tu hành theo tinh thần "phá chấp" triệt để, không còn chịu sự ràng buộc nghiêm ngặt vào giáo lý, kinh điển của Phật, của Tổ. Chỉ có những người học thiền già dặn như Đào Tấn mới nhận ra điều đó và mới có đủ dũng khí để tu như vậy. Cũng Lộc Xuyên Đặng Quý Địch cho biết: Đào Tấn lên Linh Phong tự cũng "*không đầu sư*" mà "*đã học Thiền từ cái nguồn kinh sách phong phú*" theo kiểu tự tu, tu tại tâm, tu tại gia trong suốt cuộc đời mình [1, 124-126].

Con người thiền Đào Tấn trong thơ thể hiện chủ yếu ở sự giác ngộ, nhận thức được tư tưởng, triết lý nhà Phật. Trong thơ Thiền của mình, tác giả dùng không ít những phạm trù, thuật ngữ, những hình ảnh, âm thanh của đời sống Phật giáo để nói lên tư tưởng, triết lý nhà Phật như: "Thiền cơ", "vô", "hữu", "dục", "an bài", "phúc", "không", "độc tọa", "vô ngôn", "nhơn", "tự tại", "Di-lặc", "chung", "chung thanh", "tự", "tự môn"... Tuy nhiên, Mai Tăng không chủ trương thuyết pháp, giảng đạo cho người khác như những vị thiền sư mà nghiêng về hưởng giác ngộ, nhận thức cho chính mình. Ông nhận thức được cái nội lực phi thường "nhất tiểu không" mà một mình sắp đặt mọi việc của Phật Di-lặc trong bài thơ *Dạ du Di Lặc điện ngẫu hứng* khi nửa đêm đến thăm điện thờ Phật Di-lặc:

*"Di Lặc nguyên lai bản đại hùng  
Lãn tàn cao cử Phạn vương cung  
Cổ kim quân độc an bài đắc  
Thương hải phù vân nhất tiểu không".*

(Di-lặc vốn là một vị bồ-tát rất dũng mãnh / Lười nhác ngồi chễm chệ nơi cung Phạn vương / Ông riêng xếp đặt việc xưa nay / Chuyện biển xanh và mây nổi thì chỉ một tiếng cười không).

Chính cái cười của Di-lặc trước "biển xanh và mây nổi" là dũng khí của kẻ tu hành, "vô úy" - không sợ trước mọi đổi thay, thăng trầm, "*dĩ bất biến ứng vạn biến*", như Vạn Hạnh từng nói với đệ tử:

*"Nhậm vận thịnh suy vô bố úy  
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô".*

Còn sự "lười nhác" kia đâu phải là thói xấu, đó là cái tâm của kẻ tu hành không vương bận, không can thiệp vào việc đời, phần nào giống với tinh thần "vô vi" của Đạo giáo. Trong bài "*Tự Phật*", ngay ở nhan đề, tác giả đã nhận thức được cái cốt lõi của quan niệm về Phật. Ai tu hành cũng mong muốn thành Phật. Nhưng Phật ở đâu? Phật không ở trong kinh kệ mà tụng niệm, cũng chẳng ở thế giới Tây phương cực lạc mà đi tìm, "Phật ở mình", trong lòng mình, là chính mình. Với hình thức đối đáp tự nhiên, có khả năng khắc sâu vào tâm trí người đọc, thông qua hình tượng hóa thân Di-lặc, tác giả đã trình bày kiến giải về cái thể và cái tướng của Phật tính:



*"Hòa nam khẩu thỉnh Di-lặc Phật  
Phúc như hứa đại tàng hà vật  
Tiểu vân trung hữu nhất đoàn băng  
Chỉ thị không không vô xứ ngại".*

(Kính cẩn xin hỏi Phật Di-lặc / Trong bụng chứa vật gì mà to thế? / Cười đáp: trong ấy có một khối băng / Chẳng ăn gì cả, chỉ là trống rỗng).

Cái thể trong suốt như băng và cái tướng to lớn bên trong "trống rỗng" chính là cái chân như, Phật tính, là cội Niết-bàn. Đó là biểu tượng cho thế giới siêu hiện thực vô sinh vô diệt, vô thủy vô chung tồn tại trong tâm tưởng của người đã thành Phật. Tác giả còn thấy được cái chân như ở hình ảnh nước suối như trong bài thơ đề trên vách đá chùa Ông Núi mà thi sĩ Quách Tấn đã sưu tầm được: *Thanh tuyến tế ẩm chân tri sự* (Nhấm ngụm nước suối trong thấu hiểu mùi đạo chân như) hay ở hình ảnh *Khả ái Sơn Ông vô sở hữu* (Ông núi đáng yêu không của cải) trong bài thơ *Phong Linh Phong tự quy châu phong vũ đại tác* được ông sáng tác sau khi đi thăm Linh Phong tự trở về bằng thuyền mà gặp lúc mưa to gió lớn. Không dừng lại ở đây, thiền nhân còn bàn đến chuyện nhân duyên, đến lòng từ bi, đến nỗi bi ai của phận người. Duyên hay nhân duyên là khái niệm chỉ mối quan hệ nhân quả nhằm giải thích cho khổ đế và tập đế của đạo Phật. Tác giả không chỉ trò chuyện về nhân duyên: *"Nhất dạ thiền phòng thoại cữu nhân"* như trong bài thơ *Du Ngũ Hành sơn* mà còn nói về nhân duyên như trong bài thơ đề trên vách đá chùa Ông Núi dẫn trên *"Ngẫu tùy ngâm tuyết khẩu đàn thiền"* (Ngẫu nhiên vừa ngâm vịnh về tuyết vừa lay trước đàn thiền). Đào tiên sinh nhận ra *"Phong trần*

*không mãn ý"* (Bụi đời luống phủ đầy áo) trong bài thơ đề sau bức ảnh có tựa là *Mai Tăng tiểu chiếu* cũng là nhận ra tấm thân khốn khổ, bụi bặm của những kiếp người sau những năm tháng mưu sinh, vật lộn. Vì lo toan, tính toán mà rốt cuộc còn lại chỉ là mái đầu tóc bạc, được ông cảm thán *"Lưỡng cá thanh xuân các bạch đầu"* (Hai kẻ thanh xuân giờ đây đầu đều đã bạc) khi cùng với phu nhân đến thăm Diệc Cổ tùng lâm ở Nghệ An vào đêm lễ đàn xã tắc trong bài thơ *Hoa triều dạ dữ nội hữu Diêu Tiên khanh du Diệc Cổ tự*. Nhận thức về nỗi khổ của con người nói chung và của chính mình nói riêng dẫn đến nhận thức về thay đổi đã được ông thể hiện bằng câu *"Ưu thiên mãn dĩ ban"* (Lo chuyện không đầu tóc cứ bạc dần) trong bài thơ *Cửu nhật*. Và từ đáy lòng sâu thẳm, con người thiện của tác giả đã toát lên tình thương, lòng từ bi, tinh thần cứu khổ cứu nạn theo tư tưởng Phật giáo; tinh thần đó không chỉ biểu hiện ở mong muốn dùng 108 tiếng chuông tượng trưng cho sự giải thoát 108 sự phiền não trong thế gian, thể hiện trong câu thơ *"Bách bát chung thanh khước thụ điền"* (Một trăm lẻ tám tiếng chuông vang động tận đợt cây), mà còn thấy rằng mình vốn là kẻ sĩ hiền lành, cũng nên vào trôn cửa Phật, rằng *"Giai sĩ từ bi ninh thị Phật"* (Kẻ sĩ cao khiết có lòng từ bi thì là Phật thật) khi viết lên vách đá chùa Ông Núi. Về cuối đời, ông còn nhận thấy cuộc đời làm quan của mình chỉ như giấc mộng, phần nào thấy được cái hư huyền của cuộc đời, của thân xác như Vạn Hạnh đã nói trong bài kệ bảo đệ tử: *"Thân như điện ảnh hữu hoàn vô"*. Như vậy, đi từ nhận thức cho tới tự nhận thức, Đào Tấn đã đề cập đến nhiều phương diện tư tưởng và triết lý của Phật giáo.

Đi sâu vào mảng thơ thiền của Đào Tấn, ta còn thấy những cảm xúc, rung động, những cảm nhận về thiên nhiên, cuộc sống đượm màu sắc thiền, lúc ẩn lúc hiện. Nhìn thấy hòn đá nhỏ xinh đẹp, ông đưa nó về làm bạn:

*"Ngẫu quá Vân quan đắc hảo thạch  
Huê lai tiểu ốc bạn thư vi".*

(Qua cửa ải Hải Vân tình cờ nhặt được viên đá đẹp / Đem về ngôi nhà nhỏ cho nó làm bạn với sách phòng văn - *Đắc thạch*).

Cử chỉ đó xuất phát từ cảm xúc nhân văn, từ cái nhìn bình đẳng vô biệt, yêu thương đến cả những sinh linh nhỏ bé, những vật vô tri vô giác của thiên nhiên. Những người phàm phu tục tử sao có được những cảm xúc, cử chỉ như vậy? Thế giới thơ thiền Đào Tấn còn phủ một cảm xúc miên man, mông lung, đứt nối của người, của cảnh rất khó nắm bắt. Đó là cảm giác man mác về thời gian trong một đêm mưa gió, khi *"Hai kẻ thanh xuân giờ đây đầu đều đã bạc"*. Là cõi hoài niệm về một khách giang hồ bao năm chưa có dịp về lại ngôi chùa cũ hay một ông quan ngất ngưỡng cười bò vàng với cốt cách và không khí thực hư như Lão Đàm cười trâu trong truyền thuyết:

*"Hoàng độc thi nhân kim bất tại  
Dữ quân thù phục đính tào phùng".*

(Nhà thơ cười bỏ vàng nay không còn nữa / Hỏi ai là kẻ trở lại để cùng người hẹn cuộc tao phùng - *Văng đăng Hồng sơn phông Thiên Tượng phế tự xuất sơn hữu tác*).

Con mắt thiền nhân đã khiến những bức tranh thiên nhiên trong thơ ông cũng mang đậm màu sắc thiền. Thơ thiền thường có những bức tranh thiên nhiên mơ hồ, huyền ảo. Đào Tấn cũng hay lựa chọn chất liệu “khói”, “mây”, “răng chiếu” để làm cho bức tranh nhạt nhòa, mờ ảo như đi vào cõi hư vô của Thiền: “*Lạp tượng vân yên đệ kỷ trùng*” (Chống gậy vượt lên mấy tầng mây khói - *Văng đăng Hồng sơn phông Thiên Tượng phế tự xuất sơn hữu tác*). Ở đây, ta bắt gặp Đào Tấn như một tiên ông đang du ngoạn cảnh tiên trên thiên đường mịt mù mây khói, con người như vô ý, quên đi thực tại hiện hữu để hợp nhất với thiên nhiên vào cõi vô cùng vô tận. Một tiếng chuông ngân mang mang trong đêm trăng mờ cũng là một không gian huyền diệu mang màu sắc thiền mà Đào công nắm bắt được:

“*Khiêm lãng tây lộ nguyệt hoàng hôn*

*Tùy trú chung thanh khấu tự môn*”.

(Đường phía tây Khiêm lãng ánh trăng nhòa nhạt  
Lần theo tiếng chuông ngân đến gõ cửa chùa - *Dạ quá Hòa Quang tự ngẫu chiêm*).

Cảnh mưa gió mịt mù phủ kín lối về của con thuyền trên sông nước vừa như thực vừa như ảo quả là một bức tranh tuyệt diệu:

“*Khả ai Sơn Ông vô sở hữu*

*Chỉ tương phong vũ tổng quy châu*”.

(Đáng yêu thay Ông Núi chẳng có gì cả / Chỉ đem gió mưa mà tiễn thuyền sư trở về - *Phông Linh Phong tự quy châu phong vũ đại tác*).

Trong thơ thiền Đào Tấn có những bài chỉ có tác giả đối diện với cảnh trên núi cao như núi Hồng, núi Ông. Cảnh vật ở những nơi ấy không chỉ đẹp mà còn vắng lặng, thanh tịnh đến bất ngờ. Còn gì thanh tịnh hơn khi một mình lên ngôi chùa hoang trên đỉnh núi Hồng với:

“*Cội hàn tùng lẻ loi tựa lưng ngôi chùa đổ*

*Khối đá im lìm nằm giữ lấy chuông hư*”.

(*Văng đăng Hồng sơn phông Thiên Tượng phế tự xuất sơn hữu tác*).

Ở bức tranh vắng lặng ấy, hình ảnh ngôi chùa, cây tùng, phiến đá như những sinh thể sống hiện lên thật hồn nhiên, tự nhiên. Phật giáo phủ định tư duy lý tính, suy luận mà đề cao trực giác, trực cảm. Vì thế, cảnh vật hiện lên trong con mắt thiền nhân thường bất ngờ nắm bắt được trong cuộc sống với dáng vẻ tự nhiên, trong trẻo nhất. Hình ảnh “*Bích vân hương thảo mãn Tàng Chân*” (Cỏ thơm mây biếc phủ đầy động Tàng Chân - *Du Ngự Hành sơn*) cũng là một trong nhiều bức tranh thiên nhiên mang dáng vẻ tự nhiên, trong trẻo của Thiền.

Ở Đào Tấn, dù ẩn tu hay xuống núi làm quan, tác giả đều có sự thống nhất ở một tấm lòng, một tâm hồn luôn hướng đến Phật, luôn quan tâm đến các chùa chiền, nhà sư; lấy sự thăm viếng, trò chuyện chốn thiền

môn làm niềm vui để quên đi mọi phiền muộn, tuế toái của cuộc đời.

Chỉ có hơn chục bài thơ Thiền mà tác giả nhắc đến rất nhiều tên chùa, điện, động - nơi tác giả trực tiếp đặt chân tới thăm viếng: chùa Linh Phong (Ông Núi), chùa Hòa Quang, chùa Diệc Cổ, chùa Thiên Tượng, điện Di Lặc, động Tàng Chân... Có lúc, tác giả một mình đi du ngoạn cảnh chùa, đôi khi lại cùng nội hữu là phu nhân Diêu Tiên đến thăm lại chùa cũ như một chứng tích về tuổi thanh xuân của mình. Mỗi khi rảnh không có việc gì làm hay buồn phiền vì chuyện quan trường, tác giả lại mượn cớ đến thăm các sư:

“*Độc tọa hàn nha vô nhất sự*

*Tiểu tương sơn minh tặng sơn tăng*”.

(Một mình ngồi ở cửa quan khốn khổ không việc gì làm / Bên đem trà núi tặng cho nhà sư ở núi, buồn cười thật! - *Tặng tăng*).

Để được trò chuyện (*Nhất dạ thiền phòng thoại cự nhơn - Du Ngự Hành sơn*). Đặc biệt suốt cuộc đời của mình, ngoài nỗi hoài hương, ông còn nhớ đến Linh Phong tự như một nỗi niềm khắc khoải, mong đợi:

“*Ưu thiền mấn dĩ ban*

*Linh Phong hồi thủ xứ*”.

(Lo chuyện không đâu tóc cứ bạc dần / Chùa Linh Phong là nơi ngoảnh đầu lại - *Cửu nhật*).

### 3 Kết luận

Đạo Phật do có nhiều điểm tương đồng với tâm thức, truyền thống của người Việt nên đã sớm được nhân dân ta đón nhận. Dù có lúc thăng trầm song một dòng chảy văn học mang âm hưởng Thiền vẫn chưa hề đứt đoạn. Đối với Đào Tấn, dù không xuống tóc đi tu nhưng qua thơ ta thấy được từ đời sống đến nhận thức tác giả đều chịu ảnh hưởng tư tưởng Thiền tông. Chính chất Thiền trong con người Đào Tấn đã góp phần làm cho một trọng quan triều đình mà lại rất gần gũi với nhân dân, sống nhân ái chan hòa, thấu hiểu được thể thái nhân tình trong xã hội ba đào đầy biến động. ■

#### Tài liệu tham khảo:

[1] L. X. Đ. Q. Địch, *Mai viên cổ sự*, NXB Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội, (2005).

[2] Nhiều tác giả, *Đào Tấn nhà thơ nghệ sĩ tuồng xuất sắc*, Ty Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình, (1978).

[3] Nhiều tác giả, *Đào Tấn trăm năm nhìn lại*, NXB Hội Nhà Văn, (2008).

[4] V. N. Liên (chủ biên), *Thư mục – Tư liệu về Đào Tấn*, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nghĩa Bình – Sở Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình – Nhà hát tuồng Nghĩa Bình, (1985).

[5] V. N. Liên (biên khảo), *Đào Tấn thơ và từ*, NXB Sân Khấu, Hà Nội, (2003).

[6] T. N. Thềm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (tái bản lần thứ 2), NXB Giáo Dục, TP.HCM, (1999).

# Ác ma không thấy đường đi lối về

LIÊN HƯƠNG

**Đ**ức Phật nhắc nhở các Tỳ-kheo rằng các dục trường dưỡng (*kāmagunā*) hay các lạc thú ở đời - sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu - luôn luôn là các bẫy sập nguy hiểm, rất dễ mắc phải, cần phải hiểu rõ chúng và cần phải học cách thoát ly chúng thì mới có được cuộc sống an ổn. Chúng được xem như là bẫy sập bởi chúng có sức lôi cuốn hấp dẫn, làm mê say lòng người, kích động và chi phối tâm tư con người, khiến con người trở nên quay cuồng, say đắm, mù lòa, không còn tỉnh táo, sáng suốt, bị mê mờ, bị trói buộc, không tự do, không giải thoát. Chúng cũng được ví như mối nhử của Ác-ma, được giảng ra với ý đồ đen tối muốn làm hại người đời, muốn người đời đi theo và làm theo ý đồ xấu xa của chúng. Nói cách khác, Phật khuyên người xuất gia cần phải nhận thức cho thật rõ vị ngọt (*assāda*) của các dục, sự nguy hiểm (*ādinava*) và sự xuất ly (*nissarana*) khỏi các dục hay các lạc thú thế gian thì mới thoát khỏi tai họa ở đời, mới có được sự tiến bộ trong đời sống tu tập, mới có được cuộc sống thanh thản an lạc.

Nhận thức rõ vị ngọt của các dục nghĩa là phải hiểu rõ các lạc thú thế gian - sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu - có sức lôi cuốn hấp dẫn, làm say đắm lòng người, có năng lực chi phối mạnh mẽ, làm rối loạn và che mờ tâm tư con người, khiến cho

con người trở nên quay cuồng và mù lòa, không còn tỉnh táo và sáng suốt, là pháp chương ngại<sup>1</sup>, cần phải thận trọng để phòng, không nên xem thường, cần phải xa lánh, không nên gần gũi, thân cận.

Hiểu rõ sự nguy hiểm của các dục tức là phải nhận ra sự nguy hại của các lạc thú thế gian, thấy rõ tính chất vô thường bất an của sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu cũng như các hiểm họa khôn lường do lòng tham muốn các lạc thú gây ra<sup>2</sup> để sinh tâm nhàm chán, sợ hãi mà kiên quyết từ bỏ.

Hiểu rõ sự xuất ly khỏi các dục nghĩa là phải biết rõ cách thức để thoát khỏi sự lôi cuốn hấp dẫn hay năng lực chi phối của sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu, nhận thức rõ có con đường, có phương pháp tu tập để chế ngự, khắc phục, chuyển hóa lòng tham dục thành tâm giác ngộ, tâm giải thoát, tâm an lạc. Phương pháp ấy chính là hành thiền (*manabhāvanā*) hay tu tập tăng thượng tâm (*adhicittabhāvanā*) được nói đến trong đạo Phật<sup>3</sup>, một phương pháp tu tập tâm thức làm phát sinh thiền lạc (*jhānasukha*) hay niềm hoan an lạc tự nội (*ajjhātasukha*), có khả năng thay thế dục lạc hay thú vui trần thế, đồng thời có khả năng chuyển hóa các tâm bất thiện (tham dục, sân hận, hôn trầm thùy miên, trạo hối, nghi ngờ) thành các thiện tâm (tâm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) đưa đến chứng đắc trí tuệ, đoạn trừ các phiền não, lậu hoặc, chấm dứt hoàn toàn



mọi khổ đau. Theo lời Phật, vị Tỳ-kheo nào nhận thức rõ vị ngọt của các dục, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi các dục như vậy thì vị ấy được xem là có khả năng vượt khỏi bực lưu, không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn. Nói khác đi, người xuất gia sẽ có được cuộc sống thanh thản an lạc, không rơi vào bất hạnh khổ đau, không còn bị các dục chi phối, thoát khỏi mọi trói buộc ở đời, được tự do tự tại, một khi có sự hiểu biết đầy đủ về các dục và có tu thiền hay nỗ lực chuyển hóa và thanh lọc nội tâm. Bậc đạo sư nhắc nhở:

*“Này các Tỳ-kheo, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc, là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, như vậy, là năm dục trường dưỡng. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trường dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: “Các người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn”. Này các Tỳ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: “Nó đã rơi*

*vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn”. Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc... đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn.*

*Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trường dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: “Các người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn”. Này các Tỳ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: “Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn”. Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc... không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.*

*Chư Tỳ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì nó vượt khỏi tầm tay của người thợ săn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được*

gọi là: một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma. Đây các Tỳ-kheo, lại nữa Tỳ-kheo diệt tâm và tứ, chúng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Đây các Tỳ-kheo, lại nữa Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chúng và trú Thiền thứ ba. Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Đây các Tỳ-kheo, lại nữa Tỳ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là... vượt khỏi tầm mắt của Ác ma.

Này các Tỳ-kheo, lại nữa Tỳ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dục tướng, nghĩ rằng: “Hư không là vô biên”, chúng và trú Không vô biên xứ. Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Đây các Tỳ-kheo, lại nữa Tỳ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: “Thức là vô biên”, chúng và trú Thức Vô biên xứ. Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Đây các Tỳ-kheo, lại nữa Tỳ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: “Không có vật gì”, chúng và trú Vô sở hữu xứ. Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Đây các Tỳ-kheo, lại nữa Tỳ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là... đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Đây các Tỳ-kheo, lại nữa Tỳ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chúng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy bằng trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn trừ. Đây các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là một vị đã làm Ác ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt của Ác ma. Vị ấy đã vượt khỏi mọi triền phược ở đời. An tâm vị ấy đi, an tâm vị ấy đứng, an tâm vị ấy ngồi, an tâm vị ấy nằm. Vì sao vậy? Đây các Tỳ-kheo, vì vị ấy vượt khỏi tầm tay của Ác ma”<sup>4</sup>

Ác ma (Màra) là một từ ngữ được sử dụng trong kinh điển đạo Phật chỉ cho cái xấu ác hay năng lượng xấu ác làm cho con người thành ra mê mờ khổ đau mà điều kiện sinh tồn của nó là tham-sân-si hay các pháp bất thiện. Ở đâu có tham-sân-si hay các pháp bất thiện dấy khởi thì ở đó Ác ma xuất hiện. Tham-sân-si càng nhiều, càng lớn thì Ác ma càng đông, càng mạnh và ngược lại. Do được sinh ra và nuôi lớn bởi các pháp bất thiện tham-sân-si, Ác ma rất lanh lẹ và tinh khôn trong việc tìm kiếm cảnh giới có món ăn thích hợp. Nó bắt mùi món ăn rất tài tình. Hễ bắt cứ ai thiếu sáng suốt, thiếu tỉnh giác để tâm rơi vào tham hay sân một tí thì nó liền xâm nhập và chi phối ngay tức khắc, dù người ấy có ẩn núp ở đâu. Một khi bị Ác ma xâm nhập và chi phối thì con người trở nên rối loạn và mê mờ, không còn tỉnh táo và sáng suốt, mất hết tự chủ, rơi vào tà đạo và chịu nhiều bất hạnh khổ đau.

Do vậy, để tránh Ác ma xâm nhập và chi phối hay nói theo lời Phật là “khiến cho Ác ma mù mắt, không thấy được đường đi lối về”, Đức Thế Tôn khuyên các học trò mình nên hiểu rõ tính chất nguy hại của các dục và nên hành thiền hay nỗ lực tu tập và phát triển nội tâm. Bởi chỉ có nhận thức rõ các dục là cảnh giới của ma, chỗ dinh dưỡng của ma, chỗ ăn uống của ma<sup>5</sup> và nỗ lực tu thiền định thì mới có thể chiến thắng Ác ma, mới khắc phục được lòng đam mê dục lạc hay các lạc thú thế gian, mới có thể thay thế dục lạc bằng thiền lạc, mới có thể chuyển hóa tâm tham-sân-si thành tâm vô tham-vô sân-vô si. Nói cách khác, Ác ma hoàn toàn không có cơ hội xuất hiện, không tìm thấy dấu vết để xâm nhập và chi phối một khi tâm thức vị hành giả an trú trong thiền định, đi lại trong hành xứ an toàn của các pháp môn quán niệm, trở nên trong sạch, vắng lặng, không uế nhiễm, thoát khỏi tham-sân-si. Đức Phật gọi đây là chỗ Ác ma và quyền thuộc của nó không thể đến được, không tìm thấy dấu vết, trở nên mù mắt, không thấy đường đi lối về; vì ở đó tham không có mặt, sân không có mặt, si không có mặt, mọi điều kiện sinh tồn của Ác ma đã được loại sạch. Bậc Giác ngộ xác nhận:

“Này các Tỳ-kheo, sao gọi là Ác ma và Ác ma quyền thuộc không thể đến được? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chúng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Đây các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Tỳ-kheo làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo diệt tâm và tứ, chúng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Như vậy gọi là vị Tỳ-kheo làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chúng và trú Thiền thứ ba. Như vậy gọi là Tỳ-kheo... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú Thiền thứ tư không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy gọi là Tỳ-kheo... đường đi lối về.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dục tướng, nghĩ rằng: “Hư không là vô biên”, chúng và trú Không vô biên xứ. Như vậy gọi là Tỳ-kheo... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng “Thức là vô biên”, chúng và trú Thức vô biên xứ. Như vậy, gọi là vị Tỳ-kheo... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: “Không có một vật gì”, chúng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy gọi là Tỳ-kheo... đường đi lối về. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy gọi là vị Tỳ-kheo... đường đi lối về. Lại nữa, này các



Tỳ-kheo, Tỳ-kheo vượt lên mọi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chúng và trú Diệt thọ tưởng định, sau khi thấy mọi vật với trí tuệ, các lậu hoặc được diệt trừ. Nay các Tỳ-kheo, như vậy gọi là Tỳ-kheo làm Ác ma mù mắt, đoạn tuyệt mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Vị ấy đã vượt khỏi tham trước ở đời<sup>16</sup>.

Tóm lại, để có được cuộc sống thanh thản an lạc, tránh mọi phiền lụy khổ đau do Ác ma gây ra thì con người cần có sự nhận diện cho thật đúng về cuộc đời, thấy rõ tính chất hấp dẫn của các dục, hiểu rõ sự nguy hại tiềm ẩn đằng sau mọi lạc thú trần thế và cần học cách vượt qua mọi cạm bẫy cám dỗ của thế gian. Đó chính là thực hành con đường giới-định-tuệ, con đường của sự nhiếp phục tham-sân-si, thực nghiệm tự do, an lạc mà Đức Phật đã tự thân chứng nghiệm và thâm tóm đầy đủ trong ba luận đề nhấn mạnh về vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly các dục hay các lạc thú thế gian. Đức Phật là người sống ở thế gian mà không nhiễm trước trần thế, vì lẽ Ngài là bậc giác ngộ trọn vẹn về thế gian và sống với tâm giải thoát, không dính mắc thế tục. Ngài không còn bị sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu làm cho tham đắm, làm cho mê say, làm cho quay cuồng, bởi Ngài thấy rõ sự nguy hại tiềm ẩn trong các lạc thú trần thế và an trú trong nếp sống giới-định-tuệ vượt ra ngoài mọi tham ái và trói buộc của thế gian.

Người xuất gia quyết tâm đi theo con đường giác ngộ, siêu thoát thế gian của Phật, lẽ tất nhiên cần phải nhận chân cho thật đúng những gì thuộc thế gian và những gì siêu việt thế gian để thiết lập hướng đi đúng đắn, an toàn và có kết quả. Vị ấy phải thực hành con đường xuất thế, phải tập rời bỏ năm dục trường

dưỡng hay các lạc thú thế gian, được biết như những thú vui thấp hèn (*hīnasukha*), những thú vui làm ô uế tâm thức (*miḥhasukha*), những thú vui phạm tục (*puttḥujjanasukha*), những thú vui không đưa đến thanh cao, thánh thiện (*anariyasukha*), chỉ đưa đến tranh chấp, tàn hại, chất chứa nhiều hệ lụy khổ đau<sup>7</sup>. Thay vào đó, vị ấy tìm vui trong nếp sống tri túc và hành thiền, thực chứng niềm hân hoan an lạc tự nội (*ajjhāttasukha*) do thiền định mang lại, được biết như là xuất ly lạc (*nekkhammasukha*), độc cư an (*pavivekasukha*), an tịnh lạc (*upasamasukha*), chánh giác lạc (*samboddhasukha*), tức những niềm vui hưởng thượng, siêu việt thế gian, có khả năng đưa đến *nhàm chán*, *ly tham*, *đoạn diệt*, *an tịnh*, *thắng trí*, *giác ngộ*, *Niết-bàn*, mục đích cứu cánh của đời sống xuất gia. Làm được như thế thì người xuất gia mới được xem là hoàn tất lý tưởng tu học của mình theo nghĩa tự độ và độ tha. Vị ấy vừa có khả năng giải thoát mình khỏi mọi trói buộc vướng lụy của trần thế, khỏi mọi tầm mắt truy tìm của Ác ma, vừa có khả năng giúp cho người khác đạt được mục đích tương tự<sup>8</sup>. ■

#### Chú thích:

1. Kinh Ví dụ con rắn, Kinh Bất động lợi ích, *Trung Bộ*.
2. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
3. Tiểu kinh Khổ uẩn, Kinh Thánh cầu, Kinh Bầy mỗi, Kinh Māgandiya, *Trung Bộ*.
4. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
5. Bất động lợi ích kinh, *Trung Bộ*.
6. Kinh Bầy mỗi, *Trung Bộ*.
7. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.
8. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung Bộ*.



# Niềm vui phụng sự

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

**1** Khi làm một việc lợi ích nhỏ nào cho ai, chúng ta thấy vui. Thoạt đầu, người bình thường cảm thấy vui vì mình đã làm được, mình có khả năng, mình là kẻ làm ơn cho người khác. Một niềm vui nhuộm màu một cái tôi ích kỷ. Nhưng sau đó, dần dần khởi lên một niềm vui lớn lao hơn, lâu bền hơn: vui vì người khác có được lợi ích. Đây là một niềm vui có được từ chính người khác.

Buổi sáng Chủ nhật, cho cả nhà đi chơi hết. Bất ngờ có vài người bạn gọi chút nữa đến chơi cả ngày. Thế là phải dọn dẹp, sửa soạn phòng cho bạn, nấu thêm nước pha trà... Khi làm công việc bất ngờ này chúng ta dễ lấm bầm. Tại sao mọi người đi hết, tại sao ta không có người giúp việc, tại sao ta phải làm công việc như một người dọn phòng ở khách sạn thế này? Nếu chỉ nghĩ đến riêng phần mình, chúng ta càng khó chịu trách móc nhiều hơn nữa.

Nhưng nếu nghĩ đến người khác: những người trong nhà có một ngày chủ nhật đi nghỉ mát vui vẻ, các người bạn có một ngày thoải mái, còn ta phải làm chuyện không phải phận sự của ta, nhưng công việc ấy sẽ đem lại niềm vui cho người khác. Cũng cùng một công việc, nhưng nếu vì chúng ta thì mọi sự trở nên rắc rối khó chịu, còn vì người khác thì công việc trở nên nhẹ nhàng, có khi còn thích thú nữa.

Làm lợi ích cho người khác, phục vụ cho hạnh phúc của người khác, đem lại niềm vui.

Người làm việc may mặc, khi chỉ nghĩ đến mình thì thấy công việc là một cực nhọc, bất mãn với những điều kiện chưa tốt ở chung quanh, tiền lương ít... Nhưng cũng với những điều kiện đó, nếu nghĩ đến người khác: cái áo này sẽ đến tay những em bé, những cặp vợ chồng, và họ sẽ sung sướng thế nào khi có được bộ áo quần đẹp đẽ, vừa túi tiền như thế. Lúc ấy người

ấy cảm thấy niềm vui và sự thoải mái trong công việc.

Niềm vui trong công việc đến từ sự nghỉ đến hạnh phúc của người khác. Như thế, làm việc, dù ở cấp độ cao nhất hay thấp nhất, đều là niềm vui khi công việc đó phục vụ cho niềm vui và hạnh phúc của người khác.

Làm việc mà biết vui theo (tùy hỷ) niềm vui của người sẽ được hưởng kết quả công việc của mình, đó là niềm vui, hạnh phúc trong công việc. Cho người khác, đó có phải là kho tàng niềm vui của chúng ta, bởi vì người khác thì vô số, vô tận?

**2** Thông thường, ở đời ai cũng muốn giàu có, chức quyền, nổi tiếng... Nhìn kỹ hơn, những thành công trên đều đi liền với trách nhiệm. Một giám đốc càng giàu thì càng có trách nhiệm với sự phát triển của công ty, nhân viên, công nhân, và hơn nữa, với xã hội. Chỉ lo làm giàu cho riêng mình, không có một định hướng xã hội thì chẳng có người tài giỏi về hợp tác, công nhân có thể bỏ đi công ty khác và hàng kém chất lượng thì xã hội không mua dùng.

Một nhà chính trị khi ứng cử phải nói cho dân chúng biết tôi sẽ phục vụ đất nước và dân chúng như thế nào. Hết nhiệm kỳ mà không làm được những điều đã hứa, không hoàn thành trách nhiệm thì người ta không bỏ phiếu cho nữa. Người ta bỏ phiếu là bỏ phiếu cho trách nhiệm của mình.

Trách nhiệm là trách nhiệm trong liên hệ với những người khác. Cuộc đời mình liên hệ được với nhiều người khác và trách nhiệm trong những mối liên hệ đó càng tăng, thì đây là sự thành công. Khi thấy cuộc đời mình có những mối liên hệ với nhiều người và những mối liên hệ đó càng tốt đẹp, tâm thức người ta mở rộng. Sự rộng mở của tâm thức chính là niềm vui. Hạnh phúc trong tâm chính là sự nối kết được mở rộng ra đến nhiều người.

Trái lại, người ta cô đơn, mà cô đơn là một nỗi khổ, vì không có những liên hệ với người khác, nghĩa là không có trách nhiệm với người khác.

Trách nhiệm đem lại niềm vui sống. Trái lại, không có trách nhiệm đưa tới chán nản, vì đời sống không còn ý nghĩa.

Khi thế giới trao giải Nobel dù y học, vật lý, văn chương hay hòa bình cho một người thì xã hội không chỉ tôn vinh tài năng của người ấy, mà chủ yếu là vì sự đóng góp, cống hiến của người ấy cho sự tiến bộ của nhân loại. Bằng cớ là có những nhà khoa học cũng rất giỏi, nhưng làm ra những vũ khí siêu hạng, những siêu vi trùng... thì chẳng bao giờ được giải thưởng gì.

Phụng sự là động cơ và kết quả của mọi công việc thành công ở đời. Hơn nữa, phụng sự là niềm vui trong công việc, có ngay từ lúc khởi đầu công việc chứ không đợi đến kết quả thành công.

Trách nhiệm và sự phụng sự của một người càng cao càng rộng thì người đó càng lên cao trên những bậc

thang tiến hóa. Cho nên, tu thân chính là nhận lãnh trách nhiệm và hoàn thành những trách nhiệm của mình đối với mọi sự, mọi người chung quanh. Phụng sự là niềm vui, niềm vui đó càng rộng lớn khi sự phụng sự càng rộng lớn. Đây là niềm vui và hạnh phúc của con đường tiến hóa qua trách nhiệm và phụng sự.

**3** Và cũng có những con người cao cả hơn nữa, nổi tiếng hơn nữa, giàu có về tâm linh hơn nữa, hẳn cũng nhiều quyền lực hơn nữa, phụng sự cho nhân loại cho đến ngày cuối cùng của nhân loại. Đó là những vị Đại Bồ-tát mà nhân loại mãi mãi nhắc đến.

Như ngài A-nan phát lời thệ nguyện trước Đức Phật:

*Đem tâm tâm phụng sự nhiều đời  
Đó mới gọi là báo Phật ân  
Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho  
Đời ác năm trước thề vào trước  
Còn một chúng sinh chưa thành Phật  
Rốt chẳng nơi kia nhận Niết-bàn...*

Đó là những vị như Quán Thế Âm, Địa Tạng...

Như ngài Địa Tạng với hạnh nguyện “địa ngục chưa trống rỗng thì tôi chưa thành Phật”. Sự phục vụ của Bồ-tát Địa Tạng là khắp cả không gian, suốt cả thời gian. Thế nên, Đức Phật đã tin cậy giao phó trách nhiệm cứu độ chúng sanh cho ngài:

“Một lần nữa, ta đem các hàng chúng sanh, những kẻ ở trong nhà lửa chưa ra khỏi ba cõi mà giao phó cho ông. Ông chớ để các chúng sanh đó phải bị đọa vào ác đạo, dầu là chừng là một ngày một đêm, huống chi là để họ phải sa vào những địa ngục vô gián”.

Ai dám bảo những vị Bồ-tát ấy không hạnh phúc? ■





# Đỉnh núi và mặt đất

Bài & ảnh: **THỊ GIỚI**

**T**ừ một quán cà-phê chung quanh phủ đầy băng tuyết trên cao nguyên lạnh lẽo British Columbia Icefield, tôi đọc tin về những trận bão lụt miền Trung nơi quê nhà. Tôi dừng lại trước một tấm hình màu xám chụp cảnh một hàng cây trên con đường ven biển đang oằn mình trong gió bão.

Nơi tôi đang du lịch chỉ có băng và tuyết, núi cao và thung lũng, cây không thể mọc, chim không thể sống, nhưng lại là một nơi để con người tìm đến, quên đi những nhọc nhằn của đời sống.

Hình như sự hoang dã làm cho con người trở về lại với chính mình. Mọi sự dường như đều bắt đầu từ hoang dã rồi trở về với hoang dã, trở về với cái hoang sơ ban đầu. Người con chạy đuổi theo những giấc mơ trên vụn nẻo đường rồi cũng sẽ trở về với quê mẹ. Người đệ tử ra đi tìm kiếm phương trời cao rộng rồi cuối cùng cũng sẽ về dưới chân Thầy...

Tôi đọc được một lời của ngài Dogen (Đạo Nguyên): *"Từ xa xưa, núi đã từng là nơi cư ngụ của những bậc thánh triết. Những thánh nhân và hiền triết đều lấy núi làm nhà, làm thân và tâm của mình"*.

Dĩ nhiên ở nơi này, băng tuyết bao phủ và lạnh quanh năm, khó là nơi cư ngụ lâu dài của một con người. Nhưng núi luôn luôn vẫn là thân và tâm của

những bậc minh triết. Bất động, kham nhẫn, kiên trì, nuôi dưỡng, rỗng lặng...

Núi cho chúng ta nhìn thấy núi và cũng tạo điều kiện cho chúng ta nhìn thấy thân và tâm của chúng ta. Để làm điều đó, cũng hãy để cho núi nhìn thấy chúng ta và núi nhìn thấy chính núi qua chúng ta. Hãy trở về với sự hoang sơ nguyên thủy của chính mình, trần trụi, trơ trọi, bất động, lặng yên như thân và tâm của núi.

Núi trong đạo Phật còn mang nhiều ý nghĩa. Là Bích Nham, là đỉnh chót vót phải tung mình để thấy được trời đất bao la. Là Tu Di, là nơi bất động giữa muôn vàn biến động, nơi thường hằng giữa mọi thứ vô thường. Là Linh Thứu, nơi Đức Phật tuyên thuyết những bộ kinh Đại thừa cho người và trời... Và với tôi, núi là nơi Đức A-di-đà thị hiện trong từng sát-na để hiển lộ vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng công đức qua tính chất vô thường, vô ngã, rỗng lặng của đời sống.

Núi còn làm cho chúng ta thấy được mặt đất. Có thể chúng ta mỗi ngày đều sống trên mặt đất nhưng chưa từng nhận ra mặt đất. Chỉ khi nào chúng ta đi lạc vào trong rừng rậm núi cao, lang thang vô định và vô vọng để tìm kiếm con đường trở về, lúc đó một làn khói từ làng xa, một ngôi chùa tĩnh lặng sẽ thức tỉnh chúng ta về đất, về một chỗ nương tựa đầy bao dung.

Và đứng trước núi cũng có nghĩa là dừng lại. Và chỉ khi dừng lại chúng ta mới nghe được núi, nghe được sự lặng yên của núi, cũng là lúc nghe được dấu lặng trong bản hòa tấu muôn màu của đời sống, nghe được sự yêu thương của đất. Muốn thấy núi, nhìn rõ, nghe rõ được núi, chúng ta phải nhìn và nghe từ mặt đất.

Tôi có xem một số phim về các nhà thám hiểm chinh phục những đỉnh núi cao. Chinh phục được núi có nghĩa là trèo lên đến chỗ cao nhất của núi. Tôi nghĩ đến một vị thầy chùa. Tiếng “thầy chùa” ở Việt Nam thường chỉ cho những vị tu sĩ Phật giáo “chất phác, bình dân”. Ngài mới vừa viên tịch. Một vị thầy chùa chỉ quanh quẩn dưới chân núi và đã trở thành núi. Đó là HT.Thích Chí Tín trụ trì chùa Long Sơn, Nha Trang.

Vị thầy chùa đó một đời chỉ làm những việc đơn giản nhất, sống một cuộc sống giản dị đơn sơ nhất. Và ngài đã ngồi viên tịch vào một ngày trăng rất tròn. Ngài chưa từng dù trong ý nghĩ chinh phục một đỉnh núi nào, chưa từng có ý nghĩ chinh phục đỉnh đời hay đỉnh Đạo cao vời nào. Và ngài đã trở thành núi, hay chính ngài từ lâu đã là núi.

Rõ ràng cuộc đời của ngài là cuộc đời của núi - kham nhẫn, kiên trì, bất động và thương yêu. Nhưng ngài cũng là đất, sống trọn vẹn với mặt đất.

Phải chăng muốn thấu hiểu về núi cũng phải thấu hiểu về đất? Phải chăng núi trở thành núi bắt đầu từ mặt đất?

Có một câu chuyện kể rằng ở một ngôi chùa trên đỉnh núi có một vị thiền sư đắc đạo sống với nhiều đệ tử. Trong số đệ tử, có một vị mặc dù là một người thông minh nhất và tinh tấn nhất, trải qua 20 năm chăm chỉ học Đạo, tham Thiền mà vẫn không tìm thấy giác ngộ.

Sau những cố gắng không ngừng, một sáng mai, nhìn thấy những cánh hoa anh đào rơi rụng, người đệ tử suy nghĩ: “Mình không thể chiến đấu với số phận. Giống như những hoa đào rơi, mình phải lui về với số phận của mình”. Và quyết định rời khỏi núi, từ bỏ niềm hy vọng sẽ được giác ngộ.

Người đệ tử tìm đến chỗ vị thầy đang thiền định, kính cẩn thưa: “Thưa thầy...” Chỉ nói đến đó, vị thầy nói: “Ngày mai ta sẽ đi với con xuống núi”.

Sáng hôm sau, trước khi xuống núi, vị thầy nhìn vào không gian bao la chung quanh đỉnh núi. Ngài nói: “Hãy nói cho ta nghe con thấy điều gì?”. Vị đệ tử trả lời: “Thưa thầy, con thấy mặt trời bắt đầu thức dậy dưới chân trời, hàng dặm núi đồi khúc khuỷu, một cái hồ và một thành phố nhỏ hiện ra trong thung lũng”. Vị thầy mỉm cười và họ bắt đầu cuộc hành trình.

Hai thầy trò tiếp tục cuộc hành trình trong khi mặt trời cũng âm thầm di chuyển ngang qua bầu trời. Họ dừng lại khi đi đến chân núi. Vị thầy lại hỏi người đệ tử thấy gì. Người đệ tử trả lời: “Thưa thầy, ở xa xa kia, con nhìn thấy những con gà trống rào chạy quanh nhà kho, những con bò nằm ngủ trên đồng cỏ non, những

người già phơi mình trong nắng chiều và những trẻ con nô đùa bên suối”. Vị thầy im lặng và tiếp tục bước cho đến khi họ đến cổng vào thành phố.

Hai thầy trò ngồi xuống dưới một tàng cây cổ thụ. Thầy hỏi: “Hôm nay con thấy gì? Có thể đây là lần cuối ta trao đổi với con”. Người đệ tử lặng im thay cho câu trả lời. Sau một lúc yên lặng, vị thầy nói: “Con đường đưa đến giác ngộ giống như con đường đi xuống núi. Nó chỉ đến với người nhận ra rằng chính là việc đi xuống, không phải đi lên, tạo ra sự thay đổi. Chúng ta vùng vẫy phấn đấu để vươn lên đến đỉnh của ngọn núi, cố làm mọi thứ tuyệt hảo để đạt được giác ngộ. Nhưng càng phấn đấu, chúng ta càng rời xa chân lý. Không phải là nhìn từ đỉnh núi, mà chính là nhìn từ nơi chúng ta đang là. Như hoa anh đào, con đã chấp nhận số phận và chấm dứt cuộc đấu tranh. Con đã từ bỏ cuộc tìm kiếm chân lý và con đã nhận thấy nó”.

Khi thầy ngừng nói, người đệ tử nhìn về phía chân trời. Mặt trời đang lặn phía trước như đang mọc lên trong tâm của người đệ tử...

\* \* \*

Tám hình màu xám với hàng cây oằn mình trong gió làm tôi nghĩ đến Việt Nam, với những lần bị xâm lăng, những cuộc chiến đấu, những thiên tai, nhân tai, và những vị thầy chùa. Vàng, những vị thầy chùa quê mùa, đơn sơ đã gắn liền với đất nước này, với lịch sử của đất nước này qua những cuộc tang thương cũng như vinh quang, hạnh phúc.

Tôi đã nhìn rất lâu, và phải chăng những rặng núi tuyết ngoài kia, bầu trời trong trẻo ngoài kia cũng đã nhìn rất lâu vào bức hình màu xám đó? Tôi nghĩ về hoàn cảnh của dân tôi, của đất nước, về văn hóa, về nền Phật giáo dân tộc. Tôi liên tưởng đến loài chim bão (storm petrel) mà Gary Thorn diễn tả:

*“Từ nhiều năm, tôi quan sát những con chim biển, những loài thú có vú dưới biển, và đời sống ven những bờ biển này. Có một loài chim, chim bão, một loài hải âu nhỏ, mà tôi đặc biệt để ý. Đó là một loài chim nhỏ nhất trong các loài chim biển trên thế giới, thân nhỏ khoảng bằng chim sẻ, và trọng lượng không hơn một ounce. Chúng lớn lên trong sóng nước biển cả, trong gió lớn, bay lượn trong sóng cao, và bị những loài chim lớn hơn, hung dữ hơn săn đuổi. Chim bão này có thể sống còn chỉ bằng việc nương vào đại dương xung quanh nó. Thay vì để bị áp đảo bởi sự hùng vĩ của môi trường, những con chim mảnh mai và nhỏ bé này đi theo con đường không chống cự. Trong những lúc tồi tệ nhất của thời tiết, chúng lượn sâu trong khoảng trống giữa hai ngọn sóng, dùng những bàn chân mỏng manh để đẩy thân mình ra khỏi những bức tường nước bên cạnh, để cho những cơn gió gầm thét cắt ngang những đỉnh sóng trên cao. Đó là vũ điệu tự nhiên tài tình và để sống còn của chim. Và đó là một điển hình trong vô số cách nương náu, trú ẩn của chúng sanh” (Shelter from the Storm).*

Tình cảnh của chúng ta giống như những con chim bão này. Trong khó khăn, chúng ta đã và đang nắm tay nhau, lượn theo sóng gió để sống còn và vươn lên. Và cũng từ đó, chúng ta nhìn ra tính chất đời sống của chúng ta, mong manh vô thường nhưng cũng lớn lao, kết nối; khổ đau chống chọi nhưng cũng đầy tình thương. Đức A-di-đà và những vị thầy chùa đã đi cùng với chúng ta, sống cùng với chúng ta, hòa cùng chúng ta trong mọi lúc, trong những cuộc vươn lên từ bão tố này. Câu "A-di-đà Phật" đã thành câu nói đầu mỗi của chúng ta khi một sự việc bất ngờ xảy ra. Và chẳng phải câu niệm Phật A-di-đà đã gắn liền với những vị thầy chùa và Phật tử Việt Nam từ hàng trăm năm qua? Chẳng phải câu niệm Phật A-di-đà đã làm cho những vị thầy chùa như cố HT.Thích Chí Tín trở thành những ngọn núi giữa thế gian?

Người Phật tử Việt Nam lớn lên từ mặt đất nơi này. Và nếu có đi lên tận một đỉnh núi cao nào đó cũng trở về nơi đây để thành tựu. Ở ngay trên mặt đất này, hòa mình vào đất để nhận ra và theo gót những vị thầy chùa, để cho ánh sáng của Phật A-di-đà biến thành tình thương, để cho sáu ba-la-mật biến thành tám vạn bốn ngàn ba-la-mật.

Những trận mưa bão lũ lụt miền Trung với thêm hàng ngàn gia đình mất hết sản nghiệp, với bao nhiêu người trở thành góa bụa, bao nhiêu trẻ em trở thành mồ côi, bao nhiêu trẻ em không còn cơ hội cắp sách đến trường, rồi có bao nhiêu trai gái trẻ phải bỏ xóm làng ra đi, trong đó có những cô gái thanh xuân phải dấn thân vào những cảnh đời không mong muốn... thúc giục chúng ta, kết nối chúng ta. Đó là nỗi đau chung và chúng ta kết nối từ nỗi đau chung đó. Ở đất nước này Khổ thật sự đã đưa chúng ta đến với Con Đường.

Vẫn biết mục tiêu của người Phật tử là giải thoát khỏi những khổ đau ở thế gian này. Vẫn biết cõi Cực lạc phương Tây tràn đầy phúc lạc. Nhưng chúng ta cũng biết rằng ánh sáng và lòng từ bi của Đức Phật A-di-đà đâu có giới hạn ở phương Tây.

Nói như nhà thơ Trụ Vũ:

*Cũng vì mắt ngó trời xanh  
Cho nên mắt cũng long lanh màu trời  
Cũng vì mắt ngó biển khơi  
Cho nên mắt cũng xa vời đại dương...*

Mắt của chúng ta long lanh màu trời có lẽ vì chúng ta mang dòng máu của Vua Hùng, ngày xuân leo lên đỉnh Thiên Cầm nhìn ra trời xa để nghe cuộc hòa tấu của những cung đàn trời. Mắt của chúng ta chứa sự xa vời của đại dương có lẽ vì chúng ta đã từng nhìn ra biển Đông chờ đợi sự trở về của công chúa Huyền Trân, chúng ta nhìn ra biển Đông gửi tình thương đến Hoàng Sa, Trường Sa... Mắt của chúng ta chứa đầy mặt đất đang nuôi dưỡng chúng ta, chốn quê nhà yêu dấu nhiều khổ lụy. Nhưng mắt của chúng ta cũng chan

chứa ánh sáng và tình thương vì chúng ta luôn hướng về một cõi ánh sáng, thanh bình, an lạc và đầy tình thương ở phương Tây.

Trên con đường đối diện với những trắc trở, khó khăn, với sinh, già, bệnh, chết, với mất mát, chia lìa..., chúng ta, những người Phật tử Việt Nam, có khi thấy mình tung vút trên những ngọn núi cao như Yên Tử, Trường Sơn, có khi thấy mình lặn lộn trong những ao tù chật hẹp và lấy lợi của đời sống; có khi thấy mình bay bổng trên cõi trong lành hạnh phúc, cũng có khi thấy mình vui mình trong máu và nước mắt... Đời sống không nói gì với chúng ta, Đức Phật A-di-đà không nói gì với chúng ta, nhưng dường như đời sống và Đức Phật A-di-đà luôn đánh thức chúng ta. Đánh thức để chúng ta tiếp tục cuộc hành trình, và cũng để chúng ta lan tỏa, thâm nhập vào cái rộng lớn của đời sống. Cái rộng lớn đó không loại trừ một thứ gì. Đỉnh cao Yên Tử hay ao tù chật hẹp; một cõi trong lành hạnh phúc hay máu và nước mắt; đại bàng tung gió hay con chim non bị vùi dập trong giông bão; thời gian vô cùng hay khoảnh khắc chia ly...

Một trường giang điệp điệp và một nhánh cù khô trôi trên trường giang đó hàm chứa trong nhau, nói lên cho nhau. Cái nhỏ nhoi thấp thỏi chứa đựng trong cái vô cùng để vô cùng có thể tiếp cận được với đời sống và để đời sống có thể tiếp cận được với cái vô cùng. Ba chữ A-di-đà để chúng ta có thể tiếp cận được với cái vô lượng của đời sống: vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng công đức.

Tất cả những cái đó - đỉnh núi và mặt đất - tạo nên con người của chúng ta.

Và phải chăng những cảnh hoang tàn bão tố miền Trung đã kết nối với tâm Từ Bi của Đức Phật A-di-đà qua ý nghĩa đó? Phải chăng những cảnh tang thương kia chấp cánh cho tình thương được phát lộ và thăng hoa? Phải chăng A-di-đà là sức mạnh để giải phóng những khổ đau vào một thứ tình thương vô tận? Xuyên qua A-di-đà người ta có thể cùng lúc tiếp cận khổ đau, tình thương và hạnh phúc!?

Chúng ta, những người đồng hành trên con tàu khổ đau, hãy cùng lắng nghe một hành giả Phật giáo Tây Tạng người Mỹ, bà Pema Chodron: "*Để cảm nhận được lòng ấm áp tự nhiên thật sự là gì, thường chúng ta phải trải qua sự mất mát. Trong bao năm ròng rã, ngày qua ngày chúng ta bị thói quen đẩy đi, sống đời sống mà chúng ta coi là hiển nhiên. Rồi một hôm, chúng ta hay người thân gặp một tai nạn, một chứng bệnh trầm kha, khi đó những tấm che như được tháo gỡ khỏi cặp mắt chúng ta. Chúng ta nhìn thấy sự vô nghĩa của bao nhiêu việc chúng ta làm và sự trống không của bao nhiêu thứ chúng ta bám víu*" (Sự Ấm Áp Tự Nhiên).

Và hy vọng điều này là có thật cho tình cảnh của chúng ta: The bad times make the good ones that much better. ■



# Phật giáo nhân gian

## trong quá trình phát huy văn hóa dân tộc

THÍCH GIÁC TOÀN

**B**ài này gồm bốn phần: Phần I: Khái quát về văn hóa và văn hóa nhân gian (hay đúng hơn, văn hóa dân gian), về văn hóa nhân gian Phật giáo; Phần II: Bối cảnh Việt Nam thời Phật giáo du nhập: Đất nước, xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo của người bình dân và sự giao lưu giữa văn hóa dân gian với văn hóa Phật giáo, với văn hóa Việt Nam; Phần III: Văn hóa Phật giáo nhân gian bao gồm sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng quê, vùng xa, thành thị, các công trình kiến trúc như đình, chùa, miếu, bàn thờ và văn học Phật giáo nhân gian qua ngôn ngữ, ca dao, tục ngữ, truyện cổ, các hình thức lễ lạt...; Phần IV: Kết luận về sự đóng góp của Phật giáo cho việc phát huy văn hóa dân tộc.

### Khái quát

Văn hóa là những đặc điểm của một nhóm người, một cộng đồng, vùng đất, lãnh thổ, có nét chung về suy nghĩ, sinh hoạt, tập quán, tình cảm, bao gồm tôn giáo, tập quán xã hội, âm nhạc, nghệ thuật, kiến trúc, lễ lạt, văn học v.v... Những sinh hoạt, hoạt động như thế khiến cho tâm hồn được trường dưỡng, cho nên Cicero từng nói: "Văn hóa là sự trồng trọt linh hồn (Cultura amini)".

Văn hóa của một vùng đất, một quốc gia dĩ nhiên, bắt nguồn từ cộng đồng con người của nơi ấy, tức phát xuất từ những người bình dân, là văn hóa cơ bản, hay văn hóa dân gian, hình thành kể từ buổi định cư tại vùng đất, quốc gia ấy và phát triển, giữ những nét đặc

thù theo thời gian và trở thành văn hóa dân tộc. Văn hóa định hình cho sự hiện hữu của con người. Khởi đầu là những đặc trưng trong sinh hoạt hàng ngày, trong đó vai trò tâm linh là rất quan trọng. Đó là những tín ngưỡng, lễ lạt, tiến đến sự hình thành tôn giáo.

Vào thế kỷ I Tây lịch, khi Phật giáo du nhập nước ta, người Việt đã có nền văn hóa, đã có Hùng vương Lạc tướng. Nền văn hóa này mang dấu ấn tâm linh, mang tín ngưỡng của một vùng đất nông nghiệp, săn bắt, thờ phụng thần linh như thần cây, thần sấm, thần núi, thần biển..., tin tưởng vào triết lý ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác. Lý nhân quả đã được mọi người thông hiểu, cái khổ được mọi người trải nghiệm qua thiên tai, qua sự đô hộ của ngoại bang. Cho nên giáo lý Nhân quả, Tứ đế của Phật giáo dễ dàng được tin nhận và Phật giáo đã thấm nhuần vào tư tưởng, sinh hoạt, tình cảm của số đông, của nhân gian hay nói cách khác, văn hóa dân gian đã mang màu sắc Phật giáo.

### **Bối cảnh Việt Nam thời Phật giáo du nhập**

Từ đầu thế kỷ thứ I Tây lịch, trải gần một ngàn năm Bắc thuộc, ngoại trừ cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, lập ngôi vua được ba năm, và vài cuộc khởi nghĩa ngắn ngủi khác chống Bắc phương xâm lược, mãi cho đến thế kỷ X, Ngô Quyền đánh đuổi được quân Hán, lên làm vua, mở đầu các thời đại Đinh, Lê, Lý, Trần..., nhân dân ta phải thống khổ vì ách đô hộ độc ác của phương Bắc, bị áp bức, bị nghèo đói, bị sống trong tăm tối, bị sưu dịch nặng nề. Tuy vậy, khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc và Việt Nam, nhân dân hai nước chấp nhận Phật giáo như là một tôn giáo mới. Do đó, số ít Tăng sĩ Giao Châu được phần dễ dãi, không đến nỗi phải chịu sự kiểm soát gắt gao của chính quyền xâm lược. Các vị này có thì giờ để học tập, nghiên cứu các môn khoa học, văn học Trung Quốc và nhất là kinh điển Phật giáo.

Các chùa chiền, am cốc được thành lập ở các làng quê, ở vùng hẻo lánh. Được biết đạo Phật là đạo giải thoát, cứu khổ nên giới bình dân tìm đến, mong được an ổn tâm linh, mong được học hỏi. Thế là nhà chùa tại mỗi làng dần dần trở nên một trung tâm văn hóa, dạy chữ, dạy đạo, chữa bệnh, hướng dẫn sinh hoạt, chọn ngày giờ tốt để gieo trồng gặt hái, xây cất nhà cửa, dựng vợ gả chồng... Dân làng được thấy sự lợi ích ấy nên càng gần gũi với đạo Phật, đóng góp phần xây dựng chùa, đúc chuông, tạo tượng...

Từ đây, bốn ý nghĩa căn bản của văn hóa nhân gian được nổi bật: 1) danh dự cá nhân (không bị chà đạp, rẻ rúng vì chính quyền xâm lược); 2) tình cảm, sự tận tụy với gia đình, với những người chung quanh; 3) bổn phận đối với cộng đồng (mà nhà chùa là nơi gặp gỡ, thân tình với nhau); và 4) tôn trọng thiên nhiên (cảnh trí, cỏ cây, sinh vật). Và cũng từ đây, đặc trưng rõ nhất của nhân cách một con người được ý thức rõ hơn. Đó là sự mong muốn được tự do cá nhân, mong muốn được

biết, được hiểu, được khám phá và mong muốn được phục vụ cho cộng đồng. Tất cả các đức tính đó đều được bao hàm trong giáo lý Phật giáo.

### **Văn hóa Phật giáo nhân gian**

Thế là từ việc người bình dân Việt Nam thờ phụng các thần linh đại diện cho các thế lực thiên nhiên, Phật giáo đã khiến người dân thờ kính Đức Phật như vị thần tối cao. Đi chùa, lễ Phật trở nên một sinh hoạt bình thường. Giáo lý của Đức Phật được hiểu một cách cơ bản, dễ dãi: nhận biết khổ đế của Tứ đế, nhân quả, luân hồi, tin tưởng ở sự tự tu và sự cứu độ... Về sau, khi đất nước được tự chủ, Phật giáo hưng thịnh, các chùa chiền ở thành thị được xây dựng qui mô hơn, như hiện nay vẫn còn tồn tại các chùa từ đời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn và nhất là nhiều chùa lớn sánh ngang với các nước trên thế giới được xây dựng ở khắp cả ba miền đất nước. Trong khi đó, việc thờ Phật ở tư gia cũng phát triển. Bàn thờ Phật được đặt cao hơn bàn thờ tổ tiên, được trang hoàng đẹp đẽ, được dâng hoa quả, phẩm vật ngày rằm, mồng một và các ngày lễ lớn.

Trong sinh hoạt hàng ngày, phát xuất từ sinh hoạt nhân gian, Phật giáo đã được hàm chứa trong ngôn ngữ, trong giao tiếp, trong ca dao, tục ngữ, trong các truyện cổ tích...

Rất nhiều thuật ngữ Phật học đã trở thành quá quen thuộc trong tiếng Việt như Phật, tâm địa, nhân quả, luân hồi, sám hối, Bồ-tát, số kiếp, tái sinh, giải thoát, nhân duyên...

Trong tục ngữ, ca dao ta tìm thấy không ít những câu như: Ở hiền gặp lành, Đi với Phật mặc áo cà sa, Khẩu xà tâm Phật, Hiền như Bụt, Ác lai ác báo, Tu tâm dưỡng tánh...

Trong các thời đại cực thịnh của Phật giáo Việt Nam, nền văn học Phật giáo nảy sinh mạnh, các tác phẩm Phật học xét ra cũng có số lượng không thua tổng số các tác phẩm của các thể loại khác. Tác giả là các đại sư, thiền sư, học giả Phật học. Nhưng trong giới bình dân, phần văn hóa cơ bản, hay văn học cơ bản lại thuộc văn học truyền miệng như ca dao, tục ngữ hay truyện cổ... được sáng tác trong dân gian và ảnh hưởng của Phật giáo nhân gian, đó là sự thể hiện niềm tin đạo lý nhân quả, sự cứu khổ...

Về đạo đức Phật giáo hay sự ăn ở hiền lành, vun trồng đức độ, tin ở kiếp trước, kiếp sau, thiện báo ác báo, sự tu tập Phật pháp:

*Người trồng cây hạnh mà chơi  
Ta trồng cây đức để đời về sau*

*Lênh đênh qua cửa Thần Phù  
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm*

*Ai ơi hãy ở cho lành  
Tu nhân tích đức để dành cho con*

Niềm tin ở Đức Phật, Bồ-tát Quán Thế Âm:

*Con ơi hãy khéo ghi lời  
Tháng tư giỗ Bụt thời đi lễ chùa*

*Nam-mô Đức Phật Quan Âm  
Ra tay cứu độ vớt người trầm luân*

*Ai ơi chớ có ăn lời  
Bụt kia có mắt, ông Trời có tai*

Quả thật không thể kể hết các câu ca dao nhuộm màu Phật giáo nhân gian, tư tưởng đơn giản, dễ hiểu. Nhưng cũng không hiếm những câu có tư tưởng sâu xa. Ví dụ, vẫn là sự khuyến tu, nhưng là sự hối thúc tu vì đời người ngắn ngủi, vô thường:

*Đời người như bóng phù du  
Sớm còn tối mất, công phu lỡ làng...*

Như trên đã nói, Phật giáo được người dân cùng khổ từ thời du nhập ủng hộ nên có thể nói Phật giáo nhân gian được hình thành đầu tiên và góp phần vào việc làm phong phú văn hóa dân tộc ngay từ buổi đầu. Điều này càng được chứng tỏ khi ta xét nội dung của một số truyện cổ tích. Ta thấy hình ảnh Đức Phật hay Bụt, các nhà sư, chùa chiền, những tín đồ Phật giáo thuần thành, có tâm tu... xuất hiện trong rất nhiều truyện.

Đức Phật xuất hiện cứu giúp người hiền thiện đang gặp khó khăn, nguy hiểm: các truyện *Tấm Cám, Cửa thiên trả địa, Sự tích con muỗi, Cây tre trăm đốt, Ông bình vôi...*

Các vị sư cứu giúp người: *Cây huyết dụ, Người khổng lồ đức chuông, Chữ Đồng Tử, Từ Đạo Hạnh...*

Về nhân quả luân hồi. Rất nhiều truyện sự tích như: *Sự tích chim cuốc, Con muỗi, Chim tu hú, Từ Đạo Hạnh, Trái sầu riêng, Con nhái, Tấm Cám...*

Các truyện khuyến tu, phóng sinh, ăn chay, niệm Phật, ca ngợi đức nhẫn nhục như: *Sự tích chim tu hú, Ông bình vôi, Chữ Đồng Tử, Trái sầu riêng, Hồ Ba Bể...*

Phật tử đến chùa lễ Phật, nghe kinh, tham dự các buổi lễ Phật nhân ngày rằm, mồng một, nhân các lễ cầu an, cầu siêu, nhân các đại lễ như Phật đản, Vu-lan, thành đạo... Tiếng tụng kinh niệm Phật, âm nhạc Phật giáo qua các nhạc cụ chiêng trống, kèn, khánh mõ... là những nét văn hóa đẹp, là đặc trưng của Phật giáo nhân gian.

Phật giáo nhân gian là căn bản, là nhân tố để phát triển Phật giáo theo chiều rộng, chiều sâu cũng như phát triển văn hóa Phật giáo. Giáo lý Phật giáo qua các tổ sư, đại sư, luận gia... làm cho văn hóa Phật giáo nhân gian càng thêm phong phú.

Có lẽ cũng nên bàn thêm đôi ý về sự phân biệt giữa Phật giáo nhân gian với Phật giáo không phải nhân gian. Phật giáo không phải nhân gian phải chăng là những giáo lý thâm sâu, huyền diệu, khó nghĩ bàn,



khó hiểu? Thực ra giáo lý Phật giáo vẫn là một, là thực dụng, là nhằm thoát khổ. Có vô số pháp môn để tu tập Phật pháp. Phần thực dụng nhất là sự tin Phật, tôn trọng điều thiện, xa lánh điều ác, tin vào nhân quả luân hồi được đa số người bình thường hiểu được, áp dụng được và ta gọi đó là Phật giáo nhân gian. Và từ nhân gian, qua Phật giáo nhân gian, cũng những con người bình thường trong hoàn cảnh bình thường của làng quê hay thành thị, đã càng lúc càng hiểu đạo sâu hơn, tiến đến những chỗ cao siêu đòi hỏi trí tuệ, sự tu tập tâm linh. Bấy giờ danh từ Phật giáo nhân gian liệu còn có ý nghĩa như trước không? Từ đây, ta có thể nói chỉ có Phật giáo, không phân biệt thuộc Phật giáo nhân gian hay không. Cũng như văn hóa dân tộc không phân biệt văn hóa xưa, văn hóa nay.

### Kết luận

Văn hóa thường được hiểu là bao gồm hai ý nghĩa. Một là "văn minh", bao gồm giáo dục, nghề nghiệp, nghệ thuật, thủ công và các sản vật của các thứ ấy. Hai là thể cách suy nghĩ cảm nhận và hành động của con người. Geert đã định nghĩa văn hóa là "sự lập trình tập thể của tâm thức phân biệt các thành viên của nhóm loại này với nhóm loại khác". Loại ở đây được hiểu là quốc gia, tôn giáo hay chủng tộc hay cộng đồng.

Trong ý nghĩa ấy về văn hóa và qua phần đã trình bày trên, ta có thể kết luận rằng Phật giáo nhân gian đã tạo ra và mang lấy nội dung của văn hóa Phật giáo. Văn hóa Phật giáo lại là bộ phận hay cũng chính là văn hóa Việt Nam. Trân trọng văn hóa nước nhà cũng chính là trân trọng, nỗ lực phát triển Phật giáo nhân gian và văn hóa Phật giáo vậy. ■



# Một lần nữa, Huế lại “thoát bão”!

NGUYỄN KHẮC PHÊ

**K**hông phải chỉ trong “siêu bão” 14 vừa qua, mà đã mấy năm rồi, các cơn bão khi đang rập rình ngoài biển Đông, nhìn bản đồ báo bão, ai cũng lo cho Huế vì thấy nó cứ nhằm Huế mà xốc tới. Vậy nhưng khi vào gần bờ, nó bỗng “uốn mình”, khi hướng ra Bắc, khi quặp vô Nam. Cũng vậy, siêu bão 14 - khi thì gọi là “Hải Yến”, khi lại là “Hải Âu” – nhìn hướng nó đi ngày 9/11, bà con, bạn bè ở Hà Nội, Sài Gòn gọi điện viết email thăm hỏi và chia sẻ trước với người ở Huế. Nhà tôi thì nghe có người mách, đi mua một cuộn băng dán to đùng, để dán các ô kính như thời Hà Nội chống bom Mỹ; rồi chặt cây, lấy dây thép cột thêm cửa...; chiều chạy vội ra cửa hàng bánh mì, chen mua cho được một lúc... 10 cái, mặc cho một cô bạn đứng cạnh cười bảo: “Chị mua nhiều rứa, lỡ bão không vô thì ăn răng cho hết!”. Xong việc, ngủ sớm, trù tính sáng dậy nấu cơm trước khi mất điện vì bão đổ bộ, nhưng đêm trở mình, tỉnh giấc, chờ nghe

tiếng gió rú rít, lại chỉ thấy tiếng mưa rả rích kiểu “giọt mưa thu thánh thót rơi”! Đã thấy lạ và thoáng nghĩ “chả lẽ Huế lại thoát”? Và ngủ tiếp ngon lành đến gần 6 giờ sáng, mở ti-vi, thì quả nhiên, giữa đêm bão đổi hướng, không vào bờ ngay mà “Bắc tiến”!

Đã đành, bão vào vùng đất nào cũng gây đau đớn cho đồng bào ta, nhưng câu hỏi “vì sao suốt mấy năm qua, hầu như bão “né” Huế?” đã thành chuyện nhỏ to ở khắp nơi. Cách trả lời dễ chấp nhận nhất là “chuyện khó lường của thiên nhiên, tạo hóa chỉ có Trời mới biết!”. Các nhà khí tượng học thì hẳn là tìm cách lý giải ở sự chênh lệch nhiệt độ các vùng khí hậu và địa hình khu vực... Nếu chuyện chỉ có vậy thì chẳng có chi để bàn. Xin được “nói to” lên (vì đã mấy năm nay, không ít dân Huế thường chỉ thì thầm với nhau!) một điều, mong được các bậc thức giả chỉ bảo - rằng mấy năm nay, bão gần như né Huế vì nhờ Trời Phật, thần linh phù trợ! Đó là cách nói “tóm tắt”; còn “cụ thể”



hơn thì có người cho là nhờ sau khi Đoàn Nam Giao được “hoàn nguyên”, một lễ cầu “quốc thái dân an” đã được tổ chức tại đây - có thể gọi là “đại lễ” với rất nhiều nhân sĩ, trí thức tên tuổi, cả từ Hà Nội vào, tuy tổ chức ban đêm và không quảng bá, chiêng trống ồn ào; có người lại nói do Huế là vùng đất nhiều chùa chiền nhất nước, và sự cầu nguyện những điều tốt lành của Phật tử cho đồng bào, cho đất nước đã “tác động” đến thiên nhiên... Nghe những điều này, hẳn là những nhà “duy lý” cười khẩy chỉ vì lịch sự, chứ ngay sau đó, họ sẽ bảo nhau: “Vớ vẩn! Phi khoa học! Toàn là mê tín dị đoan!”.

Tôi xin được là kẻ “trung dung”; vả lại, hơn 70 tuổi rồi, đại chi công khai “tuyên ngôn” ủng hộ phe này, phái kia để rồi bị “đấu đá” (không bên này thì cũng bên kia!). Kể ra, “thật thà” hơn thì phải thú nhận rằng, lớp “cán bộ” tuổi tôi, do thấm nhuần chủ thuyết trong các giáo trình, đều là những kẻ “duy lý”, thậm chí là cực đoan. Nhưng rồi nhờ sách vở, báo chí và những chuyện đời có thật xung quanh dần “mở mắt” để có thể nhìn thế giới một cách rộng rãi hơn. Trước hết xin dẫn một “luận cứ” khá phổ biến, được các nhà khoa học có uy tín (chẳng hạn như Tiến sĩ Vật lý Nguyễn Tường Bách) diễn giải tại nhiều nơi, rằng “*vật lý hiện đại cho thấy một số quan niệm của Phật giáo cần phải được xem xét đến...*

*Người ta thấy không thể rạch rời tách rời ý thức con người ra khỏi thực tại vật lý được...*” và chính Albert Einstein (1879-1955), nhà khoa học được coi là vĩ đại nhất thế kỷ 20, với thuyết “Tương đối” và thuyết “Cơ học lượng tử” đã cho thấy sự gắn gũi (nếu không muốn nói là trùng hợp) giữa nhiều điều được diễn giải trong kinh Phật với vật lý hiện đại...

Tôi là người dốt các thuyết lý, chỉ nói qua vậy, kéo lại bị chê cười là “múa riu qua mắt thợ”. Tuy vậy, tôi đã được xem bằng hình ảnh rõ ràng một thí nghiệm khoa học (hình như ở Nhật Bản): Trước mắt bạn là một cốc nước trong veo; nếu bạn nói những lời êm dịu, hướng thiện - thậm chí chỉ nghĩ như vậy trong đầu như thế - về nó, bạn sẽ thấy (tất nhiên qua công cụ đặc biệt của nhà khoa học) mặt nước hiện thành hình hoa văn rất đẹp; nhưng nếu bạn “chửi rủa” nó, thì hoa văn trên mặt nước sẽ biến hình xấu xí!... Đại thể như vậy.

Đã nhận là kẻ “trung dung”, lại không thấy tận mắt (chỉ qua một tài liệu lấy trên internet) nên tôi chưa hẳn tin đó là sự thực. (Thế đó! Lại lòi mặt là hạng “duy lý” rồi! Cái bệnh này ăn quá sâu, khó chữa lắm!). Lại có một “chương trình” khác do một nhà khoa học uy tín người Mỹ Gregg Braden (chuyên gia nghiên cứu về khoa học và tâm linh) có đưa ra kết luận đại ý: “Ý niệm của con người ảnh hưởng trực tiếp đến cấu trúc vật lý và sự cầu nguyện tập thể có sức mạnh tác động làm thay đổi môi trường”... Thú thật, tôi cũng không tin 100%!

Lại còn chuyện những giấc mộng như điểm báo trước đã được chứng nghiệm, rồi chuyện các “nhà ngoại cảm” đi tìm mộ liệt sĩ đang hết sức “rôm rả” trong dư luận nữa! Cái vụ “cậu Thủy” lừa đảo bị bắt thì coi như đã rõ như ban ngày; nhưng còn một số nhà ngoại cảm lâu nay được “tín nhiệm”, thậm chí đã được phép thử ADN xác thực thì chúng ta sẽ nói như thế nào?

Riêng tôi, thiển nghĩ, giả như mọi điều kể trên là “không thực tế” thì việc thêm nhiều người - bất kể là theo tôn giáo nào hay “vô đạo” - biết nghĩ tới những điều lành, không làm việc ác, trái đạo lý (có lẽ, chấp tay cầu nguyện cũng là một cách để tập trung ý nghĩ và là cách tìm nơi “bảo chứng” cho ý nghĩ của mình?) thì chắc chắn xã hội sẽ tốt đẹp hơn; và thiên nhiên cũng sẽ đỡ hung bạo hơn - thì rõ ràng là trước đây, khi con người không chặt phá rừng, khai mỏ, chặn sông suối vô tội vạ, cốt nhằm lợi nhuận cao thì đâu có những trận lũ cuốn kinh hoàng như chúng ta từng biết?

Không biết các bậc thức giả sẽ cho tôi lời chỉ bảo nào để đầu óc sáng suốt thêm, may ra sẽ tìm được câu trả lời đích đáng với bà con ở Huế...

À, có lẽ cũng nên nói tiếp chi tiết “ngoài lề”: Không ngờ, câu nói vui bên cửa hàng bánh mì lại thành sự thật. Tuy nhiên, nhờ thế mà cả bữa trưa và chiều, bà xã tôi khỏi phải nấu cơm, đỡ tốn điện, được ăn “súp” với bánh mì sượng như... Tây! Như thế, câu khẩu hiệu “Phòng bão hơn chống bão” vẫn rất là chí lý! ■



# Nói sao cho vừa lòng...

VĨNH HẠNH THÁI CHÍ BÌNH

**1** Nói là là việc diễn đạt nội dung giao tiếp bằng một ngôn ngữ nhất định. Thông qua nói, diễn âm, con người bắt đầu thiết lập một cửa ngõ của sự trao đổi những ước muốn của mình. Ngay cả các sinh loại trong vũ trụ này cũng đều có những cách nói khác nhau để thiết lập mối quan hệ trong từng môi trường sinh thái nhất định. Thế gian gọi đó là âm tiết, là ngôn ngữ; Đức Bổn sư Thích-ca của chúng ta gọi đó là pháp âm, nghĩa là tiếng của vạn loài.

Sự cảm nhận của mỗi loài qua tiếng nói để nhận biết sở nguyện của nhau là một đặc tính căn bản quan trọng của lời nói. Để sự nhận biết đạt được mức tròn vẹn, chân thật và lợi ích thì nhất thiết phải có quá trình trải nghiệm trong giao tiếp mà thế gian gọi là “dạy dỗ - giáo dục”, còn Đức Bổn sư Thích-ca gọi đó là quá trình “liễu tri - chứng đắc”.

**2** Trong ca dao tục ngữ của nước ta, luân lý dân gian rất thiết thực, dạy bảo cho con cháu “học ăn - học nói” là dạy cách sống chung trong một cộng đồng

dân tộc, phù hợp với luân thường đạo nghĩa của ông cha ta. Điều này luôn luôn được nhiều thế hệ kính trọng truyền tụng từ đời này sang đời khác:

- Biết tôn trọng nhau, giữ gìn hòa khí với nhau:

*Một sự nhịn chín sự lành*

- Cần trọng trong lời ăn tiếng nói để tránh va chạm xung đột do hời hợt, bất cẩn:

*Ăn có nhai, nói có nghĩ...*

*... Con đừng học thói chua ngoa*

*Họ hàng ghét bỏ, người ta chê cười...*

*... Chim khôn kêu tiếng rảnh rang*

*Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe...*

- Luôn coi trọng giá trị của lời nói, dù lời nói không phải mất tiền để mua nhưng lời nói có tác động mạnh mẽ đến những quyết định trong mọi lãnh vực đời sống của con người:

*Lời nói chẳng mất tiền mua*

*Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*

- Tuy có tiếng nói, có khả năng diễn đạt; nhưng, đối với dân gian điều quan trọng là hiểu biết, chia sẻ, thông cảm. Do đó ông cha ta ưa chuộng, dạy bảo nói ít, nghe nhiều, chỉ nên nêu chứng lý cụ thể đầy thuyết phục, con người có một miệng nhưng có đến hai lỗ tai:

*Khôn ngoan chẳng lọ là nhiều*

*Người khôn mới nói nửa điều cũng khôn.*

**3** Nói còn được diễn đạt bằng văn tự để trở thành những áng văn chương của mỗi dân tộc. Khi đó, nói bằng văn tự cũng phải có đặc trưng khiến cho người đọc cảm nhận được đầy đủ ý chí và tình cảm của một bản văn. Đó là ngữ khí của một áng văn. Trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã có nhiều áng văn thể hiện ngữ khí hào hùng của dân tộc ta mà ngay cả kẻ xâm lược khi tiếp nhận cũng thuận ý vừa lòng:

- Theo truyền thuyết, danh tướng Lý Thường Kiệt có bài thơ mang tính Tuyên ngôn độc lập:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*

*Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm*

*Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

- Bình Ngô đại cáo do Nguyễn Trãi viết thay vua Lê Lợi sau khi đánh thắng quân Minh có nói:

*... lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn;*

*lấy chí nhân mà thay cường bạo.*

- Vua Quang Trung Nguyễn Huệ sau khi đánh thắng quân Thanh có nói với Ngô Thì Nhậm rằng: "... Hai nước mà đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng *lời nói khéo* để khiến cho khỏi sự binh đao; việc ấy nhờ nhà người chủ trương cho mới được". "*Nói khéo*" là cách diễn đạt lý sự viên dung để người nói và người nghe đều vừa lòng, vừa ý.

- Tuyên ngôn Độc lập 1945 của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã truyền cảm hứng cho tất cả các quốc gia thuộc địa trên khắp thế giới một niềm phấn khích về "*quyền bình đẳng của con người*", đồng thời mở ra một thời đại mới: "*độc lập dân tộc và hòa bình hữu nghị*" giữa mọi quốc gia trên thế giới. Có được hiệu ứng rộng lớn ấy là nhờ vào ngữ khí của áng văn. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa tâm và ý của người viết. Ý sáng suốt, đúng chân lý; tâm nhân ái, rộng lượng bao dung, đã quyết định ngữ khí của áng văn khiến người nghe nể phục, vui lòng.

**4** Đức Phật Thích-ca là bậc giác ngộ bởi thành tựu được hai phẩm chất cao quý nhất của nhân loại: lòng từ bi rộng khắp và trí huệ thù thắng. Trong quá trình thuyết pháp độ sinh (giảng nói), dù dưới nhiều chủ đề khác nhau nhưng Ngài vẫn luôn nhắc nhở chư Bồ-tát và các bậc Thanh văn phải ghi nhớ hạnh Bát-nhã ba-la-mật; đó là nói, nghe đúng Chánh pháp nhờ vào sở đắc Trí huệ ba-la-mật.

Khi đã nghe được Chánh pháp đúng như lý, chư Bồ-tát và các bậc Thanh văn đều đứng trên những nguyên lý chân thật để nói pháp. Đây là nội dung Chánh ngữ, chi phần thứ ba của Bát Thánh đạo. Nói đúng pháp duyên sanh, đúng chân lý, phù hợp với nội dung câu chuyện; đồng thời, nhận biết một cách rõ ràng người nghe. Khi truyền đạt giáo pháp, chư Bồ-tát đều thấy các pháp thế gian dưới cái nhìn nhân duyên sanh khởi, sự tích hợp của nhiều nguyên nhân phát sanh các pháp, sự tích tụ nhiều đời của nghiệp báo. Khi đưa ra những nhận xét kết luận thì những nhận xét kết luận đó không chông chênh thiên vị: Không lấy việc nói đối kháng làm vui, không lấy chấp trước bảo thủ làm trọng; mà trái lại, luôn có cái nhìn rộng lượng bao dung. Không lấy việc tranh luận để phân biệt, báng bỏ kẻ khác, thỏa mãn lòng ganh tỵ cố chấp; mà luôn giữ đúng mực hạnh Bát-nhã ba-la-mật của mình. Lấy trí tuệ làm bậc thầy của lời nói.

Chư Phật chư Tổ luôn lấy tùy túc, vô tranh làm phương tiện diễn đạt pháp Phật; nhờ đó mà lời nói của chư Phật chư Tổ có sức thuyết phục vững mạnh, không có gì lay chuyển, thay thế được. Đó là lời nói, câu nói đúng lý, chân thật. Bằng trí huệ Bát-nhã ba-la-mật, lời nói đúng lý thể hiện thiết tánh, như tánh, phi bất như tánh, chơn như, như lý, tam thể bình đẳng, ly phân biệt. Đó là thể tánh rốt ráo của Bậc Giác ngộ.

**5** Trong năm điều giới luật mà Đức Phật dành cho người Phật tử tại gia thì điều thứ tư là "bất vọng ngữ". Bất vọng ngữ không chỉ là không nói trái với sự thật; mà còn không được nói lời hung ác, không nói thêu dệt, không nói lật lọng mà chỉ nói lời ngay thẳng, thật thà. Nói lời ngay thẳng thật thà là nói lời đúng lý, thiết tánh; nói để mọi người vừa ý, vui lòng. Do đó khi lời nói có thể gây đau khổ, nghi ngờ, náo loạn, bất an cho người khác thì người con Phật không nói, thậm chí không nghĩ đến. Điều này phù hợp với truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc ta. Nó được răn dạy ngay trong phạm vi gia đình Việt Nam từ hàng ngàn năm qua.

Chúng ta đang sống trong một đất nước lấy hình thái kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để xây dựng và phát triển thì việc thực hiện nội dung đúng lý và thiết tánh của lời nói trong giao tiếp, trên hệ thống thông tin, truyền thông đại chúng để xây dựng một xã hội theo văn hóa truyền thống lâu đời là rất quan trọng và cần thiết. Bởi trong một xã hội công nghiệp với hệ thống truyền thông hiện đại như ngày nay, nếu mọi người không tuân thủ những nguyên tắc cao đẹp của "nói đúng lý, chân thật" thì lời nói sẽ tác hại rất lớn đến sự an lạc, đến lòng tin của mọi người và sẽ mang lại sự huyền hoặc, dối lừa nhau, gây khổ đau bất an cho xã hội và nhân dân lao động. ■

# Tài và tật

LÊ HẢI ĐĂNG

**T**rong giới nghệ sĩ, nói riêng, hay bất kỳ nhóm xã hội nào, nói chung, cũng đều xuất hiện những tài năng xuất chúng. Tài năng có nhiều cách hiểu khác nhau, song rất cuộc, họ chính là những người không chỉ sống có giá trị, mà còn biết tạo ra giá trị. Có những tài năng khác thường, khác người, nhưng tài năng dù xuất chúng đến đâu vẫn không thể trở thành thánh nhân, một loại “siêu nhân” hoàn mỹ. Vì thế, tài năng ở một người không phải thánh nhân hay “siêu nhân” vẫn có giới hạn trong phạm vi nhất định, cụ thể hóa bằng hành vi sáng tạo không nằm trọn vẹn trên toàn bộ bản thể. Bên cạnh mặt “tài” có thể “năng” ở một người, bao giờ cũng đi kèm với những mặt bất tài, vô năng, không loại trừ ít nhiều có cả thói hư tật xấu.

Đặc biệt trong lãnh vực nghệ thuật, với bản chất bao dung, từ lâu môi trường này đã trở thành vườn ươm lý tưởng cho thói hư tật xấu hình thành. Song, thói xấu hoàn toàn không xuất phát từ điều kiện tốt hay xấu - những nhân tố ngoại tại - mà quyết định bởi nhận thức - yếu tố nội tại. Chúng ta cần khu biệt giữa

tài và tật, phải cảnh giới giữa học tài và bắt chước tật. Tật chẳng cần hạ quyết tâm hay mất công gì để nuôi dưỡng, nhưng tài đòi hỏi cả phẩm chất cũng nghị lực. Không thể đánh đồng một người tài với một người tật. Tài năng và tật xấu vốn chẳng phải cặp phạm trù tương hỗ, tồn tại phụ thuộc hay quy định lẫn nhau. Có điều, người ta thường dễ thấy bề nổi tật xấu của một tài năng hơn tài năng tiềm ẩn bên trong những thói xấu.

Người tài thường có tật, nhưng người tật không đồng nhất với người tài. Balzac nói: “Khi chúng ta uống café, các ý tưởng xuất hiện như đi diều hành trong quân đội...”. Dù ông dùng từ “chúng ta” thì chúng ta cũng nên hiểu rằng, “ý tưởng” đó là của Balzac. Câu nói ấy là của Balzac. Còn rất nhiều người, dù đã chích heroin, sao vẫn chưa thể nảy ra ý tưởng nào? “Căn duyên”, “Phẩm tài” là yếu tố không thể bỏ qua trong tất cả các trường hợp, đặc biệt đối với vĩ nhân, tài năng.

Ma lực của tật xấu có sức mạnh chi phối ghê gớm. Tài năng dù siêu việt cũng giới hạn, mai một. Trường hợp tai tiếng của cầu thủ người Anh Wayne Rooney là một điển hình của thói xấu giết chết tài năng. Tài năng cần phải rèn luyện, nuôi dưỡng, vun đắp, tu dưỡng; còn thói xấu, cái tật chẳng cần học cũng luôn rình rập, sẵn sàng làm bạn với chúng ta. Chính vì thế, sửa mình (sửa chữa những thói hư tật xấu) được coi là đức tính số một trong năm giá trị làm nên tố chất của người quân tử theo quan điểm Nho giáo. *Sửa mình* là biểu hiện của trí. Người có trí luôn đặt mình vào quá trình sửa chữa thói hư tật xấu. Giá trị tư tưởng của quan niệm Nho giáo đặt nền tảng cốt tử ở vai trò sửa mình; không có nó, những giá trị khác như *nhân, nghĩa, dũng, lập danh*... đều khó thể thực thi, duy trì.

Mới chập chững bước chân vào ngôi trường nghệ thuật, tôi được nhiều bậc đàn anh nhắc nhở, cảnh báo trước: “Đừng để chưa thành tài đã thành tật”. Quả thật, có quá nhiều người chưa thành tài đã bị tật vạ vào thân, triệt tiêu tiến độ cả một đời. Thói thường, người ta dễ học tật xấu của nghệ sĩ hơn nhìn vào những giá trị làm nên tài năng ở họ. Tật dễ học, khó sửa; tài khó học, dễ mất. Lây nhiễm một thói hư tật xấu đôi khi chỉ vì vô thức, nhiều lúc xuất phát từ nhận thức sai lầm; nhưng, có một điều chắc chắn rằng thói



hư tật xấu tiềm ẩn sức mạnh hủy diệt âm thầm hay bột phát, như ma lực cuốn người ta vào đó, rất khó thoát ra. Nhiều tài năng bị giập vùi bởi những tật xấu đáng nguyên rủa, không cường lại được, như ma túy, cờ bạc, rượu bia, nghiện ngập, chơi bời trác táng... Và dường như tập nhiễm thói hư tật xấu không chỉ phổ biến ở loài người, mà còn có cả ở loài vật. Nhớ ngày trước ở Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật TP.HCM có nhạc sĩ nọ nuôi một con nhổng. Con nhổng ấy được sống cách ly với môi trường bên ngoài trên một sân thượng ở tận lầu bốn, không tiếp xúc với người lạ. Ấy thế mà một ngày kia, ông chủ phát giác ra con nhổng của mình biết chửi thề. Hễ gặp ai là con nhổng xổ ra câu “đù má”, sau đó cười khanh khách ra vẻ đắc ý. Chủ nhân chẳng biết con nhổng đã học câu chửi thề đó từ đâu, của ai? Ông cố gắng dạy dỗ nó; uốn nắn câu chửi thề của nhổng đọc chệch đi để thành “chìa khóa”. Trớ trêu thay, con nhổng không từ bỏ được câu chửi thề. Nó vận vào thân con nhổng như “văn vật bất di dời”, một thứ bùa chú diệu dụng. Mỗi khi có khách tới nhà, con nhổng lại tiếp tục chửi thề để khoe thành quả, tài năng của mình. Ai bảo con nhổng không có tài năng chứ? Biết bao nhiêu con nhổng khác đẹp đẽ, xinh xắn mà cứ “câm như hến”, “bặt như thóc”, đầu há nổi miệng? Và những từ dung tục, chửi thề... xét ở khía cạnh nào đó, tiềm ẩn sức mạnh huyền bí, đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận, tìm hiểu từ khía cạnh khoa học hơn là góc nhìn đạo đức, xã hội thuần túy. Con nhổng của nhạc sĩ nọ từng có người trả giá một triệu rưỡi vào thời điểm hơn mười năm về trước; nhưng sau khi nó nhiễm thói xấu chửi thề rồi, không biết còn ai dám rước nó về để gây họa cho gia đình nếu có con nít?

Hệ quả của việc nhầm lẫn giữa tài và tật, cùng với mối quan hệ rối rắm trong vấn đề bóc tách chúng khiến cho nhiều người mới chấp chứng bước chân vào con đường nghệ thuật miên trường, chông gai đã bộc lộ những bất túc và tạo ra sản phẩm chủ yếu từ khía cạnh hành vi. Loại nghệ sĩ nửa mùa, âm lịch<sup>1</sup>, bần bản, tài năng thường thường bậc trung nếu như không muốn nói là bậc thấp, nhưng ngạo mạn, trịch thượng, chảnh, chất nghệ bậc thầy và thiếu hẳn tố chất làm nên giá trị ở nghệ sĩ là năng lực sáng tạo - năng lực tạo ra những sản phẩm độc nhất vô nhị, khía cạnh của phong cách cá nhân, không giống ai, không có người đại diện. Tuổi trẻ mắc phải thói hư tật xấu âu cũng khó tránh, nhưng sau tuổi “tam thập nhi lập” rồi vẫn còn dấu hiệu lăm lăm giữa tài và tật thì nên phải nghi ngờ năng lực của mình trước khi tiến bước, kéo hối tiếc về chuyến tàu không có ga đỗ trên bến cuộc đời.

Nghệ thuật, tôn giáo và tình yêu có chung điểm giao ở thuộc tính nội tại trong phạm trù tư tưởng. Kỹ thuật, xét ở một phạm vi hạn chế, có thể chấp nhận

sự lầm lạc; nhưng tư tưởng sai lệch sẽ biến Chánh tín thành Mê tín, Nghệ thuật thành Tà thuật, Tình yêu si mê thành chuyện lừa lọc kỹ thuật cao. Tư tưởng thuộc về bản thể mang tính quyết định ở cả ba lĩnh vực trên. Cái tài hay cái tật khác nhau cơ bản ở phương diện này. Trong Thiền pháp, người ta tối kỵ Vọng niệm; vì nếu không hàng phục được Vọng tâm, Vọng niệm sẽ khởi phát dẫn tới Chấp ngã. Nghệ thuật cũng vậy. Nó đòi hỏi người nghệ sĩ phải đạt tới cảnh giới hỗn nhiên, không vụ lợi, xóa bỏ tư duy thực dụng, giống như đặt hạnh phúc ở người mình yêu trong tình yêu. Ví thử như tiếng đàn mà nghe bằng lòng, lạnh canh lẫn tiếng “tiên” thì khó thể gọi đó là nghệ thuật. Kỹ thuật có thể đi tới tinh xảo, nhưng vẫn luôn giới hạn. Còn tâm hỗn là cõi trời mệnh mang, vô tận, có khả năng thẩm thấu qua không gian, thời gian. Một nghệ sĩ chân chính vì nghệ thuật quên đi hình hài, khác với người làm cho ra vẻ hình hài bần bản, tóc tai bù xù, râu rươi... để giống nghệ sĩ. Hai bản thể này khác nhau như trời với đất. Phong cách nghệ sĩ thể hiện rõ nhất ở năng lực sáng tạo, phương thức sống có trùng lặp với phương thức sáng tạo hay không chẳng còn quan trọng nữa. Hãy nhìn nhận, khẳng định khía cạnh tài năng của nghệ sĩ thay vì ghi nhận thói hư, tật xấu ở họ. Người mới chấp chứng, tò te bước chân vào lĩnh vực nghệ thuật, thường cố ra vẻ ta đây nghệ sĩ “nhớ”, còn nghệ sĩ lớn có nói gì đâu! Điều nghệ sĩ muốn nói là thông qua ngôn ngữ sáng tạo; còn lời nói ra trên mồm miệng lại chẳng phải thứ họ cần nói!

Người mới học nghệ thuật, nghệ sĩ nhất trên hình hài; người làm nghệ thuật, nghệ sĩ nhất khi đang thực hành; còn nghệ sĩ thực thụ, cuộc đời họ chính là một tác phẩm nghệ thuật. Vua Trần Nhân Tông đạt tới cảnh giới Thiền ngay cả khi ngự trị trên ngai vua, chứ đâu chỉ dừng lại ở khoảnh khắc nhập định trên núi Yên Tử? Tâm thái sáng tạo của người nghệ sĩ cũng không giới hạn bởi giây phút thăng hoa trên sân khấu, mà còn tồn tại trong một cái tôi vô ngã, hỗn nhiên... Những trạng thái đó đi từ cảm xúc mong manh, sương khói, nhẹ tênh của tâm hồn đến niềm đam mê tột cùng. Bởi thế, xúc cảm nghệ thuật biến nghệ sĩ trở nên dờ dỏi, hăm hấp, thất thường, đãng trí, quên đi hình hài... Giữa ta và “nó” là một cuộc truy tìm đầy bí ẩn, trò chơi ú tim không phải ai cũng xuôi chèo mát mái. Điều mấu chốt, nghệ thuật là “giả”, nhưng giúp chúng ta nhìn thấy “sự thật”. ■

#### **Chú thích:**

1. “Âm lịch” là một tính từ mà giới biểu diễn nghệ thuật thường dùng để ám chỉ các “nghệ sĩ” có những tác phong lệch chuẩn như phát biểu cảm tính, tự nâng mình lên, và đặc biệt là thiếu tôn trọng kỷ luật làm việc, lấy ý từ chỗ âm lịch là lịch pháp nông nghiệp; nghệ sĩ “âm lịch” là nghệ sĩ có tác phong nông dân.



# Chuyến năm tang

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi vừa đi phúng điếu một người bạn qua đời mấy hôm trước. Anh bạn tôi chỉ là một công chức ở tuổi trung niên và “gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung” mà thôi. Anh qua đời quá sớm, để lại người vợ và một đứa con trai chưa đến tuổi trưởng thành. Nhà anh ở trong một con hẻm và là một trong nhiều căn liền nhau, nên việc tổ chức tang lễ có lẽ cũng có phần khó khăn, nhất là cho khách khứa đến viếng, vì sẽ phải làm phiền láng giềng không ít; tôi nghĩ thế. Nhưng lúc đến nơi mới biết là không phải như vậy. Tôi đến vào ngày đám thứ hai, và một điều đáng chú ý là khách đến viếng vẫn còn rất đông. Người nhà dựng rạp phía trước, che luôn mặt tiền cả hai căn nhà hàng xóm bên cạnh. Hỏi ra mới biết là các nhà hàng xóm đều đồng ý tạm dùng con hẻm nhỏ phía đằng sau để nhà đám được thuận tiện cho việc tang lễ. Vòng hoa phúng điếu được xếp đầy con hẻm, vì trong nhà không đủ chỗ. Chứng đó cũng đủ làm cho tôi tự hỏi anh ấy và gia đình đã sống như thế nào mà cả hàng xóm cũng tốt với họ như thế. Ấy là chưa nói đến chuyện đám đã qua ngày thứ hai mà người đến thăm vẫn còn đông, nhất là bạn bè đồng nghiệp cả những nơi anh đã từng làm việc và bây giờ không còn dính líu đến những công ty đó nữa.

Từ sáng tới tối, quý thầy ở các chùa thay nhau đến tụng kinh không ngớt. Khách đến viếng, ai cũng cho là

anh bạn tôi phước đức lớn mới được các thầy đến làm lễ chu đáo như thế.

Đúng đấy nghe người thân đến viếng đám nói về anh với những lời khen tặng, thương tiếc, mới biết anh đã được mọi người thực sự thương yêu như thế nào. Họ hỏi han chia sẻ với người vợ; và tôi thấy ngay có những nét biểu hiện lòng hãnh diện về người chồng quá cố của mình trên khuôn mặt buồn bã của người đàn bà đó; không những thế, tất cả mọi người trong tang quyến cũng hài lòng về thái độ trọng thị của những người đến viếng tang đối với người thân của mình; điều đó làm cho họ được an ủi và bớt đau khổ vô cùng. Chính tôi cũng cảm thấy hãnh diện cho anh bạn của mình, dù không thường gần gũi anh ấy và gia đình. Không chỉ riêng tôi mà bất cứ ai đến phúng điếu cũng đều nhận thấy những điều như thế. Chỉ có một người không hề hay biết, đó là anh bạn của tôi đang nằm yên trong sáu mảnh ván gỗ ngay giữa nhà. Có lẽ là khi xuôi tay nhắm mắt, anh ấy cũng không có chút thắc mắc quan tâm gì về chuyện tang lễ của mình sẽ được tổ chức như thế nào, vì anh còn quá trẻ và cái chết đến với anh một cách quá bất ngờ.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến một người bạn ở Mỹ. Anh ấy đã qua cái tuổi cổ lai hy vài năm nay. Trong thư từ qua lại với bạn bè trên email, anh thường nói về vấn đề... ra đi sắp tới, và anh chủ trương khi chết không

cần con cháu làm đám rước gì rình rang cho tốn kém. Qua một bài thơ gửi cho bạn bè, anh cho rằng ai ai rồi cũng phải ra đi, kẻ trước người sau, không cần gì phải cáo phó, báo tin buồn khắp nơi và bạn bè cũng không cần phải đến phúng điếu mất thì giờ. Anh dặn trước con cái, dùng tiền trợ cấp của anh, tìm một phương tiện rẻ nhất bắt buộc phải có theo luật lệ bên Mỹ để lo cho anh. Anh không muốn làm phiền bất cứ người nào kể cả vợ con anh. Trong bài thơ khá dài trên, anh còn dặn dò con cái đến ngày giỗ thì đưa nào ở đâu cứ ở đấy, không cần cúng quây hương đèn gì cả, chỉ có nhớ đến anh là được rồi. Tôi không biết là mấy đứa con anh nghĩ thế nào, nhưng cũng có vài người bạn tán thành quan niệm của anh, thế mới là buồn cười. Riêng tôi thì không nghĩ như thế, nhất là bây giờ, qua cái tang lễ tôi vừa đến viếng, mới thấy rõ ràng quan niệm đó hoàn toàn sai lầm.

Nhiều người vẫn thường cho rằng chết là xong chuyện và thường nói với con cái, càng giản tiện được phần tang lễ chừng nào tốt chừng đó. Giản tiện đây có nghĩa là làm thế nào để bớt tốn kém, chẳng hạn như sự chọn lựa giữa một cái áo quan bình thường và một cái rất đắt tiền. Đơn sơ có nghĩa là không rình rang tốn kém chứ không phải là đại khái; từ trên xuống dưới, nhà đám chỉ một vành khăn trắng vấn lên đầu là đủ. Đơn giản mà phải đúng nghi lễ. Nhà dù chật cũng phải thiết bàn thờ vong, bàn thờ Phật, nếu gia đình là Phật tử. Phải lạy trả người đến viếng v.v. Người ta thường dạy con cái là khi cha mẹ còn sống thì phải tỏ lòng hiếu thảo, chứ khi cha mẹ đã qua đời thì chẳng còn cơ hội; có hối tiếc rồi làm đám cho rình rang cũng chẳng ích gì. Đúng như thế. Và ai ai cũng nghĩ chết là chẳng còn biết gì nữa để mà làm rình rang cho tốn kém. Tuy nhiên, người sắp chết nghĩ sao thì đó là việc của họ; nhưng người thân còn sống phải lo cho họ thì lại khác. Người chết có thể không cần; nhưng con cháu, người thân, những người còn sống vẫn phải cần đôi chút hình thức. Có thể nói, đám ma là đám của người sống chứ không phải của người chết. Nhìn cái đám của anh bạn tôi thì sẽ nhận ra điều đó ngay thôi...

Cũng có nhiều người, là con cái, lúc cha mẹ còn sống thì chẳng quan tâm bao nhiêu; hoặc giả chỉ quan tâm đến cái gia tài để lại nhiều hơn lòng hiếu đạo; nhưng khi cha mẹ qua đời, vẫn tổ chức tang lễ một cách rầm rộ, vì đàn ông nào đó cũng là bộ mặt gia đình. Một người bàng quan, chỉ cần nhìn vào người đến phúng điếu thì họ có thể đánh giá người chết đã sống như thế nào và gia đình người đó như thế nào ngay. Không thể nào gọi là "làm thật đơn sơ cũng được" mặc dù người chết rồi chẳng còn biết gì. Ngày xưa nhà đám thường theo thể thức của *Thọ Mai gia lễ* để tổ chức tang lễ. Nhìn vào áo quần tang, người ta cũng biết được thứ bậc những người trong gia đình đó như thế nào. Dĩ nhiên là càng ngày, người ta càng đơn giản bớt vì không thể theo

những nghi lễ phức tạp như xưa được, nhưng luôn luôn cũng phải có những nghi thức căn bản. Nhìn vào tang lễ, người ta cũng đánh giá được người chết và gia đình. Tóm lại, đám ma là chuyện của người còn sống phải lo chứ không phải dành cho người chết. Đừng để cho người ta xầm xì sau lưng quan tài: "Người này sống thế nào mà chẳng thấy người ta tiếc thương, chẳng thấy có mấy người đi phúng điếu" khi nhìn thấy tang lễ quá sơ sài, thiếu sót. Có nhiều nơi trên thế giới, người ta còn thuê những người khóc mướn, đến kêu gào khóc lóc trước quan tài để chứng tỏ là người chết được người ta thương tiếc. Nghe có vẻ khôi hài, nhưng thực là thế.

Người ta thường nói: "Không ai chê đám cưới, chẳng ai cười đám ma". Đúng ra, không phải đám cưới mà là ăn cưới. Đám cưới có thể lặp lại nhiều lần, nhưng đám ma một đời chỉ có một lần. Người ta cũng thường nói "Tang gia bối rối", nhà đám ai cũng đang đau buồn và bận rộn, nên nếu có sơ suất - sơ suất chứ không phải sơ sài - người đến viếng cũng sẽ không chấp. Đám cưới dù tổ chức có đơn sơ nghèo nàn, hay tốn kém rầm rộ, nhưng sau đó hai vợ chồng có được hạnh phúc hay không mới là vấn đề. Có nhiều đám cưới tổ chức thật hoành tráng, tốn kém vô cùng, nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đã rã đám. Có đám cưới nghèo nàn, ăn uống dở ẹc, nhưng vợ chồng lại hạnh phúc, ở với nhau đến răng long tóc bạc. Việc người ta nhìn vào đám tang để đánh giá cả gia đình người chết, thì lại là khác. Ngày xưa, có những gia đình phong kiến, người chết đã từng làm quan trong triều, có công trạng, còn được vua ban thưởng, cho voi ngựa đến đưa đám, làm nở mặt mở mày con cháu. Ngày nay, đám tang có những nhân vật quan trọng đến viếng cũng làm cho gia đình hãnh diện lây. Dù chỉ là hình thức ngoại giao hoặc nghi lễ, nhưng cũng để mọi người đến thăm đám có một khái niệm về người chết, và an ủi phần nào tinh thần của người sống.

Làm đám xong, lại còn chuyện chôn cất hoặc hỏa táng. Chôn cất thường tốn kém vì phải mua đất, xây mộ; cho nên, nếu thiếu phương tiện, tang quyến có thể chọn cách hỏa thiêu và gửi cốt lên chùa nếu là Phật tử hay ở đâu đó để thỉnh thoảng con cháu đến viếng. Nhiều người muốn, sau khi chết được hỏa thiêu rồi đem cốt rải xuống sông hoặc ra biển. Đó là một yêu cầu; nhưng nếu đã chôn ở nghĩa trang thì cũng phải xây lăng mộ đàn ông hoàng. Dù có tốn kém, cũng không thể nào gọi là sơ sài trong việc này được; vì nhìn vào một ngôi mộ được xây một cách tử tế, người ta cũng thấy được lòng hiếu thảo của con cháu đối với cha mẹ. Chưa kể người Việt Nam thường rất tin vào chuyện mồ mả có ảnh hưởng đến những người thân sau này.

Nói thêm một lần nữa, chuyện đám tang là chuyện của người sống chứ không phải là của người chết.

Ờ đời, có những chuyện không thể gọi là... đại khái được. ■



# Huế và một tình yêu

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

**C**ó lẽ, như trong tâm khảm của nhà văn Liên Xô Ilya Ehrenburg (1891-1965), tôi yêu Huế ban đầu là yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông...

## **Yêu cái cây trồng trước nhà...**

Một người thầy thời đại học đã nói với sinh viên chúng tôi: Cây bồ-đề là một loại cây gắn liền với Phật giáo, với sự tích Đức Phật Tổ giác ngộ dưới gốc cây bồ-đề. Cây có thể sống trong những điều kiện khắc nghiệt với bộ rễ dài hút nước ngầm và vô số rễ cây lộ thiên hút nước mưa. Cây bồ-đề có sự sinh sôi lạ kỳ, chỉ cần một ít đất trong các hốc tường, trên mái nhà cũng đủ làm hạt nảy mầm và phát triển thành cây lớn. Hay chỉ cần găm một nhánh bồ-đề xuống đất là đã trồng được một cây bồ-đề con. Lá của cây bồ-đề như một quả tim đầy của Đức Phật che chở cho con người. Cây bồ-đề như một rừng cây thu nhỏ với hàng trăm nhánh sinh tồn, hàng vạn màu xanh, hàng triệu nhựa sống.

Trước nhà tôi cũng có một cây bồ-đề như thế. Lúc tôi được bốn tuổi, khi cùng ba mẹ chuyển từ Quảng Trị vào Huế sống (ba tôi là công nhân cung đường sắt Tiên An Quảng Trị hay xa nhà nên muốn mẹ con tôi vào Huế sống với ông bà nội, cũng để tiện chăm sóc ông bà và làm dâu con xứ Huế), tôi đã thấy bóng cây bồ-đề vững chãi như một quả núi lớn mang trên mình cả một rừng màu xanh ngát. Hồi đó, ông nội đã ôm tôi vào lòng, chỉ ra cây bồ-đề trước nhà và kể: “Cách đây hơn trăm năm, vóc dáng cổ thụ ấy chỉ là một cây bồ-đề con yếu ớt. Mầm sống ấy bắt đầu từ khi ông cố con gieo vào đó một hạt bồ-đề trên hòn non bộ. Trải qua thế sự loạn lạc, cây bồ-đề con yếu ớt, nhỏ nhoi che chở *cho vui* cho những ông tiên, ông ngư phủ đã uốn mình hít thở khí trời, vươn vai đạp chân thành một vị thần hộ mệnh, thực sự đã che chở cho mái nhà tam đại đồng đường của chúng ta vượt qua bao nhiêu hiểm họa”.

Quả thật, theo lời ông kể, nếu không có cây bồ-đề



cản sức mưa gió thì mái nhà của chúng tôi đã bị trận bão lịch sử năm 1985 hay các trận bão sau đó cuốn phăng đi mất. Ông bảo, thời bao cấp nhà nào ở nơi chúng tôi sống cũng lợp tôn, ngói liệt, nên với cường độ bão cấp 10 trở lên như ở miền Trung thì chỉ có nước “ra đường mà ở” sau khi bão tan. Bởi vậy, ngoài việc niệm cầu Quán Thế Âm Bồ-tát mỗi khi bão lũ về, đại gia đình chúng tôi ngày đó ai cũng thầm mong cây bồ-đề - “vị thần hộ mệnh” có thể đương đầu và che chở cho những số phận bé nhỏ, tội nghiệp trước những luồng gió bão như cuồng, như điên, như đại từ sông Hương thổi lên. Tôi vẫn nhớ như in, vào trận lũ lịch sử năm 1999, khi ngồi co ro chịu đói và lạnh trên gác xép, tôi hỏi mẹ tôi: “Mẹ ơi! Cây bồ-đề sẽ vẫn sẽ che chở cho chúng ta vượt qua mọi chuyện như Đức Quán Thế Âm Bồ-tát cứu nhân độ thế phải không ạ?”. Mẹ tôi cười hiền từ bảo: “Ừ, nếu con cứ ngoan thì cây bồ-đề sẽ tỏa bóng mát và che chở cho con, nghen!”. Cũng may là lụt cũng rút, sau khi dọn bùn đất, ông tôi liền thấp hương vái tạ cây bồ-đề. Sau này học ngành lịch sử, qua tìm hiểu, tôi được biết việc thờ cây đạt đến đỉnh cao nhất là việc việc thờ cây bồ-đề, loài cây không chỉ là cổ thụ mà còn là loài cây giác ngộ (*ficus religiosa*). Đó là bởi Đức Phật đã trải qua trọn một tuần lễ bảy ngày nhìn vào cây bồ-đề với ánh mắt biết ơn cây đã che chở cho Ngài những đêm mưa gió bão bùng, những ngày nắng đốt như lửa trong suốt thời gian qua cho đến khi Ngài đạt giác ngộ.

Ông tôi mất, ba mẹ tôi thì đã đến tuổi già yếu, tôi thì lớn lên và trở thành một thanh niên, nhưng cứ mỗi lần gặp một chuyện gì khó khăn cùng cực, tôi liền thấp hương trên bàn thờ Quán Thế Âm Bồ-tát, rồi nhìn ra cây bồ-đề trước nhà, ngắm nhìn vẻ đẹp Phật tính của cây và chiêm nghiệm về nhân tình thế thái theo lời kinh Phật. Và tôi chợt nhận thấy rằng, lòng mình đã... nhẹ tênh. Phải chăng đó là một sự *thiền*, một sự hướng về lời Phật dạy mà tôi không biết trước được?

### **Yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông...**

Con đường tôi sống trước đây là một khu của phố cổ Gia Hội. Cứ mỗi độ Festival về trên đất Huế, khi phố phường rực rỡ sắc màu cờ hoa, tôi lại lặng lẽ buồn và lặng lẽ... tiếc cho con đường nơi tôi đang sống. Nếu kinh thành Huế và lăng tẩm các vua triều Nguyễn là những gì còn sót lại của một vương triều đã lùi xa vào dĩ vãng thì con đường Chi Lăng chính là “dấu ấn” vẫn chưa vội phai mờ của đời sống của cư dân mảnh đất Thần kinh xưa.

Đến nay, trên con đường Chi Lăng, nhiều di tích lịch sử rất có giá trị đối với dòng chảy văn hóa Huế vẫn được lưu giữ và bảo tồn. Đầu tiên là “khu phố Tàu”. Đầu thế kỷ XIX, khi Huế trở thành kinh đô của nước Việt thống nhất dưới thời Nguyễn, Hoa kiều tập trung đến khu phố Đông của kinh thành làm ăn sinh sống rất đông. Con đường Chi Lăng đã trở thành địa điểm có cộng đồng người Hoa nhiều nhất ở Huế từ trước đến nay. Các công trình kiến trúc người Hoa trên trục đường nơi đây đẹp không thua gì ở phố cổ Hội An. Thậm chí cảnh quan và nội thất vẫn nguyên vẹn y như lần đầu xây mới. Từ đền Chiêu Ứng, chùa Bà, chùa Quảng Đông đến Hội quán Triều Châu, Hội quán Phúc Kiến (và mấy năm gần đây là Hội quán Quảng Triệu) đều được các cộng đồng người Hoa xây dựng rất công phu, uy nghi và tráng lệ. Dưới khu phố Tàu là khu chợ Dinh. So với “Chợ Đông Ba đem ra ngoài giải” thì khu chợ Dinh ngày nay nhỏ bé hơn và khiêm nhường hơn. Nhưng địa danh này lại gắn liền với một nhân vật lịch sử quan trọng thời Nguyễn là cụ Trần Tiến Thành, một trong ba vị quan đầu triều nhà Nguyễn thời thực dân Pháp xâm lược nước ta. Theo một số người già ở đường Chi Lăng, cụ Trần Tiến Thành rất được người dân kính trọng nên ở khu phố Chi Lăng xưa được gọi là phố chợ Dinh. Tuy nhiên, có một cách hiểu khác là do đường Chi Lăng có rất nhiều phủ đệ của các ông hoàng bà chúa và các quan đại thần nên dân gian mới gọi là phố chợ Dinh. Ở đường Chi Lăng hiện vẫn còn một số phủ đệ như phủ Thọ Xuân, phủ Thoại Thái Vương, phủ Hòa Thạnh Vương, phủ Quảng Biên Quận Công. Đặc biệt hơn, con đường Chi Lăng còn là tuyến đường có nhiều công trình kiến trúc tâm linh của người Việt như Thanh Bình Từ Đường thờ tổ ngành hát bội, trụ sở Thiên Tiên Thánh giáo của Việt Nam, nhà thờ Trần Hưng Đạo và



ngôi chùa cổ Trường Xuân được xây dựng từ thời các chúa Nguyễn. Cuối cùng cũng phải kể đến ngôi nhà thờ của một gia đình người Ấn Độ theo đạo Hindu ở ấp Đông Tri Thượng xưa (nằm bên cạnh nhà mẫu giáo gần đường Nguyễn Du, nay là phường Phú Cát). Theo TS. Nguyễn Văn Đăng (Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế) thì ngôi nhà thờ này có kiến trúc mới lạ duy nhất loại này ở Huế. Đây chính là một trong những kiến trúc tâm linh ở khu phố cổ Gia Hội khiến nhiều nhà kiến trúc mỹ thuật cổ cũng như các du khách ưa thích khám phá, du lịch tìm về.

Nếu như các di tích là “lời mời di sản” thì những đặc sản ẩm thực của con đường Chi Lăng lại hấp dẫn du khách đến nao lòng. Du khách đến Huế thường ghé vào cửa hàng Thiên Hương để mua mè xừng về làm quà hoặc nhâm nhi thưởng thức lúc đêm về. Đối với những du khách ưa ẩm thực hàng “rong”, những quán bún bò Huế, bún hến, cháo lòng, bún thịt nướng, bánh canh Nam Phổ... cũng sẵn sàng phục vụ với những giá rất ư là bình dân nhưng khá ngon miệng.

Nhà văn xứ Huế Nguyễn Khắc Phê đã từng nói rằng: “Đến Huế mà chưa thành thời dạo bước vào chơi dầm ba ngôi nhà vườn đẹp nhất, hay chưa ghé thăm một vài vương phủ ở chốn cựu kinh, thì coi như... chưa đến”. Tuy nhiên trong thực tế, con đường Chi Lăng với khá nhiều di tích và rất nhiều “điểm hẹn” như trên hầu như đã bị lãng quên bởi các tour du lịch và các chương trình lễ hội. Trong khi qua quan sát của cá nhân tôi, lượng du khách “bụi” đi bộ, đạp xe đạp, chạy xe máy đến tham quan, chụp ảnh tại con đường Chi Lăng và khu phố cổ Gia Hội mỗi ngày không phải là con số ít. Anh Nguyễn Đôn Long, hướng dẫn viên du lịch của một công ty lữ hành Huế, từng trao đổi với tôi về ước mơ có một tour du lịch về khu phố cổ Gia Hội để quảng bá rộng rãi và chính xác hơn cho du khách về “hồn xưa nét Huế”. Nhưng đến nay mọi việc vẫn dừng ở mức độ “ý tưởng” của hai “phó thường dân” vẫn còn đang đau đầu nỗi lo cơm áo gạo tiền. Nghĩ mà tiếc và buồn ngẩn ngơ cho một con đường di sản... ■

## CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

**Một độc giả** : 50 cuốn/kỳ  
**Ô. Vũ Châm**, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ  
**Ô. Phạm Văn Nga** : 41 cuốn/kỳ  
**Bà Huỳnh Kim Lưu** : 30 cuốn/kỳ  
**Nhà hàng Tib**, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ  
**PT Chánh An & Chơn Hòa** : 14 cuốn/kỳ  
**Cư sĩ Lương Trung Hiếu** : 12 cuốn/kỳ  
**Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải**,  
 Chùa Bảo Ân : 12 cuốn/kỳ  
**Cô Nga** : 10 cuốn/kỳ  
**PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Văn Cát Tiên** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Huỳnh Văn Lộc**, Q. BT : 10 cuốn/kỳ  
**Tác giả Miên Ngọc** : 10 cuốn/kỳ  
**Nhà sách Thái Hà** : 10 cuốn/kỳ  
**Bà Lương Thị Ngọc Hạnh**, Q. 5  
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Trần Quốc Định** : 10 cuốn/kỳ  
**Bà Lý Thu Linh** : 9 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Định** : 8 cuốn/kỳ  
**Phật tử Nguyễn Thị Hoa** : 7 cuốn/kỳ  
**Cô Cẩm Hà (USA)** : 6 cuốn/kỳ  
**Hồng Phúc & Xuân An** : 6 cuốn/kỳ  
**Ô. Võ Ngọc Khôi** : 6 cuốn/kỳ  
**Bà Tôn Nữ Thị Mai**, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

**Ô. Nguyễn Mạnh Hùng**,  
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ  
**Cửa hàng Tâm Thuận** : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Tú Oanh**, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ  
**Ô/Bà Nguyễn Văn Bản**, USA : 5 cuốn/kỳ  
**Phật tử Trương Trọng Lợi** : 5 cuốn/kỳ  
**Ô. Lê Xuân Triều**, Q. BT : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Kim Sơn**, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Thị Ngọc**, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ  
**Lakinh.com** : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Hòa** : 4 cuốn/kỳ  
**Bà Trần Thị Bích Trâm** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Tự Phương Thúy** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Thị Thu Thanh** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Phạm Thị Kim Anh** : 3 cuốn/kỳ  
**Cháu Thiên An** : 3 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Ân** : 2 cuốn/kỳ  
**BBT www.thuongchieu.net** : 2 cuốn/kỳ  
**Chị Tuyền**,  
 CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ  
**Bà Kim Anh**, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Từ Minh** : 2 cuốn/kỳ  
**BBT Viện khongtu.com** : 2 cuốn/kỳ  
**CT Nền Hạnh Phúc**, Q. BT : 2 cuốn/kỳ

**Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh** : 2 cuốn/kỳ  
**CTY TNHH Thép Thiên Tâm** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Thiện Thành**, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ  
**Ô. Lê Hưng Khanh**, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ  
**Nguyễn Dũng** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Quảng Kính** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Quảng Mỹ** : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Diệp Anh và Chị Ngân** : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Kim** : 1 cuốn/kỳ  
**Phật tử Chánh Hiếu Trung** : 1 cuốn/kỳ  
**Phật tử Bùi Quang Việt** : 1 cuốn/kỳ  
**Thầy Hạnh Thông**, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ  
**CTY Dược phẩm Phúc Thiện** : 1 cuốn/kỳ  
**Chị Kiều Oanh** : 1 cuốn/kỳ  
**PT. Nguyen Thuan**  
 (namgio1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ  
**Cô Châu** : 1 cuốn/kỳ  
**Tổng số báo tặng kỳ này:** **442 cuốn**  
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**  
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanhvpg@gmail.com

**Ban Biên tập**

# Thầy cô tôi ngày ấy

PHẠM TUẤN VŨ

Có một thời, thầy cô tôi sau buổi lên lớp, có người vào rừng đốn củi về đổi gạo, có người ra đồng gặt mướn, có người ra sông đánh lưới cải thiện bữa cơm chiều vốn không ngày nào đi chợ. Nói ra có lẽ chẳng ai tin. Nhưng thật đã có một thời như thế, lam lũ đói nghèo, thầy cô tôi ngày ấy cũng khó khăn, thiếu thốn mọi bề, một thời bây giờ nhắc lại không ai dám nghĩ đến, và thế hệ trẻ bây giờ chắc cũng chẳng ai có thể hình dung được.

Đó là những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ trước. Quê tôi là một xã miền núi cao, thuộc diện nghèo nhất nhì trong huyện. Các thầy cô tôi ngày ấy một phần là người tại địa phương được cho đi học bổ túc rồi về đứng lớp vì ngày đó thiếu rất nhiều giáo viên, phần còn lại là những thầy cô được chuyển công tác từ nơi khác về. Người ở quê đã nghèo thiếu lắm rồi, người được chuyển đến còn chật vật hơn nữa. Có một thời các thầy cô tôi ở chung trong một khu nhà tập thể dành cho giáo viên lợp tranh và che bằng phen tre, hễ mưa là nước giọt không chứa chỗ nào; một thời các thầy cô tôi quanh năm lên lớp bằng một bộ đồ tây mặc đến bạc màu sờn vải, bữa cơm nhiều khi phải dọn thêm sắn và thức ăn chủ yếu là rau. Ngày ấy lương giáo viên không đủ sống, các thầy cô tôi sau tiết dạy trên trường hầu như ai cũng kiếm việc làm thêm, thậm chí cả những việc chân tay nặng nhọc vốn không quen với người đứng trên bục giảng. Đó là những năm tháng gian khó không thể nào quên mà sau này mỗi lần về thăm lại trường xưa thầy cũ, thầy cô tôi thường nhắc lại cùng nhau.

Cuộc sống các thầy cô ngày ấy chật vật vô cùng, nhưng đổi lại giữa các cô thầy và người dân quê tôi có nhiều kỷ niệm ấm lòng, theo mãi nhau đi qua bao nhiêu đổi thay của cuộc sống. Người quê tôi ngày ấy nghèo lắm, quanh năm làm vất vả nhưng nhà nào cũng thiếu ăn. Vậy mà giàn mướp hàng cà ra quả, người làng tôi lại mang đến biếu các thầy cô. Mỗi khi đào khoai lang hay nhổ củ sắn, thế nào bà con trong làng cũng mang đến góp với các thầy cô một thúng để nấu dọn với cơm ăn cho đỡ đói, nhất là những ngày mưa dầm quê tôi rất lạnh. Bọn nhỏ học trò chúng tôi ngày đó đứa nào cũng lem luốc, ngày nào sau buổi đến trường cũng ra đồng chăn trâu, tát cá, vào rừng hái rau. Tỉnh thoảng bọn tôi cũng mang cho các thầy cô vài xâu cá đồng, vài lọn rau



Nguồn: [www.tuoitrehdn.udn.vn](http://www.tuoitrehdn.udn.vn)

rừng, các thầy cô vui lắm. Ngày ấy kinh tế còn chưa phát triển, người quê tôi làm ăn thủ công nên chẳng bao giờ đạt năng suất cao cả. Làm đủ ăn đã là mơ ước lớn của bà con quê tôi. Có nhiều lần thầy cô tôi đến nhà bà con trong làng, chỉ cho họ những tri thức khoa học về chăn nuôi, trồng trọt. Thậm chí vào mùa vụ, nhiều thầy cô cũng xuống giúp dân làng gặt hái. Mỗi mùa mưa bão về, thầy cô tôi ngày ấy hay đến giúp các gia đình đánh phen, đan tranh, sửa lại nhà cửa. Cứ như thế, người quê tôi coi các thầy cô như anh em, con cái trong nhà.

Có một thời như thế, các thầy cô của tôi thiếu thốn từng bữa cơm cho đến chỗ ăn ở nhưng chưa khi nào hết lòng hăng say, yêu nghề. Có thể sáng nhin ăn lên lớp, có khi bộ đồ tây đã quá cũ rồi nhưng chưa bao giờ các thầy cô tôi bỏ một tiết dạy nào. Một thời khổ cực đến đổi lương giáo viên chỉ đủ mua được hơn chục cân gạo nhưng các thầy cô tôi không một ai bỏ nghề. Dù cho có những khó khăn, thiếu thốn, các thầy cô tôi vẫn đứng vững trên bục giảng, dạy cho từng thế hệ lớn lên, vun đắp cho từng học trò ước mơ thay đổi tương lai bản thân và quê hương. Có một thời khó nghèo như thế, nhưng mỗi lần nhắc đến, tôi lại thấy ấm lòng bởi những kỷ niệm yêu thương và tự hào vì tôi được học những người thầy nghĩa tình, đáng kính ấy. ■

# Người thầy nơi đảo xa

PHẠM HÙNG CƯỜNG

**T**rưa nắng nhẹ. Đảo quê tôi lộng gió mát lành. Ngoài kia sóng vỗ ru bờ những khúc hát đại dương rào rạt. Hàng thông lao theo gió đưa cành hát giọng vi vu... Chúng tôi ngồi với thầy trong một quán nước mica nhỏ nằm dưới bóng hàng dừa; thầy trò chúng tôi vẫn thường ngồi cùng nhau như vậy vào những hôm học cả ngày. Thầy với về trường đảo quê tôi chưa được một năm, lạ đất lạ người nên vẫn chưa có nhiều bạn. Chúng tôi, những đứa trẻ nhỏ yêu văn học, quần quýt lấy thầy; thầy trò gặp nhau luôn, và thầy cũng sẵn sàng kể cho chúng tôi nghe nhiều chuyện. Như trưa nay, thầy đã thuật cho chúng tôi nghe chuyện thầy ra với đảo quê tôi...

Thầy tôi là con trai duy nhất của một gia đình thương gia khá giả ở thành phố Đà Nẵng. Cha mẹ thầy muốn thầy theo học ngành kinh tế để sau này gánh vác công việc kinh doanh của gia đình. Nhưng tình yêu văn học và lòng quý trọng các thầy cô trên bục giảng đã un đúc tâm hồn từ những ngày thầy còn học phổ thông, thầy quyết định thi vào ngành sư phạm văn trước sự ngỡ ngàng của cha mẹ. Lúc đầu cha mẹ thầy cương quyết phản đối; nhưng rồi bằng sự chân thành, thầy đã thuyết phục được cha mẹ. Thầy bảo với chúng tôi rằng ngày nhận được kết quả đỗ vào trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng là kỷ niệm đáng nhớ nhất trong đời thầy. Suốt bốn năm trên ghế giảng đường, thầy đã miệt mài học tập với tất cả mơ ước và hoài bão. Kết quả tất nhiên là thầy tốt nghiệp ra trường với tấm bằng loại giỏi, đó cũng là niềm tự hào của cha mẹ và chính bản thân thầy. Trong những lần ngồi trò chuyện, thầy thường bảo chúng tôi rằng sau này các em học ngành gì cũng tốt cả, miễn sao luôn nỗ lực thì kết quả sẽ xứng đáng với những ai

nghiêm túc học hành. Thầy tôi đã nhận được kết quả học tập cao bởi sự nghiêm túc ấy. Trong suy nghĩ của tôi, thầy xứng đáng được về giảng dạy ở một trường thành phố hơn, nơi thầy có thể phát huy hết năng lực và tâm huyết của mình.

Nhưng rồi thầy lại chọn cho mình nơi đến là đảo xa quê tôi. Trước quyết định này, một lần nữa thầy lại gặp phải sự phản đối quyết liệt của cha mẹ. Gia đình thầy kinh tế khá vững, cha mẹ thầy có những mối quan hệ rộng, việc xin về một trường ở thành phố không khó khăn gì. Cha mẹ không muốn thầy đi xa, vì thầy là con một. Nhưng rồi thầy tôi vẫn “nói lời dứt áo ra đi”. Nếu bốn năm trước, thầy mới là một cậu học trò vừa tốt nghiệp cấp ba thì bây giờ, thầy đã là một tân giáo viên, một người đã lớn. Thầy đã thưa với cha mẹ, xin cho thầy ra đảo, để thầy được đến với những miền Tổ quốc xa xôi nơi đầu sóng ngọn gió mà thầy hằng yêu mến và gửi vào đó ước mơ, lý tưởng công hiến trong những ngày ngồi giữa giảng đường đại học; để thầy tự học cách bước vào cuộc đời. Cuối cùng cha mẹ thầy cũng đành phải gật đầu trước sự quyết tâm của thầy. Ngày tiễn chân thầy ra đảo, cha mẹ thầy rất lưu luyến, vì có cha mẹ nào mà không đành tâm thấy con đi xa! Nhưng thầy bảo, thầy thấy được giữa sự xúc động ấy vẫn là những ánh mắt tự hào và tin tưởng của cả hai người. Thầy biết cha mẹ thầy đã hiểu thầy và thật sự ủng hộ quyết định của thầy. Thầy nói ánh mắt ấy đã là chỗ dựa, là nơi tiếp thêm sức mạnh cho thầy vượt qua khó khăn của những ngày đầu về trường, đứng lớp.

Những ngày đầu về đảo của thầy thật sự rất vất vả. Thầy chưa kịp thích nghi với cuộc sống mới. Nhiều thói quen của người dân đảo quê tôi còn rất xa lạ với thầy. Cả những điều kiện vật chất còn thiếu thốn đôi khi làm thầy lúng túng. Sóng điện thoại ngoài này thường hay chập chờn. Thầy mang theo laptop





nhưng chỉ có sóng 3G mà cũng rất yếu. Rồi những điều kiện ăn ở cũng khác xa với khi thầy còn ở thành phố. Nhưng rồi, bằng bản lĩnh của một người giáo viên trẻ, thầy đã sớm vượt qua và quen dần với cuộc sống nơi đảo xa quê tôi. Thầy đã khiến nhiều bà con xóm tôi ngạc nhiên bởi chỉ sau hơn vài tháng về đảo, vào những ngày chủ nhật hay những buổi hết tiết dạy, thầy có thể ra giúp mọi người vá lưới, chèo thuyền thúng, đi câu mực chẳng khác gì một người dân biển thực thụ. Ngoài giờ lên lớp, thầy hay trồng và chăm sóc rau xanh, cây cảnh hoặc đi thăm nhà nhiều em học sinh trong lớp. Thầy về đảo chưa tròn một năm mà gần hai trăm hộ dân đảo tôi ai cũng biết thầy, ai cũng quý, cũng yêu và xem thầy như người thân trong gia đình. Đã nhiều lần thầy nói với chúng tôi, đảo quê mình đẹp quá, mấy năm nữa luân chuyển về đất liền, chắc thầy xin ở lại luôn em à. Rồi thầy cười, tôi thấy ở nụ cười thầy niềm vui, sự gắn bó. Tôi lại nghĩ trong lòng, không ngờ mảnh đất hoang vu xa cách đất liền hàng trăm hải lý này lại níu được chân thầy...

Cũng có khi chúng tôi hỏi, thầy ở lại đây thì bỏ cô cho ai, ý chúng tôi muốn nói về người yêu của thầy. Thầy cũng đã có người yêu nơi thầy sinh ra và lớn lên. Người yêu thầy cũng học cùng trường, cùng ngành nhưng sau thầy một khóa, hiện nay đã là năm cuối rồi. Thầy bảo thầy và cô quen nhau trong một lần thăm triển lãm về biển đảo, mến nhau vì cùng một ước mơ

được đem tri thức ra với đảo xa. Thầy bảo, cô cũng giống thầy nhiều chỗ. Có lẽ rồi cô cũng xin ra ngoài này. Nghe thầy kể, thấy vui, vì thầy được đền đáp bằng một người yêu tâm đầu ý hợp. Tôi thì chưa hiểu gì lắm về chuyện người lớn, nhưng lúc nào cũng mong cho cô tốt nghiệp xong, xin ra đảo để cùng thầy viết nên những trang đời mơ ước. Đảo quê tôi nhỏ, dân đảo quê tôi không đông, bao đời nay vẫn còn lam lũ nhưng sống nghĩa tình, đã thương ai thì thương cho trọn, đã yêu ai thì sau trước một lòng. Tôi lại nghĩ đến lúc thầy cô cùng ra đây, lập nghiệp với hòn đảo này, mỗi ngày hằng say đem tri thức nơi đất liền vượt sóng trùng dương ra với đảo xa, thì còn gì vui bằng nữa...

Trưa trên đảo, nắng nhiều và gió lộng, chúng tôi ngồi nghe thầy kể chuyện mà có cảm tưởng như được lớn thêm nhiều. Thầy có thể bỏ lại sau lưng cuộc sống đầy đủ tiện nghi, những người bạn thân thiết để ra với đảo này, nơi một cuộc gọi điện nhiều khi cũng chập chờn. Vậy mà thầy vẫn luôn hằng say với từng bài giảng, từng buổi đến trường. Riêng tôi, tôi học được ở thầy tình yêu nghề, lòng yêu Tổ quốc và ước mơ cống hiến, xây dựng quê hương, đi bất cứ nơi đâu khi đất nước cần. Đất nước mình ngày càng lớn mạnh, đảo quê tôi cũng đang thay da đổi thịt từng ngày, làm sao quên được những con người hy sinh cả tuổi trẻ để đem tri thức vượt đầu ngọn sóng, ra với đảo quê hương. ■

# Sau cơn giận

HẢI TRINH

**Đ**ã từ lâu thầy cô giáo thường tự ví mình như những kẻ đưa đò. Phải chăng dạy học là một nghề bội bạc?

Trong đời người, chúng ta ai mà chẳng ấp ủ hình ảnh một người thầy kính yêu. Với tôi, người đó là thầy Hồng Giũ Lưu. Vào niên khóa 1963-1964 tôi đang học lớp Đệ nhất, tương đương với lớp 12 bây giờ. Thầy Hồng Giũ Lưu dạy môn Toán và cũng là giáo sư hướng dẫn lớp tôi, lớp Đệ nhất B5.

Thầy tôi còn trẻ lắm, tuổi đời chưa đến ba mươi. Thầy có làn da trắng mịn, dáng người nho nhã thư sinh, nhưng thầy có đôi mắt sắc ẩn dưới cặp chân mày rậm càng làm tăng thêm nét nghiêm nghị của thầy. Với thầy, tôi có nhiều kỷ niệm khó quên. Một lần đang “say sưa giấc nồng” trên... bàn học, bỗng nhiên tôi giật mình khi nghe tiếng thầy gọi: “Anh Ngà dậy mà về cho, ngủ luôn ở đây sao?”. Câu nói của thầy cũng khiến cả lớp cười rần lên. Tôi chưa kịp hoàn hồn thì thầy đã vừa mỉm cười vừa ôn tồn bảo với cả lớp: “Tôi đã thấy anh Ngà ngủ gật nhiều lần nhưng tôi không nói. Các anh có thấy đó không? Thức đêm nhiều là không có lợi”. Ngược chín cả người, nhưng tôi hết sức cảm động về thái độ bao dung của thầy. Mấy hôm sau, bạn Nguyễn Ngọc Ngoạn là liên đội trưởng của lớp báo cho tôi hay rằng thầy hướng dẫn dẫn tôi lên văn phòng gặp thầy vào giờ ra chơi. Thật bất ngờ, thầy thân mật hỏi chuyện về gia cảnh của tôi. Tôi trình bày với thầy về thực trạng nghèo khó của mình; mỗi tối phải đi dạy kèm để kiếm tiền ăn học. Thầy chân tình an ủi, động viên tôi. Thầy bảo không nên phí sức quá, như thế sẽ có hại cho việc học; gần đến kỳ thi rồi. Thầy trao vội cho tôi một cái gói bọc trong giấy nhật trình. Thầy bảo đây là quà Tết của thầy tặng cho tôi. Đó là một xấp vải quần tây. Tôi đưa hai tay ra đỡ gói quà, và nói lời cảm ơn trong niềm xúc động.

Một buổi sáng gần kết thúc năm học. Ba tiếng chuông báo hiệu hết giờ chơi. Vừa bước chân vào, những cặp mắt tinh nghịch đã đổ dồn về cuối lớp: Một tấm ván treo toong teng đang đong đưa; đó là phần trên của mặt bàn học được máng vào cái móc sắt quạt trần qua cái lỗ “godet”<sup>2</sup>. Đang hò hét đùa giỡn thì thầy Lưu cũng vừa xuất hiện. Mọi người nín thở. Không dãn được cơn thịnh nộ, thầy quát lớn: “Ai đã bày cái trò phá hoại này đây? Nếu các anh không thích tôi dạy nữa thì cứ nói thẳng ra. Tôi sẵn sàng chiếu ý”. Mặt đỏ gay, thầy

vẫn đứng bất động khiến chúng tôi càng lo sợ. Thầy ném mạnh viên phấn xuống sàn rồi nghiêm giọng: “Hôm nay các anh khỏi phải học, cứ đứng vậy cho đến hết giờ”. Rồi thầy ngồi vào bàn, vẫn yên lặng, đôi mắt vẫn không rời chúng tôi. lát sau, bỗng nhiên nét mặt thầy dường như giãn ra; rồi thầy dịu giọng: “Thôi! Cho các anh ngồi xuống! Hôm nay tôi rất tiếc là phải bỏ mất một giờ để nói chuyện với các anh. Và từ rày về sau tôi sẽ không bao giờ nói động đến các anh nữa”. Lớp học im phăng phắc. Thầy buông tiếng thở dài và bắt đầu vào chuyện: “Đêm nằm, tôi tính đi tính lại thì cả lớp mình số người đỗ kỳ này không quá mười đầu ngón tay. Mà các anh lại học hành kiểu này thì chắc chắn sau kỳ thi sẽ có nhiều người “lên đường”, điều mà gia đình các anh và chính các anh cũng không bao giờ muốn”. Thật vậy, bấy giờ chúng tôi đang sống vào thời buổi dầu sôi lửa bỏng. Chính trường miền Nam đang hồi sôi động, và chiến trường cũng bắt đầu ác liệt. Thế nên màu áo thư sinh cũng sẵn sàng được thay bằng màu áo trận: “*Ta hồng tú tài, ta đợi ngày đi!*”. Rồi thầy bồi hồi nhắc lại cái tuổi thư sinh khổ khó của thầy cho chúng tôi nghe. Nào việc phải làm bài tập toán trên tàu lá chuối vì không có đủ giấy mực, nào việc không có áo đi mưa phải mang chiếc tờ đi bộ năm ba cây số đến trường bị đuôi lá cọ vào đến rướm máu gót chân. Thầy bảo chúng tôi bây giờ sung sướng hơn nhiều, mà không lo học hành cho làng hoàng; để tương lai mù mịt rồi lại oán trách cho số phận. Nói đến đây, hầu như thầy đã nguôi ngoai cơn giận. Giọng thầy có lúc thân thiện, bao dung như người anh nói với đàn em ăn chưa no lo chưa tới. Và hình như cũng thấp thoáng mối đồng cảm của người “trao thời loạn” khi thầy nhắc đến thân phận của tuổi trẻ trong cuộc chiến hôm nay. Chúng tôi ngồi im thin thít như cổ nuốt từng câu, từng lời của thầy vào tận đáy lòng thay cho niềm ân hận.

Bỗng dưng thầy đưa tay lên nhìn đồng hồ, rồi nở một nụ cười đôn hậu. Thầy nói trong niềm xúc động: “Hôm nay tôi hát tặng các anh một bài để làm quà đưa tiễn. Từ nay đến kết thúc năm học không còn bao lâu nữa, chúng ta cũng chẳng có thì giờ để tâm sự. Nhớ phải cố gắng hết sức mình. Chúc các anh gặp may mắn trong kỳ thi và vào đời suôn sẻ”. Giọng ca của thầy nồng ấm như những tia nắng ban mai đang ghé vào song cửa: “*Lìa xa thành đô yêu dấu, một sớm khi heo may về. Lòng*

# Nhôn ôn Thầy

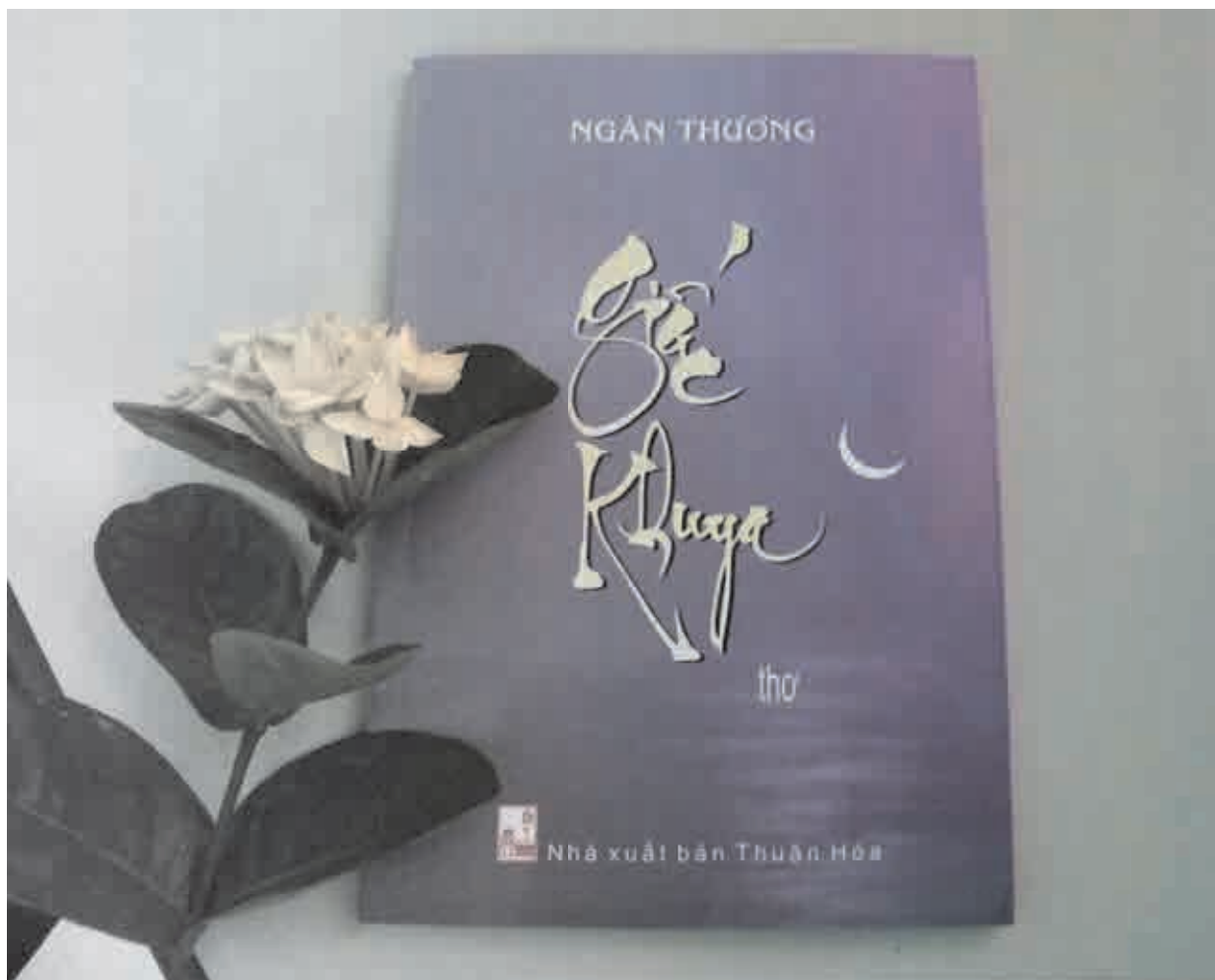
*khách tha hương vương sầu thương...".* Lời ca thiết tha như lời đưa tiễn. Năm mươi trái tim non như bị cuốn hút bởi giọng ca truyền cảm đến bất ngờ từ một người thầy xưa nay vốn nghiêm khắc. Hình như tất cả chúng tôi không mấy ai chú tâm đến nội dung ca từ mà chỉ lắng nghe tiếng lòng của một bậc trưởng thượng đáng kính. Hình như chính những ánh mắt đồng cảm của chúng tôi đã đưa giọng hát của thầy vang vọng cả một khung trời tuổi nhỏ. Hát xong, thầy chỉ thoáng nhìn chúng tôi, rồi lặng lẽ bước ra khỏi lớp mà chẳng nói thêm một lời nào. Chúng tôi đứng dậy chào thầy. Khi ra đến hành lang, tôi thấy thầy đưa chiếc khăn tay lên chạm đôi mắt đỏ hoe. Đã tròn nửa thế kỷ qua đi, đến tận bây giờ mỗi khi nghe lại bài ca *Giấc mơ hồi hương*

của nhạc sĩ Vũ Thành, bài hát mà thầy Hồng Giũ Lưu đã hát hôm ấy, lòng tôi bỗng dưng nhớ đến người thầy kính yêu ngày nào đã hát cho chúng tôi nghe bài ca trữ tình ấy thay cho một hình phạt. Một giọng ca thể hiện cho cả một tấm lòng.

Ra trường, tôi nổi gót thầy làm nghề gõ đầu trẻ. Rõ ràng gần bốn mươi năm trời đứng trên bục giảng, nhưng chưa bao giờ tôi có được những giây phút giao cảm giữa thầy trò đẹp như hôm ấy. Phải chăng vì chưa gặp duyên nghiệp hay tại lòng mình chưa rộng mở đó thôi. ■

#### **Chú thích:**

- (1) Tương đương lớp 12.
- (2) Chỗ để lọ mực trên bàn học sinh.



# Giấc khuya từ “cội rễ hồn nhiên”

HỒ ĐĂNG THANH NGỌC

**Lời tòa soạn:** Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa nhận được tập thơ Giấc khuya của Ngân Thương, một cây bút quen thuộc của trang thơ VHPG, do tác giả gửi tặng. Xin cảm ơn tác giả và xin giới thiệu với quý độc giả qua bài viết đầu sách của nhà văn - nhà báo Hồ Đăng Thanh Ngọc.

**T**hi ca, khởi thủy là dòng sông cảm xúc chuyên chở một chữ tình đi qua thế gian. Với người chạm ngưỡng thất thập cổ lai hi như nhà thơ Ngân Thương, dòng cảm xúc ấy còn chở những chiêm nghiệm. Cùng với thời gian miên di, những dòng cảm xúc của Ngân Thương đã đọng lại trên năm thi phẩm trước đây: *Trong vườn trí tưởng, Lãng giữa chiêm bao, Nền chiếu, Dấu chân phố, Thùng thẳng qua cầu.*

Và bây giờ là “Giấc khuya”.

Giấc khuya, đó là những trở mình lúc nửa đêm về sáng. Trở mình trong đêm giao mùa, trở mình trước thời cuộc, trở mình trước những đổi thay nhân thế, trở mình trước chính tuổi đời mình, trở mình trong ánh mắt mình, trở mình trong sương khói mệnh mang... Và trong những tình thức giấc khuya ấy, nhà thơ rủ chúng ta cùng chứng kiến màn sương cảm xúc nhẹ nhàng

lên trong ánh trăng giao mùa; xuyên giữa màn sương  
ấy, là những chiêm nghiệm chí tình của một thi nhân  
ngồi dựa bức tường rêu. Như thi sĩ Ngàn Thương đã  
thú nhận: *"Tôi - hơn nửa đời làm thơ/ có lẽ/ chỉ ưu trầm  
từ cội rễ hồn nhiên"...*

Dòng chảy thi ca của Ngàn Thương, cho đến thi  
phẩm này, là dòng chảy của nhu cầu chan hòa, cảm  
thông, là tự sự "tôi muốn thành thật với người" mà hốt  
nhiên không cần biết sự thành thật ấy thành công hay  
thất bại. Đó cũng chính là cách sống dẫn thân hết mình  
vì cái hồn nhiên tình của nhà thơ trước thiên nhiên và  
con người.

Thì đây, hãy đọc bài thơ "Đầu năm", bắt đầu là chốn  
bình yên mơ ước:

*"Đầu năm ngồi nhìn nắng  
Trong veo những giọt thiên  
Bắt đầu ngày tháng mới  
Lòng bỗng thấy bình yên"*

Và kết thúc là một đồn ngộ thiết tha:

*"Đầu năm ra sông tắm  
Dang tay đón gió lành  
Mới hay mình thêm tuổi  
Khỏi sương về mệnh mang"*

Sự đồn ngộ về lẽ mông lung vô thường ấy, nhiều khi  
đã hiện lên một cách tài tình trong "Khúc quê":

*"Nốt trầm rơi lặng bãi cỏ  
Sông ơi rẽ nhánh vô ngôn tặng người"*

Những cảm nhận, những ký ức, những hiện tại có  
khi dồn dập đuổi đón nhau trong một câu thơ như thể  
một cú dốc ngược cho một cuộc chơi cạn ngày:

*"Sủi tăm cốc rượu độc hành  
Trò chơi cút bắt còn xanh ngộ về"*

Chỉ một chữ "xanh", mà cái tươi mướt con trẻ hiện ra,  
cái tuổi già cô độc hiện ra, và cái cô đơn cảnh báo cho  
cuộc lữ hành gai góc trên đường về xa ngái cũng hiện  
ra. Cuộc đời với những ngày còn lại sao mà nghiệt ngã  
xanh roi rói thế?

Có thể gặp trong "Giấc khuya" rất nhiều cảm nhận  
chiêm nghiệm vô thường khác:

*"Chiều chiều nhịp mõ qua bờ  
Cát xưa trở giấc hững hờ gọi tên"*

(Gọi tên)

*"Đã nghe cát bụi hoang tàn  
Một mai về đất giăng hàng cuộc chơi"*

(Bước người)

Rồi chợt thấy mình lạc lõng và cô độc trong một  
chiêm nghiệm trước mưa:

*"Phố giờ không ra phố  
Người giờ không ra người"*

*Vỗ tay nhìn mưa đổ  
Bóng về với mình tôi..."*

(Nỗi nhớ mùa đông)

Cái tôi thi sĩ hòa trong chân dung thi sĩ nhiều khi  
rất thật:

*"Tôi bản ngã thẳng hể  
Tay vươn giữ thẳng bằng nhịp bước  
Trên dây xiếc hư không  
Nín thở quen lâu hết sợ  
Ngó xuống bầy chim nháo nhác tìm mồi"*

(Như cánh ngọc lan)

Và nhiều khi thật mơ hồ như ảo ảnh kiếp người, như  
một thức tỉnh buồn một chiều nào bên bến sông xưa:

*"Ôi sông là ký ức  
Trôi vào nỗi hoang vu  
Thấp tình bằng bắc lệ  
Soi không gian mịt mù"*

(Về bến sông xưa)

Với *Giấc khuya*, những lục bát, tứ tuyệt, hay thơ tự  
do đều là những cái cố, bởi với Ngàn Thương, hình  
thức thơ không là cứu cánh. Cái cứu cánh như đã  
nói, là những chiêm nghiệm thơ, những cảm nhận  
thơ, những hồn nhiên thơ, những tình thơ... Thời  
buổi này, nhà thơ không cần thiết phải nói những gì  
to tát, không cần phải quá nhiều toan tính khi đọc  
thoại chính mình, nhưng nhà thơ phải biết tự bệnh  
vực chính mình.

Như bài thơ có tên gọi là tựa sách cho thi phẩm này  
(*Giấc khuya*).

Mở đầu nhắc đến nỗi xa vời của kiếp thi nhân:

*"Mỗi con người  
Mỗi số phận  
Mỗi hồn thơ  
Mỗi ngôn ngữ trần tình  
Mỗi bước chân mang dấu hằn dĩ nghiệp  
Mỗi ngày về  
Mỗi khoảnh khắc xa xôi..."*

Và kết thúc, nhắc đến cái tận cùng phải có: lạnh lẽo  
tận cùng, trống vắng tận cùng, vô vọng tận cùng, cô  
đơn tận cùng, níu tay tận cùng, dốc cạn tận cùng...

*"Mỗi chuyến tàu chờ hết những đêm đông  
Ai tiễn đưa ai  
trong khoang đầy gió  
Tiếng còi vang  
xa bàn tay níu  
Cuối con đường ứa hết  
giấc khuya..."*

Và đó chính là lúc, đó cũng là cách nhà thơ tự bệnh  
vực chính mình, ngay giữa *"Giấc khuya"*. ■

## Cô giáo em

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Đơn sơ trong chiếc áo dài  
Thướt tha đến lớp mỗi ngày dạy em  
Giọng cô ôi thật nhẹ nhàng  
Trong như tiếng sáo, ngân vang tiếng đàn  
Cô cười tựa đóa hoa lan  
Nở trong nắng sớm dịu dàng thoảng hương  
Cô là một ánh thái dương  
Ban em nguồn sáng, soi đường em đi  
Cô đem kiến thức diệu kì  
Truyền cho em biết chi li mọi điều  
Cô là nàng Tấm yêu kiều  
Hiền từ, nhân hậu, mĩ miều, đoan trang  
Dù bao cơ cực gian nan  
Cô luôn nhận lấy, không màng thờ than...  
Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam  
Chúc cô sức khỏe, ngập tràn ước mơ  
Dù mai đây có xa cô  
Nhưng bao kỉ niệm tuổi thơ vẫn còn  
Dù cho sông núi mãi mòn  
Lòng tri ân đó sắt son trọn đời.



## Mùa đông

NGUYỄN TIÊU

Mùa đông quán vắng ta ngồi  
Lắng nghe mùa thơ buốt trời heo may  
Niềm vui lọt xuống kẽ tay  
Xót đau tuổi mộng hao gầy tuổi mơ!...

Mùa đông quán vắng thần thờ  
Em về ngược gió tôi chờ hứng mưa  
Một mình gom nỗi vui thừa  
Khép vào lòng vẫn còn thừa heo may!...

## Chiều bên mẹ

PHAN THÀNH MINH

Thềm sông nghiêng mái tranh nghèo  
Con đồ úp mặt xuống chiều nhớ trưa  
Mẹ về sau buổi chợ thưa  
Bếp rom đợi bữa cười đùa lao xao

Phên tre nghiền nghẹn gió Lào  
Mẹ không tóc vẫn yếm đào khăn nhung  
Váy sồi nhuộm lấm sinh bùn  
Áo nâu ba vạt bọc đùm nắng mưa

Cái cò đi sớm về trưa  
Lẻ loi quang gánh nhớ xưa buồn buồn  
Bát canh mỗi vị rau vườn  
Cắm đôi dưa lệch xuống vương mang nghèo

Con về sau buổi rong rêu  
Gội xanh tóc mẹ đã nhiều xót xa  
Hoa gạo thấp đỏ tháng Ba  
Mẹ ơi nắng xế reo ca bên chiều.

## Có một khoảng trời

MẠC TƯỜNG

Có một khoảng trời trong veo thời thơ ấu  
Bè bạn tung tăng bờ ruộng nhỏ nô đùa  
Chú dế mèn ôm giấc mộng làm vua  
Mấy chục năm sau tỉnh ra còn ngỡ ngác

Có một khoảng trời rất thu vàng cánh hạc  
Chút gió heo may lành lạnh tiếng dương cầm  
Chú dế mèn mơ vũ trụ hòa âm  
Mấy chục năm sau còn lơ ngơ thơ thần

Có một khoảng trời phượng bay dài vô tận  
Sách vở thơm lòng hoa cỏ đại ngàn trang  
Chú dế mèn nông nổi bỏ đi hoang  
Mấy chục năm sau còn ngậm ngùi nuôi tiếc

Có một khoảng trời tầm xuân xanh biêng biếc  
Một thoáng ngập ngừng con sáo vội sang sông  
Chú dế mèn khờ khạo vẫn ngóng trông  
Mấy chục năm sau vẫn thơ gieo nhưng nhớ

Có một khoảng trời buồn vui loanh quanh phố  
Hạnh phúc ập đầy con hẻm nhỏ lung linh  
Chú dế mèn bạc tóc gặm câu kinh  
Mấy chục năm sau ngồi dưới trăng tụng niệm.

## Lượm ngói sân chùa

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Lượm ngói sân chùa  
Gió mưa mấy lớp  
Con bão được thua  
Lời kinh bạt độ

Khói hương mờ tỏ  
Thắm vào hư không  
Ai đưa tấm lòng  
Chạm vào lặng lẽ?

Cổ xưa giọt lệ  
Khóc người thời nay  
Ngói vỡ đất bay  
Kiếp người khó gặp!

Lấy thân mà thấp  
Đuốc tuệ sáng bùng  
Hãy nhìn ngói vỡ  
Có gì rung rung...

Có gì chắc đâu?  
Nụ cười sen nở  
Đời người qua mau  
Pháp Phật khó cầu...!!!

## Sương giăng phố lạnh

TRÀ KIM LONG

Sương trắng mùa giăng phố sáng nay  
Se se lạnh rớt xuống phương này  
Sài Gòn bỗng nhớ quê ngoài ấy  
Buồn mắt nhìn thương gợn gió lay.  
Xuôi ngược đời theo năm tháng trôi  
Bao nhiêu sợi tóc bạc thêm rồi  
Lặng phiêu chừng thấy chưa dừng bước  
Vẫn một đời rong rêu đầy thôi.  
Tháng chín chiều thường mưa cuối thu  
Sương mai giăng mắc trắng sương mù  
Áo tha phương mặc sỡn bao nhiêu  
Mà bước đời chưa hết viễn du.

## Cõi bông phiêu

TRƯỜNG KHÁNH

Người đi từ cõi bông phiêu,  
Cơ hồ bóng xiêu chiều xuống,  
Núi rừng ru hời tiếng vượn,  
U hoài chạy trốn hoang liêu.

Hần rêu gót giày phiêu bạt,  
Chiều nghe ai hát cuối trời,  
Mưa nguồn nước xuôi vời vọi,  
Trôi về biển lớn đầy vơi.

Nơi nao có người tình say,  
Cụng ly hết ngày đoạn tháng,  
Buồn vui thâm tình bè bạn,  
Tự tình trút xuống miền man...

Âm tung bông phiêu gãy đổ,  
Hết rồi giông tố, cuồng si,  
Tìm trong nhân gian tri kỷ!!  
Ai đứng - ai ngồi - ai đi?!

Trùng khơi thiên di khoan nhặt,  
Đau làn gió cắt buốt xương,  
Buồn lên vô biên vô lượng,  
Xin về đón khúc yêu thương!

Mưa nguồn nước xuôi biển lớn,  
Âm tung sóng gợn cuối trời,  
Hướng về phương Đông đón đợi,  
Bình minh chờ tháng ngày trôi!!

# Bộ quần áo cũ

LÝ THỊ MINH CHÂU

**N**gần ấy năm làm người lương thiện, nghèo tiền bạc nhưng giàu lòng nhân ái, chất chiu cần kiệm đã quen nên bố tôi chưa bao giờ tổ chức một cuộc vui nào cho riêng mình. Bố tôi bảo:

-“Ngày trước có ai quan tâm đến ngày giờ là gì đâu. Sinh con đẻ cái cả tháng rồi mới đi làm giấy khai sanh vẫn được nên chuyện mừng sinh nhật sinh nhéo chỉ là cái cớ để ăn nhậu bù khú của kẻ có tiền, để vùi vãnh của kẻ có chức. Với bố, mừng như thế là vô nghĩa, không vui về gì”.

Bố tôi là người của muôn năm cũ. Bố có niềm vui trong cuộc sống đạm bạc của bố nhưng chúng tôi thì không thể. Chúng tôi đâu muốn bạn bè cho là cổ hủ, thủ cựu khi dám tách mình ra khỏi cái vòng xoay lung linh sắc màu nhân thế. Ở đó có đủ hỷ nộ ái ố sân si chung sống trong một thế giới không còn hỗn nhiên, ngây thơ và rất hiếm thật thà.

Đời là bể khổ, điều đó rõ rồi; bởi giàu sang, quyền cao chức trọng vẫn có nỗi khổ riêng của nó, nỗi lo riêng của nó. Còn tình là dây oan thì có khi đúng khi sai bởi thế gian này ai mà không có tình; nhưng nếu tình nào cũng oan hết thì thật là loạn. Tình mà là oan thì chỉ có tình yêu nam nữ; mà trong tình thì còn có cả tình yêu quê hương đất nước, tình thầy trò, bè bạn... và nhất là tình yêu thương ông bà cha mẹ anh em, họ hàng, chòm xóm. Cái tình này nếu không biết cách cư xử, giữ gìn thì sẽ thành oán chứ chẳng oan uổng gì, nên mấy chị em chúng tôi bàn nhau chờ ngày bố sáu mươi tuổi sẽ làm lễ mừng thọ cho bố thật đàng hoàng.

Vợ chồng tôi lao động vất vả ở thành phố cũng chỉ đủ ăn, đủ mặc. Đồng lương công nhân chỉ là con ếch ộp so với vật giá là con thỏ chạy nhanh như tên bắn. Rồi thằng Tí, con Bi ra đời khổ càng thêm khổ. Tấm áo

vá chẳng chịt bằng đủ sắc màu thời gian càng lộ rõ nét cơ hàn, thấp kém. Ngoài những lúc phải đi làm hay đi đâu đó thì cửa nhà tôi luôn đóng im ỉm. Chúng tôi sợ cả bạn bè, người thân bởi chúng tôi không có trà rượu để mời khách. Chúng tôi sợ cái nghèo của mình không kham nổi những lời an ủi, vỗ về; sợ không thể cầm được giọt nước mắt cho dù những lời an ủi vỗ về kia chưa chắc đã phát ra từ đáy lòng.

Trong cái khó ló cái khôn. Vợ tôi có cậu em buôn bán quần áo cũ là loại mặt hàng mà chẳng mấy cấp quản lý nào quan tâm; bởi đối tượng phục vụ của hình thức buôn bán này là khách hàng nghèo, dưới nghèo; nhưng lãi thì vô cùng hấp dẫn. Khi khách đã khoái một món hàng nào đó rồi thì người bán tùy thích bán theo giá mà mình đặt ra, miễn sao người mua không quá đổi phàn nàn. Đồ cũ mà, hợp nhãn thì mua không thì thôi chẳng việc gì phải lời đi tiếng lại. Nài nỉ thì có nài nỉ nhưng đâu phải đưa muối gì đâu mà sợ ôi thối. Càng làm ra vẻ cóc cần bán thì thiên hạ càng háo hức mua, mua cho bằng được. Đó là một nghịch lý mà những kẻ già tay buôn bán luôn giành phần thắng về mình.

-“Cậu kiếm cho chị bộ vét còn tốt tốt, giá vốn thôi đó nhé, sắp sinh nhật ba thằng Tí”. Vợ tôi bảo cậu em trai.

-“Sinh nhật ảnh hả, hôm nào?”.

-“Cũng chưa gấp gáp lắm đâu cậu nhưng chị dặn trước”.

-“Có mà đây. Em tặng anh chị một bộ còn mới cứng, màu xanh đen được không?”.

-“Ừ, màu đó trông cũng chừng chặc. Nhưng cậu nhớ là không được nói gì với ảnh nhé, ảnh mà biết cậu biếu sẽ không nhận đâu”.

-“Em hiểu rồi”.

Tôi cảm ơn vợ tôi lắm và cả em trai cô ấy nữa. Tôi đâu

biết cô ấy đã nói dối em mình là mừng sinh nhật tôi thay vì mừng sinh nhật bố tôi. Tôi trẻ người nhưng cực khổ nên khá hom hem, có khi vòng bụng không bằng bố tôi nhưng chiều cao thì ngót nghét nhau. Thế là ổn rồi. Tôi nghĩ chắc bố sẽ vui lắm. Cả đời quần nâu áo vải, con cái thành đạt, lễ tết, tiệc xóm, tiệc làng mà chỉ mặc mỗi bộ bà ba đen đi dự thì coi sao được. Tôi sung sướng thật sự bởi chính tôi còn chưa có cơ mà. Vợ tôi thì không vậy, cô ấy náy thế nào ấy. Cả đời bố vất vả, tảo tần; ngày con cháu mừng thọ mà chẳng có tấm áo ra tắm áo thì thật bất hiếu quá.

- "Hay là mình gởi bộ vét về cho cha dùng trước, chứ đợi đến ngày ấy anh em tề tựu đông đủ lỡ ai phát hiện ra đồ cũ thì xấu hổ lắm anh ạ".

- "Em nói cũng phải, đành vậy đi".

Thời gian làm cho người ta dễ dàng chấp nhận những chuyện không đâu vào đâu, những chuyện có thể cười ra nước mắt, vui như mếu. Mấy anh em tôi chưa thống nhất được ngày nào làm tiệc mừng thọ cho bố bởi khi người này có ý kiến là làm luôn trong ngày giỗ mẹ cho tiện thì vấp phải sự

chống đối của người kia.

- "Mừng sinh vào ngày buồn tử ấy à. Chẳng ra thể thống gì. Không khéo ông già cảm động quá, lên máu, theo bà luôn thì ăn cho hết".

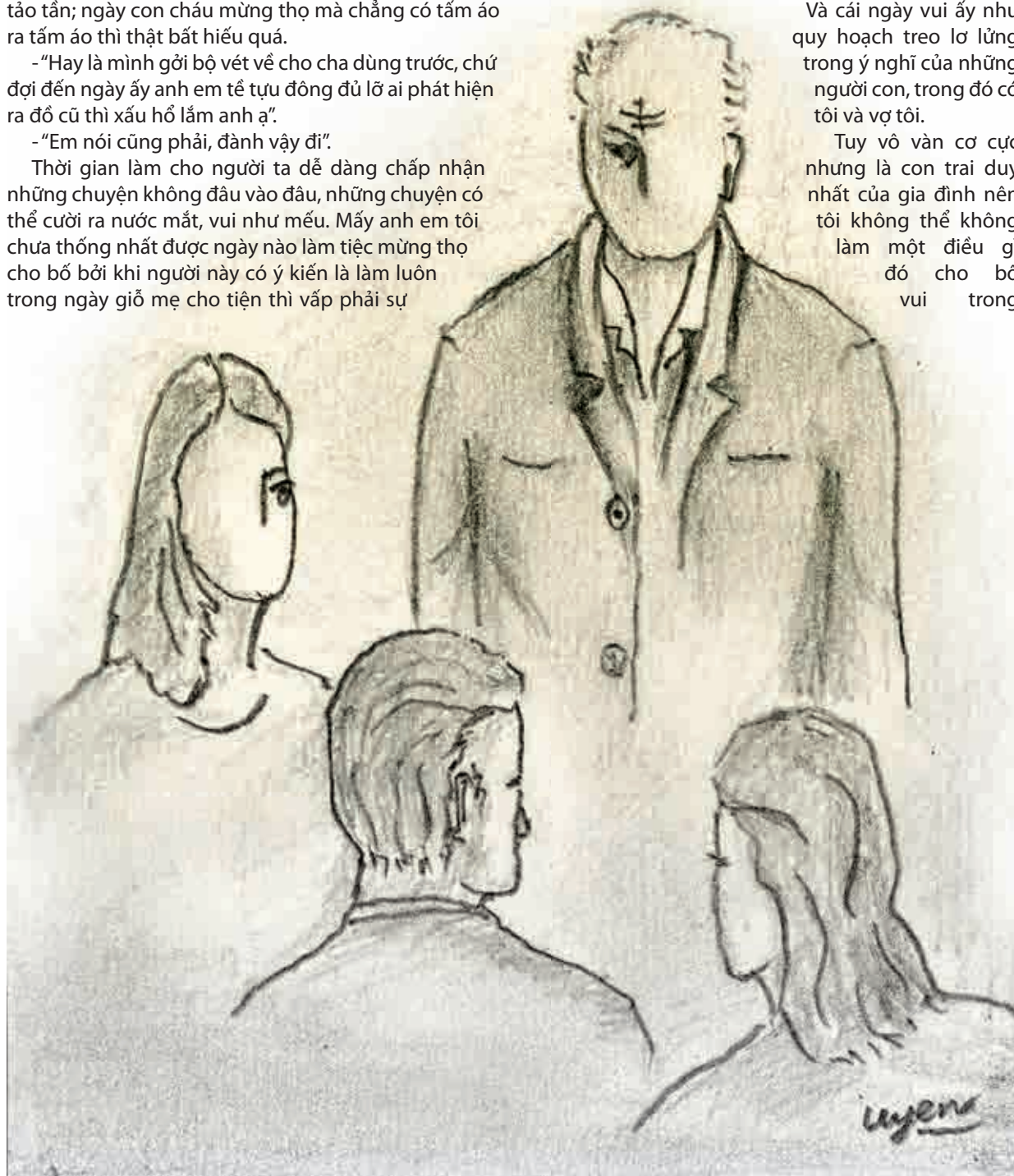
- "Ăn với nói! Toàn thứ độc miệng độc mồm!".

- "Thử xem, hàng xóm không rửa đứng rửa ngồi mới lạ".

- "Thôi thôi cho tôi xin, mấy người muốn làm gì thì làm". Chị tôi buồn hiu.

Và cái ngày vui ấy như quy hoạch treo lơ lửng trong ý nghĩ của những người con, trong đó có tôi và vợ tôi.

Tuy vô vàn cơ cực nhưng là con trai duy nhất của gia đình nên tôi không thể không làm một điều gì đó cho bố vui trong



ngày trọng đại này. Không trọng đại sao được khi mà đa phần người khuất bấy giờ trong cáo phó đều ghi hưởng dương, nghe ra thật thương xót nhưng khá lạnh lẽo. Hưởng dương là từ của người nhà thông báo cho mọi người biết người chết dưới sáu mươi tuổi để mà có cách lễ bái cho thích hợp.

Tôi chọn ngày tháng năm sinh ghi trong chứng minh nhân dân của bà để về mừng thọ cho người. Tôi nghĩ không nhất thiết phải mâm cao cỗ đầy, mỹ vị cao lương những món mà sáu mươi năm qua bố vẫn còn lạ lẫm. Tôi biết bố tôi thích nhất món thịt heo luộc cuốn bánh tráng rau sống chấm mắm nêm. Cái món mà người giàu bấy giờ cũng khóc bởi nó là chính nhân gây ra tai biến mạch máu não cho người có huyết áp không ổn định hay béo phì.

Thịt ở chợ quê thì chẳng bao giờ thiếu mà lại rất sạch và tươi. Vợ tôi chọn mua cái đuôi trước của con heo nuôi thả rong. Thịt của giống này rất săn chắc, luộc hay nướng đều ngon, ăn rất thơm giòn mà không bã. Thêm vài xị cuốn lủi, vài loại trái cây và bình hoa thập cẩm hái trong vườn thì bữa quê cũng thành bữa tiệc thịnh soạn. Bố tôi vui lắm, luôn chia phần cho cháu con mà chẳng thèm ăn uống gì. Vợ tôi phải đóng vai tiếp viên nhà hàng chăm sóc ông hết cỡ cũng chỉ được ông ăn vài ba cuốn thịt, vài ly cuốn lủi thế thôi.

- “Bố sống đậm bạc quá. Bố phải ăn nhiều vào để sống cùng con cháu chứ”.

- “Thế thôi, ăn nhiều khó chịu lắm”.

- “Lâu lâu mới có dịp vui mà, bố”.

Bố tôi chần chừ, bụng ly lên, để xuống như có ý chờ ai đó.

- “Bố chờ mấy đứa về vui luôn thế”.

Thì ra bố tôi đã gọi điện thoại cho chị và các em của tôi sau khi tôi gọi báo cho bố biết là vợ chồng tôi và các cháu sẽ về. Tôi hơi bất ngờ và kém vui bởi tôi biết chị và các em tôi luôn có thành kiến với vợ tôi. Họ không thích cô ấy bởi cô ấy là người thành phố mà lại nghèo nữa chứ. Họ giận cô ấy bởi cô ấy không phải là gái quê để tôi ưng rồi ở lại làng mà phụng dưỡng bố già. Quả là vu vơ nhưng tôi không có cách gì hòa giải.

Khi gia đình đã sum họp vui vầy thì rượu mới là chất xúc tác giúp người ta hân hoan mở lòng. Chị và các em tôi rất hân hoan với những món quà đắt tiền mừng thọ cha. Họ tíu tít nói cười với nhau như ngầm bảo tôi ngốc ơi cha mẹ mới là máu mủ nghĩa trọng tình thâm còn vợ chồng như quần áo cởi ra là rồi. Vợ tôi đem ánh mắt mang hình dấu hỏi ra nhìn tôi, tôi đưa ngón tay trở đặt ngang miệng mình và lắc đầu. Cô hiểu, tôi sợ những bất trắc không đáng có. Tế nhị thế nhưng đầu qua được mắt người già, cha tôi lẳng lặng vào buồng trong mặc bộ vét mà vợ chồng tôi đã tặng rồi ra khoe với mọi người:

- “Quà của vợ chồng thằng Ba đây. Thấy tụi nó cơ cực quá cha không nỡ nhận nhưng tụi nó cứ ép...”.

- “Đẹp đấy cha ạ, lại vừa vặn sít sao”. Chị tôi có vẻ thật lòng.

- “Em nghe thấy có mùi là lạ”. Hai cô em gái tôi khinh khinh hinh mũi lên.

- “Mùi gì? Mùi tiền thì có. Phải mấy triệu bạc”. Chị tôi thẳng thắn.

- “Hàng hiệu cũng không tới giá đó”.

- “Hàng hiệu... bún-gà-ry... thì có”. - Cô em út châm chích.

Tôi ngượng chín mặt, tính mắng em vô lễ nhưng dần được. Vợ tôi ghen ngào nhìn chị tôi:

- “Tụi em làm gì ra tiền...”. Rồi không nói được nữa, nước mắt chảy ròng ròng.

Chị tôi nhanh trí tới bế cổ áo cha tôi vờ xem rồi nháy mắt với hai đứa em tôi, đồng thanh:

- “Hàng hiệu rành rành đây này”.

- “Không, đồ xôn đấy cô ạ. Của cậu cháu biếu ông đấy”.

Hú hồn hú vía, tôi hóa phỗng. Chị tôi cũng chết trân. Chị không lường trước được rằng hành vi thỏa hiệp của chị với các em tôi, dù chỉ bằng ánh mắt, cũng đã bị đứa con trai tôi bắt gặp khi nó ngồi sau lưng các cô nó.

Bố tôi cười cười. Nụ cười khoan dung hướng về đứa cháu:

- “Ông gửi lời cảm ơn cậu cháu nhiều nhé; và cả gia đình bên ngoại cháu nữa. Ông ở quê nên món quà như thế này là quý lắm rồi. Xưa nay, ông chẳng đi tới đâu. Nhưng trước cái tình như thế này, từ nay, bất cứ khi đi đến chỗ nào trịnh trọng, ông sẽ đều mặc cái áo này, để nhớ đến các con các cháu. Ông rất quý cái tình, nhất là sui gia, họ hàng, nội ngoại rồi mới tới xóm giềng”.

Quay qua chúng tôi, giọng bố tôi dịu dàng ấm áp:

- “Cảm ơn các con đã thương bố, lo lắng cho bố. Các con yêu thương nhau như vậy là tốt nhưng bố muốn các con yêu thương nhau nhiều hơn nữa kìa. Dẫu biết đên nhà ai nấy rặng nhưng anh em như thể tay chân mà, không giúp được gì cho nhau thì cũng đừng tị hiềm nhau làm gì. Mình là người chứ đâu phải gà mà ghét nhau tiếng gáy. Bố có sống thêm được tuổi nào hay không là do các con có thương yêu nhau hay không”.

Nói rồi bố tôi bảo vợ chồng tôi nâng ly chúc mừng bố, chị và các em tôi.

Tất cả chúng tôi cùng đứng dậy, ly chạm ly, mắt chạm mắt cùng hô vang:

- “Một, hai, ba... Dzo...”.

Không khóc nhưng mắt chị tôi và vợ tôi cùng ầng ầng nước, họ ôm nhau an ủi vỗ về nhau.

Cảm ơn bố, cảm ơn chị, cảm ơn các em đã có lòng bao dung thương yêu. Tôi như sống lại thời thơ ấu, thời mà củ khoai mấy chị em cùng bẻ chia. Đứa nhỏ nhất phần nhiều nhất. Có đói, có thèm thưởng nhưng sao lòng vẫn lằng lằng sung sướng. Phải chăng sự hy sinh, đùm bọc giúp ta có thêm nghị lực để đứng vững trước mọi bão táp phong ba? ■



# Hai làn siết tay

VĨNH HIỀN

Bây giờ, trong không gian yên tĩnh và nhỏ nhắn của ngôi nhà nơi ông và bà đã sống với nhau suốt năm mươi năm qua, chỉ còn lại hai người với nhau. Các con ông đã quay về với cuộc mưu sinh tất bật của chúng, để lại ông nằm trên giường với căn bệnh hiểm nghèo đang chờ đến giai đoạn bộc phát cuối cùng; và bà, thanh nhã, khiêm nhường, ngồi lặng lẽ một bên, lắng nghe những hơi thở mỗi mòn đang dứt nhịp của ông. Bà chăm chú nhìn xuống khuôn mặt thân yêu quen thuộc đã ở bên cạnh bà suốt cả quãng thời gian dài dằng dặc của một kiếp người. Bầu không khí tĩnh lặng của mùa đông như chứng lại với tiếng reo lạnh canh của chiếc khánh treo ngoài lan can. Bất chợt từ đâu đó trong những ngôi nhà kế cận vang lên, cuộn tới và len vào không gian êm ả những giai điệu tuyệt vời của một bản nhạc không lời. Lúc này bà thấy ông đang từ từ mở mắt ra nhìn bà đắm đắm. Ánh mắt lạc thần của ông dường như được rọi vào một luồng sinh khí. Khuôn mặt già nua nhăn nheo của ông bỗng như giãn ra, đầm thấm lại. Bà đưa tay phải tới, nắm lấy bàn tay phải của ông. Bàn tay khô ran, co quắp

cổ nắm lấy, giữ lấy bàn tay bà. Chuỗi nhạc thánh thót của bản nhạc tỏa lan, quện lấy, chìm nổi, lay động và trầm lắng trong không gian tĩnh mịch. Bà cúi xuống sát hơn nữa, nhìn sâu vào mắt ông và nói: “Năm mươi năm trước, mình đã siết tay nhau lần đầu tiên trong ngày lễ thành hôn, sau khi đeo nhẫn cưới cho nhau, anh nhớ không?”. Ông chớp chớp mắt. Ánh mắt ông có vẻ nhận biết và hiểu lời bà. Bà lại cúi sát hơn nữa, miệng bà kề bên tai ông và bà từ tốn nói: “Vậy bây giờ mình hãy siết tay nhau lần cuối cho trọn một đời đã sống bên nhau... Bà không thốt lên được tiếng “nhé anh” cho tròn câu được nữa, bởi vì lệ đã tuôn trào xuống. Khuôn mặt hiền từ, đôn hậu của ông bỗng như sáng lên một ánh hào quang phản chiếu tình yêu sâu sắc thủy chung mà suốt cả nửa thế kỷ qua, ông và bà đã san sẻ cho nhau, vun đắp cho nhau. Một nét thanh thần chảy điều hòa trên sắc diện ông trước khi thở hắt hơi thở cuối cùng. Hai bàn tay ấy đã siết chặt nhau lần cuối cùng trong phút lâm chung của một người trong đôi uyên ương keo sơn gắn bó này, giữa tiếng nhạc du dương đưa tiễn của bản giao hưởng *Sonate Ánh trăng* của Beethoven. ■



Nếu ai đó đã một lần đến Đà Lạt, được cảm nhận cái lạnh có khi nhẹ nhẹ, có lúc se sắt của xứ sở sương mù, được đắm mình trong những cảnh đẹp không dễ gì có được, được thưởng thức, nhâm nhi ly cà phê mang một vị đắng đặc biệt và thả hồn lãng đãng trong những ca khúc của các nhạc sĩ Trịnh Công Sơn hay Ngô Thụy Miên để có cảm tưởng như mình trôi trong những cơn mưa nao lòng của xứ sở này thì hẳn không ai là không nhớ, không thương, không da diết, không hoài niệm bởi những gì đã được cảm nhận. Còn riêng tôi, do cơ duyên và một tình yêu đặc biệt đối với thành phố này, tôi đã được sống ở đây bốn năm; bốn năm không phải là một quãng thời gian quá dài, nhưng cũng đủ cho tôi biết yêu, biết nhớ mảnh đất với những nét rất riêng, rất lạ không nơi nào có được. Đã có lúc tôi là một du khách. Tôi trở về Đà Lạt sau hai năm xa cách. Biết bao cảm xúc, biết bao kỷ niệm chợt sống lại trong tôi như những ngày còn sống ở đây. Những con đường nhỏ quanh co ôm lấy thành phố, những con dốc dài triền miên, những ngôi biệt thự cổ kính ẩn khuất sau những rặng thông già vi vu trong gió, những buổi sáng sương mù che khuất tầm nhìn và rồi sau đó thành phố chợt bừng tỉnh trong ánh nắng mai,... tất cả đã tạo nên một Đà Lạt thật đặc biệt. Đến Đà Lạt, người ta còn được cảm nhận không khí thay đổi từng giờ mà người Đà Lạt

vẫn luôn tự hào "ở đây một ngày có đến bốn mùa đầy bạn à". Tôi đã từng sống, từng chứng kiến sự thay đổi trong ngày ấy không biết bao nhiêu lần, nhưng lần này với tôi vẫn có nét gì đó thật đặc biệt và kỳ diệu như lần đầu tiên cảm nhận được phong vị này. Đà Lạt là thế, vẫn luôn dịu dàng, e ấp, yêu kiều như một nàng thiếu nữ đang mơ màng cùng trời đất, gió mây. Trong cái tĩnh lặng cả thành phố, với một chút lắng lòng, bạn có thể nghe rất rõ tiếng "tách, tách" của những bông hoa đang nở tô điểm thêm cho vẻ đẹp thành phố, vốn có mỹ danh là "thành phố ngàn hoa". Đà Lạt có nhiều hoa lắm, hàng trăm, hàng ngàn loài hoa đua nhau khoe sắc dưới cái nắng vàng nhẹ nhẹ, mỗi loài hoa có một vẻ đẹp riêng, đặc trưng riêng; bên cạnh những loài hoa "nhân tạo" được con người chăm chút cẩn thận thì những loài hoa dại ven đường, trên triền núi, bên bờ hồ vẫn có một sức thu hút thú vị. Hoa dã quỳ vàng ánh lên vẻ rực rỡ, kiêu sa, hoa mimosa vàng lấp lánh tô điểm trên nền trời xanh vút, hoa anh đào ven hồ Xuân Hương nở rộ đón mùa xuân về,... Miên man cùng hoa dại, đắm mình trong những vẻ đẹp tự nhiên của tạo hóa ấy đã cho tôi những phút giây nhẹ nhàng, thanh thản đến lạ kỳ. Không chỉ có thế, tĩnh tâm trong tĩnh lặng, bạn còn có thể nghe tiếng nhựa sống đang chảy rạo rục trên những rừng thông vi vút; nhặt những quả thông già về kết hình trang trí luôn là thú vui nhỏ bé



của tôi những lúc rảnh rỗi; thật lạ, sao người ta không đặt thêm cho Đà Lạt một biệt danh là “thành phố ngàn thông” nhỉ, thông cũng là biểu tượng của Đà Lạt cơ mà. Lang thang dạo bước trong lơ đãng, lạc vào một quán cà phê ven bờ hồ Xuân Hương, bạn sẽ được đắm hồn mình trong những bản nhạc du dương, da diết, nhâm nhi vị đắng đặc biệt của cà phê mà chỉ có Đà Lạt mới có, một vị cà phê thật đặc biệt, xen lẫn vị đắng là vị béo, vị ngọt, là hương thơm, đậm đà lắm; tiếng nhạc vang lên thiết tha kéo du khách trở về với một miền quá khứ xa xăm “ừ thôi em về chiều mưa giông tới”, những giai điệu mà người chủ quán khéo chọn làm say lòng du khách phảng phất nét đặc trưng của thành phố. Và rồi cơn mưa giông chợt đến như giai điệu bài hát, đến rất nhanh; mưa Đà Lạt cũng thật đặc biệt, hiếm có lũ khách nào tránh được một cơn mưa vội ở thành phố này. Đà Lạt không có cái loáng thoáng của cơn mưa rào lất phất; đã mưa là ào ạt, là nồm nồm, mưa mang mùi thông ngai ngái, mùi đất đỏ bazan rừng rục, mưa kéo mây sà xuống gần thành phố làm tăng thêm vẻ đẹp huyền hoặc, huyền ảo của thành phố. Trong khi chưa hết ngỡ ngàng với muôn trùng cây, muôn trùng hoa, vô vàn cảnh đẹp của thành phố; du khách lại ngỡ ngàng, say đắm trước vẻ đẹp của cô nữ sinh Đà Lạt má đỏ, môi hồng, làn da trắng ngần, nhẹ nhàng e lệ trong tà áo dài trắng tinh khôi, bên ngoài khoác thêm một

chiếc áo len mỏng càng làm tăng thêm nét đẹp dịu dàng ấy. Chạy vội vào hiên quán trú mưa, lấy tay phủi vội những giọt mưa đã kịp vương trên tóc, trên áo, cô nữ sinh khép nép ôm chiếc cặp và thả hồn theo những giọt mưa đang thi nhau nhảy nhót những điệu nhảy riêng, huyền bí của mưa. Phải chăng chính khí hậu nơi đây đã góp phần tạo nên vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng, loli cuốn của những cô gái Đà Lạt? Ngoài kia, mưa đã dứt, cơn mưa giông buổi chiều đến và đi thật nhanh nhưng cũng kịp gieo vào lòng du khách những cảm xúc miên man khó tả. Vệt nắng cuối chiều le lói hắt hiu, màn sương chiều buông xuống phủ đầy bờ hồ, thật huyền hoặc, thật mơ hồ, cái lạnh se se dịu dịu không làm tôi rùng mình nhưng dấy lên trong lòng một cảm xúc mong tìm về một nơi ấm áp, một chốn bình yên. Đà Lạt là thế, vẫn luôn là thế, nhẹ nhàng, bình dị, mơ hồ, huyền hoặc và đặc biệt, lang thang và cảm nhận để thấy hồn mình sâu lắng hơn, đắm mình hơn và tràn đầy cảm xúc hơn.

Đến rồi đi, đi rồi đến và chắc chắn tôi sẽ quay lại đây trong một thời gian gần nhất; quay lại vì những điều bình dị, vì những nét rất riêng, rất lạ, vì những phút giây sâu lắng tâm hồn, để sống với những kỷ niệm bây giờ chỉ còn là hoài niệm. Quay lại thành phố của sự bình yên trong tâm hồn mình. Ơi, Đà Lạt một chiều mưa bay! ■



# Khi phố lên đèn

TƯ HƯƠNG

Có một chiều thôi bận bịu, ta lang thang xuống phố, ngồi ở một ghế đá vỉa hè hay mỗi quán cóc nào đó thân quen. Ta hãy gác lại những lo toan bề bộn, cất đi những lo lắng ưu tư, cứ để cho lòng mình miên man vô định, ta ngồi ngắm phố xá lên đèn...

Trong bóng chiều xuống vội, ngọn đèn đường và những ánh đèn màu của các cửa hiệu dần sáng lên, phố phường trở nên hối hả. Những vòng xe lăn vội, những ánh đèn nhòe và tiếng còi inh ỏi nơi ngã tư, trước công sở, cổng trường; phố lên đèn là thời điểm cuối ngày dễ khiến ta nao lòng. Sau những giờ làm việc, học hành căng thẳng, người ta hối hả về nhà, về bên tổ ấm yêu thương với mâm cơm chiều quây quần các thành viên. Nếu là người xa nhà lên phố đi làm hay đi trọ học, sẽ có những chiều ta cảm thấy tủi lòng như lạc giữa dòng người xa lạ chẳng biết nơi đâu đi về. Bữa cơm chiều bên mẹ yếu cha già, với anh chị em, đơn sơ mà sao khó đến thế! Bởi quê hương xa tít mịt mù, ta chỉ có gác trọ heo hút nơi hẻm vắng sớm hôm lui thủi. Có những chiều ta chợt thấy mình bơ vơ giữa cuộc đời, quang gánh mưu sinh học hành trĩu nặng, ta thấy mệt nhoài đôi vai. Giữa phố thành đông đúc, nhưng ta như đi trong chốn không người. Phố xá lên đèn, dòng người xe tấp nập, dòng đời cứ thế vội vàng, biết đâu ta cũng bị cuốn trôi theo, nếu không có những chiều như thế, để ta thấy mình nhỏ bé trong cuộc đời, để thấy ta cần những san sẻ yêu thương.

Nhưng đâu chỉ mình ta. Khi phố lên đèn, còn có biết bao mảnh đời khuất lấp, những góc tối lạnh thẫm mà lòng ta hờ hững đôi khi lãng quên. Một chiều muộn xuống phố, ta dừng vội trở về, hãy trải lòng mình quan sát, ta sẽ bắt gặp đâu đó còn có những kiếp sống lay

lắt, bơ vơ. Khi phố lên đèn, bao nhiêu người hối hả về nhà, vẫn có những em bán vé số lang thang hết quán này đến quán nọ, mong sao cho kịp hết xấp vé nhận trong ngày; vẫn có những cậu bé đánh giày lê đôi chân mệt nhọc về phía những quán ăn chẳng phải cho bữa tối mà nghĩ về những vị khách, không biết có ai muốn đánh giày. Khi phố lên đèn, bao nhiêu người có bữa cơm chiều bên gia đình ấm cúng thì vẫn còn đẩy những bác xe ôm phải lao đi vội vã về phía nhà ga nơi có chuyến tàu chiều nay đỗ muộn, vẫn còn đẩy những bác xích-lô ngồi lặng lẽ trong chính chiếc xe của mình mỗi mòn trông ngóng một vị khách nào đó đi nhờ. Rồi đâu đó bên vệ đường, nơi cuối con phố vắng, là bóng dáng liêu xiêu của đôi người hành khất dắt nhau đi về một chốn chưa dự định trước bao giờ. Ta còn có một quê nhà, một gia đình để mong ngóng; nhưng biết đâu những mảnh đời phiêu giạt ấy không còn một chốn nương thân. Người ta chẳng ai muốn làm hành khất, chẳng ai thích trôi giạt giữa dòng xoáy cuộc đời; nhưng cuộc đời lại đưa đẩy bao nhiêu người trôi giạt, khiến bao người phải thành hành khất tha hương...

Khi phố lên đèn, có nhiều điều đáng suy nghĩ. Trong cái chập choạng giữa ngày và đêm, đâu chỉ có người xe hối hả; vẫn còn đó những cuộc đời lặng lẽ, những bước chân nhọc nhằn. Phố lên đèn đâu chỉ có những vùng sáng rực rỡ, vẫn còn đó những gam tối, những góc khuất cuộc đời. Ta dù xa nhà nhưng vẫn có một nơi trở về sau những ngày mệt nhọc, một mái ấm để được chia sẻ yêu thương. Nhưng ngoài kia, trên vỉa hè của những con phố vắng lạnh, vẫn còn bao nhiêu cảnh đời lạc lõng, bơ vơ. Khi phố lên đèn, có khi nào ta chợt thấy mình đã hờ hững bấy lâu? ■

# Lời cảm ơn cuộc sống

Đầu tháng Mười vừa qua, một người bạn học cũ từ Hoa Kỳ về thăm. Gặp nhau, anh bạn nhắc tôi cô giáo dạy môn Triết hồi lớp 12 và cho biết cô vẫn còn minh mẫn, hiện sống ở Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Thật là xấu hổ, tôi ở Sài Gòn liên tục mấy chục năm, chỉ ba năm gần đây mới rút về “ẩn cư” trên Bảo Lộc này, mà hoàn toàn không biết gì về cô. Chúng tôi rủ nhau đi thăm cô. Đúng như lời anh bạn nói, cô còn sáng suốt lắm dù đã xấp xỉ tám mươi, sống với con cháu rất dễ huê, hạnh phúc. Trong lúc trò chuyện, khi anh bạn giới thiệu tên tôi, cô nhận ra ngay và nói, “Cô nhớ ra em rồi. Cô nhớ cả chuyện của em nữa. Hồi đó, chính thầy Kim Anh đóng học phí cho em mấy tháng cuối năm lớp 12, chứ không phải em được chủ trường cho miễn phí đâu”.

Lời cô nói làm tôi nhớ ra chuyện cũ.

Niên khóa 1971-1972, tôi học lớp 12B3 ở Trường Tân Khoa, một trường tư có tiếng ở tỉnh Gia Định. Bấy giờ chiến tranh đang ác liệt, chính quyền miền Nam phải đơn quân, giảm tuổi hoãn dịch để có nhân sự cho chiến tranh. Tôi học trễ mất một năm nên năm ấy đã phải làm hồ sơ xin hoãn dịch vì lý do học vấn và được cấp Thẻ Động viên tại chỗ. Tôi vẫn là một học sinh khá. Thầy Kim Anh dạy tôi môn Vật lý. Tôi còn nhớ, ngay buổi học Vật lý đầu tiên, thầy kiểm tra kiến thức phổ thông của học sinh về Cơ học và Điện học; sau khi thấy nhiều bạn trả lời không được, tôi giờ tay xin trả lời và thầy chấp nhận câu trả lời của tôi, do đó tôi được thầy chú ý. Tuy nhiên, việc học của tôi năm ấy không suôn sẻ. Nhập học được hai tháng, ba má tôi làm ăn thất bại, cuộc sống gia đình lao đao, tôi nợ học phí nhà trường nhiều tháng liền. Lại nữa, những thông tin về đơn quân cho thấy dù tôi có đậu Tú tài, nếu năm sau tôi không vào được một trường đại học thì tuyển thủ tôi cũng phải đi lính. Tôi bắt đầu lo là việc học và có những thái độ không được nghiêm túc.

Một hôm sau Tết Nguyên đán, thầy giám thị vào lớp gọi tên những học sinh chưa đóng học phí. Khi được nhắc đến tên, thay vì đứng lên xin khát, tôi lại bỏ ra khỏi lớp. Vài hôm sau, trong giờ môn Vật lý của thầy Kim Anh, tôi cũng bị gọi tên nhắc nhở và đã định linh ra ngoài thì được thầy Kim Anh bảo lãnh cho tôi được học trong vòng một tuần. Cuối giờ, thầy Kim Anh dặn tôi tuần sau gặp thầy. Tuần sau, cuối giờ học Vật lý, thầy kim Anh gặp riêng tôi. Thầy cho biết đã xin cho tôi được miễn học phí cho đến hết năm học. Tôi còn nhớ lời thầy dặn dò, “Em đừng buông xuôi mà phải cố gắng vượt qua hoàn cảnh. Không học thì chẳng làm được gì cả. Dù thế nào, người có học cũng được trọng dụng. Thầy thấy em thông minh, phải dùng cái thông minh ấy làm việc tốt cho mình cho đời, đừng để nó phí đi”. Quả tình sau đó tôi không còn bị nhắc nhở về việc đóng học phí. Điều tôi ngạc nhiên là vì sao thầy có thể tin rằng tôi chặm đóng học phí là vì có khó khăn; bởi lẽ thời ấy không thiếu những bạn cầm tiền học bố mẹ đưa để lao vào những chuyện tiêu pha nhảm nhí. Dù sao thì tôi cũng thay đổi. Chẳng những thế, những lần tôi lên bảng giải các bài toán Vật lý, tôi thấy thầy nhìn tôi bằng ánh mắt tin tưởng và tự hào. Năm ấy, thi Tú tài tôi đậu hạng Bình thứ; nhưng sau đó tôi vẫn phải đi lính vì không đậu vào một trường đại học thì tuyển. Tôi vẫn biết ơn thầy vì nhờ lời thầy dặn dò mà ngày nay tôi cũng có cuộc sống an vui. Nhưng tôi không biết rằng thầy đã phải dùng chính tiền lương của thầy để đóng học phí cho tôi.

Mấy chục năm đã trôi qua, tôi chưa bao giờ gặp lại thầy Kim Anh và cũng chẳng có điều kiện nào để biết hiện nay đời sống của thầy ra sao, vì hôm gặp cô giáo dạy Triết, cô cũng không biết.

Viết những dòng chữ này, tôi nhớ đến ơn lớn của thầy và cũng để cảm ơn nhân duyên đã khiến tôi biết rằng ơn thầy đối với tôi không chỉ về mặt tinh thần mà còn cả về mặt vật chất nữa.

Thầy ơi! Con hy vọng thầy đọc được những dòng chữ này, biết rằng con vẫn luôn nghĩ đến thầy và sẽ luôn cầu nguyện thầy mãi mãi được an lạc.

**Phan Thế Phương**, Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng



# Điều hòa cholesterol Phòng bệnh hiệu quả

**Hoạt động tế bào suy giảm, lối sống và dinh dưỡng thiếu hợp lý dễ gây rối loạn mỡ máu, dẫn đến gan nhiễm mỡ, tiểu đường, cao huyết áp, nguy cơ nhồi máu cơ tim... Tăng cholesterol trong máu là biểu hiện của rối loạn mỡ máu.**



**Ảnh: Siêu âm tim cho bệnh nhân**

## Rối loạn mỡ máu

... Theo bác sĩ điều trị, với trị số cholesterol toàn phần cao quá mức là biểu hiện bất thường cho sức khỏe. Bác sĩ Lê Đức Định Miên, BV Nguyễn Tri Phương, cho biết: Đa phần người bệnh thừa cân, béo phì cho kết quả xét nghiệm máu đều có mức cholesterol cao hơn bình thường. Nhưng nhiều người có cân nặng bình thường, thậm chí dưới chuẩn vẫn có thể bị mỡ trong máu cao. Điều này cho thấy bệnh nhân có thể bị rối loạn mỡ máu. Theo các chuyên gia y tế, mỡ máu (lipid máu) là thành phần chất béo lưu thông trong máu, có vai trò cung cấp và dự trữ năng lượng cho cơ thể, tham gia cấu tạo tế bào và các tổ chức, đặc biệt là cấu tạo màng tế bào, màng nhân, màng ty thể... Trong khi, cholesterol là thành phần quan trọng tham gia cấu tạo tế bào, đóng vai trò trung tâm trong nhiều quá trình sinh hóa. Cơ thể cần cholesterol để sản xuất các hormone (đặc biệt các hormone tuyến thượng thận, sinh dục) và vitamin. Cholesterol cần thiết cho các hoạt động của não, hệ miễn dịch, đảm bảo chức năng sống còn và duy trì nòi giống. Có đến 80% lượng cholesterol được cơ thể tự tổng hợp (đường nội sinh), còn lại 20% hấp thu từ thức ăn (đường ngoại sinh). "Cơ thể luôn

cần cholesterol nhưng thiếu hụt hay dư thừa đều gây nên những nguy hại cho sức khỏe", BS Miên nhìn nhận.

Theo Hội Tim mạch Việt Nam, rối loạn mỡ máu gây ra nhiều bệnh nguy hiểm nhưng ít có triệu chứng rõ ràng, không có biểu hiện cụ thể. "Đa phần bệnh nhân không có biểu hiện gì, trừ khi bệnh nhân có các biến chứng như tai biến mạch máu não, hoặc có mảng xơ vữa của mạch máu. Bệnh đặc biệt gia tăng với tuổi cao, tuổi càng cao tỷ lệ rối loạn chuyển hóa mỡ càng cao", BS Trần Chí Cường, Trưởng đơn vị đột quỵ - mạch máu Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM cho biết. Thông thường bệnh rối loạn mỡ máu là mối lo ngại của những người có tình trạng cân nặng dư thừa, nhưng thực tế nhiều người cân nặng bình thường vẫn có nguy cơ bị tăng mỡ máu. Theo Viện Dinh dưỡng Quốc gia, khoảng 26% người Việt Nam ở lứa tuổi 25 - 74 bị rối loạn mỡ máu. Tại các thành phố lớn có tỷ lệ mỡ máu cao lên tới 44% - 45% như ở TP.HCM, Hà Nội.

GS.TS Phạm Gia Khải, Chủ tịch Hội Tim mạch Việt Nam, đánh giá trung bình cứ 2 người ở thành thị có 1 người thừa cholesterol, cứ 3 người cao tuổi lại có 2 người thừa cholesterol. Đây là tỷ lệ đáng

lo ngại bởi tình trạng cholesterol máu cao có thể dẫn đến rất nhiều nguy cơ cho sức khỏe, đặc biệt là tim mạch.

## Nguy cơ đủ thứ bệnh

Theo các chuyên gia y tế, nguyên nhân rối loạn mỡ máu về nguyên phát là do yếu tố di truyền nhưng tỷ lệ không cao. Trong khi nguyên nhân thứ phát do chế độ ăn uống, sinh hoạt, công việc căng thẳng, sử dụng thuốc và biến chứng của một số bệnh lại chiếm tỷ lệ lớn. Đặc biệt từ sau tuổi 30, chức năng của các tế bào nói chung bị suy giảm, chuyển hóa cơ bản giảm, làm tăng nguy cơ rối loạn mỡ máu. Còn các chuyên gia tim mạch cho rằng, nếu như trước đây người ta chỉ đề cập đến rối loạn mỡ máu ở tuổi từ 60 trở lên thì hiện nay ngay từ tuổi trên 20 đã có nhiều người mắc bệnh. Hậu quả trực tiếp của rối loạn mỡ máu làm biến chứng mạch máu, gây xơ vữa động mạch dẫn đến nhiều bệnh nguy hiểm. Ngoài ra, rối loạn mỡ máu còn liên quan đến nhiều rối loạn chuyển hóa khác.

Tăng cholesterol trong máu là nguyên nhân chủ yếu của quá trình xơ vữa và dẫn làm hẹp các động mạch cung cấp máu cho tim. Theo GS Phạm Gia Khải, Chủ tịch Hội Tim mạch Việt Nam, các nghiên cứu nhận thấy người có lượng cholesterol trong máu cao có tỷ lệ mắc bệnh mạch vành cao gấp 2 - 3 lần so với người bình thường. Tăng cholesterol trong máu cũng là nguyên nhân gây nên các bệnh cao huyết áp, đột quỵ, gan nhiễm mỡ, sỏi mật, tiểu đường, béo phì. Về mặt dinh dưỡng, các chuyên gia y tế nhìn nhận nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng tăng mỡ máu là do ăn uống quá nhiều thức ăn chứa nhiều chất béo và cholesterol như thịt heo, thịt bò, sữa nguyên kem bơ, pho-mát, trứng, phủ tạng động vật. Ngoài ra, việc không tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, hút thuốc, tuổi tác, di truyền, thừa cân cũng là những yếu tố nguy cơ.

Vì vậy, theo các chuyên gia y tế, điều hòa cholesterol, kiểm soát mỡ máu là vấn đề cần quan tâm nhằm ngăn ngừa tình trạng rối loạn mỡ máu, giúp cơ thể khỏe mạnh và phòng tránh các bệnh lý nguy hiểm do rối loạn mỡ máu gây ra. Người bệnh rối loạn mỡ máu cần thay đổi chế độ ăn và lối sống. Chế độ ăn giảm đạm, hạn chế ăn nội tạng động vật, hạn chế ăn chất béo có nguồn gốc từ động vật hoặc các dầu có axit béo no bão hòa. Bên cạnh đó, cần duy trì lối sống lành mạnh, tập thể dục đều đặn, hoạt động thể lực đúng cách giúp cải thiện mỡ máu. Nếu có chỉ định điều trị, bệnh nhân cần tuân thủ theo chỉ định của bác sĩ.

TƯỜNG LÂM

Nguồn: Báo Sài Gòn Giải Phóng



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
  - Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (Green Agate)
  - Ngọc Bích Phật Ngọc (Nephrite Jade)
  - Gỗ hóa thạch ngọc (Fossil Wood)
  - Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật điêu khắc từ đá bán quý - trang sức đá quý.
- 100% hàng THIÊN NHIÊN (có giám định Viện Địa Chất Đá Quý)**

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

\* Showroom COASTAL GEMS:

86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM  
Tel: 08. 62784225 - 22465169

\* Gian hàng COASTAL GEMS:

Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng 6  
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM  
Tel: 08. 22174726

Hand-phone: 0938 849 886 - 01228 986 668 (Mr. Duy Pham)

\* Website bán hàng online:

[www.daphongthuy.com.vn](http://www.daphongthuy.com.vn)  
[www.coastalgems.com.vn](http://www.coastalgems.com.vn)  
[www.ngocbichvn.com](http://www.ngocbichvn.com)



## CÔNG TY TNHH TM XD XNK NGÔI NHÀ ĐẸP

**SHOWROOM: NGÔI NHÀ ĐẸP TOTO**

253 Nguyễn Thị Thập, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM  
Hoặc: 68/100 Đồng Nai, P.15, Q.10, TP.HCM

- **Chuyên cung cấp:** Thiết bị vệ sinh và trang trí nội thất với mẫu mã đa dạng, đẹp, sang trọng, tốt...
- **Đặc biệt hỗ trợ tối đa đối với:** Chùa, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất và các anh, chị Phật tử.
- **Xin vui lòng liên hệ:**  
**Ms. Thúy** (Pd. Nguyễn Trúc) - 0903 962 646  
**Ms. Hồng** - 0163 4898 903 - 3771 9772 - 3771 8772

Cửa hàng

## KHAI TÂM



Chuyên cung cấp:

- KINH - SÁCH - ĐĨA - MÁY NIỆM PHẬT
- PHÁP PHỤC - TRANH TƯỢNG
- VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

282/19/6 Bùi Hữu Nghĩa, P.2, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08.3510.4146 - 0903.66.41.36

Email: [khaitamphatphap@gmail.com](mailto:khaitamphatphap@gmail.com)

# Thông báo về giai phẩm Xuân Giáp Ngọ - 2014

**Giai phẩm Xuân Giáp Ngọ - 2014** của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dự kiến phát hành trước ngày 15-1-2014 (nhằm ngày 15 tháng Chạp năm Quý Tỵ). Với nội dung phong phú, hình ảnh đẹp, trình bày trang nhã và là món quà mang đậm nét văn hóa để tặng cho đồng đạo, bạn hữu, người thân nhân dịp xuân về.

Trân trọng kính mời chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử, các vị doanh nhân và quý độc giả xa gần tham gia: Đăng thiệp chúc Tết, quảng cáo sản phẩm và viết PR giới thiệu về hoạt động từ thiện và các hoạt động phục vụ của doanh nghiệp trong mùa xuân cũng như đăng ký mua giai phẩm Xuân ủng hộ nhiệt tình cho Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Giá bán giai phẩm Xuân: 42.000đ/cuốn.  
Giá đăng quảng cáo: (bìa 2 và bìa 4 đã có khách đăng ký)

- Bìa 3: 8 triệu

- Trang ruột:

1 trang: 5 triệu,

1/2 trang: 2.500.000đ,

1/4 trang: 1.000.000đ,

1/8 trang - thiệp chúc Tết: 500.000đ

**Vui lòng liên hệ đăng ký từ nay đến ngày 28-12-2013** với Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM. Điện thoại: 0907 164 066 (Phát hành), 0918 032 040 (Quảng cáo) và 0913 810082 (viết PR chùa và doanh nghiệp).

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO



## XUỞNG ĐIÊU KHẮC ĐÁ MỸ NGHỆ MỸ HẢO

Chuyên điêu khắc đá:

- **Tượng Phật giáo:** Các tôn tượng Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật Dược Sư, Quán Thế Âm Bồ-tát, 18 vị La Hán, Đạt Ma Tổ sư và phù điêu Phật giáo...
- **Trang trí sân vườn:** Tiểu cảnh, bàn ghế, đèn vườn, đài phun nước...
- **Sản phẩm khác:** Tượng Phúc Lộc Thọ, tượng Chăm, tượng thú, tượng chân dung...

**Vui lòng liên hệ:** Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn,

225, tổ 6, ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai.

ĐT: 098.9212189 – Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Website: [www.tuongdamyhao.com](http://www.tuongdamyhao.com)



**DHARMA GARDEN**

website: [www.phapuyen.com](http://www.phapuyen.com) – email: [lienhe@phapuyen.com](mailto:lienhe@phapuyen.com)



**NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS**

Email: [nhasach@phapuyen.com](mailto:nhasach@phapuyen.com)

**QUÁN CHAY - DHARMA FOODS**

Email: [quanchay@phapuyen.com](mailto:quanchay@phapuyen.com)

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT: (08) 35 035 579 – 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM  
ĐT: (08) 36 026 650 – 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM  
ĐT: (08) 36 026 818 – 0916 943 877

**phát hành:** kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

**ăn phẩm:** trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng  
**y phục:** nhận may pháp phục và đồng phục



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ**



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 – 0938734035

**“Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế”**



Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐB: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

**Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: [quangnghecandle@yahoo.com.vn](mailto:quangnghecandle@yahoo.com.vn)

Website: [www.quangnghecandle.com](http://www.quangnghecandle.com)



Email: [saigonphukim@gmail.com](mailto:saigonphukim@gmail.com) - Website: [www.sgpk360.com](http://www.sgpk360.com)



**Đang phát hành**

**VĂN HÓA  
PHẬT GIÁO**

đóng bộ **Tập 1 năm 2013** từ số 168 đến số 179  
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ: Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

# Lịch

## VĂN HÓA PHẬT GIÁO

### 2014 GIÁP NGỌ

Góp Nhặt  
Tinh Hoa



Bộ lịch Văn Hóa Phật Giáo với chủ đề **“Góp nhặt tinh hoa”**

Khổ 35x70cm, nẹp thiếc, 5 tờ, trình bày trang nhã, hình ảnh sinh vật bé nhỏ với môi trường thiên nhiên.

Giá: 14.000đ/cuốn. (sẽ có in tên đơn vị 2 màu nếu đặt lịch với số lượng lớn)

Lịch được phát hành tại Phòng phát hành Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo,  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8. Q.3, ĐT: 08.38484 355 – 0907 164066

**Đón đọc**

# VĂN HÓA

**P HẬT G I Á O**

**Số 190**

**Phát hành ngày 1 - 12 - 2013**

## **CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:**

### **HÀ NỘI**

Nhà hàng cơm chay – trà đạo  
Bồ Đề Tâm  
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa  
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình  
Hà Nội  
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân  
74 Quán Sứ, Hà Nội  
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1  
Chuyên viên Phòng Tổng hợp  
Trường Đại học Kiến trúc  
Km 10, đường Nguyễn Trãi,  
Quận Thanh Xuân, Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2  
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,  
Hà Đông - Hà Nội  
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân  
ĐT: 0938 071 188

### **QUẢNG BÌNH**

Cô Nguyễn Phước  
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm  
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB  
ĐT: 0917 703 325

### **THỪA THIÊN-HUẾ**

Anh Trần Văn Tỷ  
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức  
182 Phan Bội Châu, TP. Huế  
ĐT: 0905 168 411

### **ĐÀ NẴNG**

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,  
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,  
chùa Phổ Đà  
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm  
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)  
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã  
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 05113565021  
(Chị Ty)

### **QUẢNG NGÃI**

Phòng phát hành  
Văn hóa phẩm Phật giáo  
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi  
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211  
(chị Linh)

### **BÌNH ĐỊNH**

Chị Hoàng  
Phòng phát hành Hiến Nam  
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng  
Thư quán chùa Long Khánh  
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn  
ĐT: 0987 219 374

### **KHÁNH HÒA**

Chị Hương,  
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn  
số 20 đường 23 tháng 10,  
TP. Nha Trang  
ĐT: 058 2241 868 – 0168 2552 374

### **NINH THUẬN**

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,  
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,  
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

### **DAKLAK**

Thầy Thích Nguyễn Huân,  
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,  
TP. Buôn Ma Thuột  
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

### **LÂM ĐỒNG**

Thầy Thích Minh Tuệ  
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt  
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ  
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc  
ĐT: 0169 8287 177  
(Cô Hương)

### **BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Cô Vân, chùa Từ Quang  
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu  
Bà Rịa-Vũng Tàu  
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên  
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,  
Bà Rịa Vũng Tàu  
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

### **SÓC TRĂNG**

Đại đức Thích Trung Hữu  
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng  
ĐT: 0907 465 073

### **CẦN THƠ**

Chị Tâm, Phòng phát hành  
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,  
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,  
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,  
TP. Cần Thơ  
ĐT: 0918800707 – 07103827685

### **TIỀN GIANG**

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm  
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt  
TP. Mỹ Tho  
ĐT: 0733.877.054

### **VĨNH LONG**

Nhà sách Khánh Tường  
135B đường 2 tháng 9, P.1  
thị xã Vĩnh Long  
ĐT: 070. 834 653 – 070. 834 654  
(Chú Tư Nở)

### **TP. HỒ CHÍ MINH**

Tại tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3  
ĐT: 38.484.335

**VĂN HÓA PHẬT GIÁO** đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách  
và các sạp báo trong thành phố.

**Giá: 19.000 đồng**

**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**